

BƯỚC VÀO THIỀN CẢNH

Tác Giả-HIROSACHIYA

Dịch Giả-TT.Thích Viên Lý

Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới Xuất bản 1998

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 4-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

TỰA

CHƯƠNG I - THIỀN LÀ TRÍ TUỆ CỦA SINH HOẠT

THANH TĂNG VÀ MỸ NỮ

LÀM THẾ NÀO VỆT MÂY ĐỂ THẤY MẶT TRỜI

ĐỪNG CHO RẰNG MỤC HẠ VÔ NHÂN LÀ “TINH THẦN TỰ TẠI”

KHẢI THỊ THẤY ĐƯỢC TỪ MỘT TIÊU THIỀN SINH DỪNG RỎ TRE ĐỂ

HỨNG NƯỚC MƯA

KHÔNG NÊN BIẾN THÀNH TÙ BINH CỦA THƯỜNG THỨC

THIỀN LÀ THUỐC CÓ CÔNG HIỆU ĐẶC BIỆT ĐỂ AN ĐỊNH TÂM THẦN

BẢO TRÌ TÂM THỨC KHOÁNG ĐẠT

TỈNH GIÁC QUÁN CHIẾU THẾ GIỚI NỘI TÂM

KHÔNG NÔNG NỖI VÌ NHÂN TÌNH THẾ THÁI

LÀM SAO ĐỂ CÓ THỂ SINH HOẠT MỘT CÁCH TỰ TẠI

CHƯƠNG II - HƯỚNG CAO TĂNG HỌC TẬP THIỀN TÂM

ĐỨC THÍCH TÔN

LỤC TÔ HUỆ NẰNG

ĐẠI CHU HUỆ HẢI

BÀNG CƯ SĨ

ĐIỀU SÀO ĐẠO LÂM

NAM TUYỀN PHỔ NGUYÊN

TRIỆU CHÂU TÙNG PHẨM

CỤ CHỈ HÒA THƯỢNG

LÂM TẾ NGHĨA HUYỀN

HY HUYỀN ĐẠO NGUYÊN

NHẤT HƯ TÔN THUẦN

BÀNG KHUỆ VĨNH TRÁC

BẠCH ÂN HUỆ LẠC

ĐẠI NGU LƯƠNG KHOAN

CHƯƠNG III - LÀM SAO THỂ NGỘ ĐẠO LÝ “ĐƯƠNG HẠ TỨC THỊ”

VÌ SAO THIỀN SƯ CỤ TUYỆT 3 LẦN

KHÔNG NÊN CƯỖNG CẦU HOÀN MỸ
KHÔNG PHẢI LÀ “LÀM LỖI” MÀ LÀ VÌ “MÊ MUỘI” NÊN BỊ QUỶ TRÁCH
CHỚ NÊN RONG RUỖI TÌM CẦU
DO DỰ, BẤT QUYẾT THẤY ĐỀU VÔ DỤNG
TRÂN TIẾT “HIỆN TẠI, NGAY BÂY GIỜ”
HIỆN TẠI KHÔNG THỂ NHÃN NẠI VỊ LAI CHẮC CHẴN THỌ BÁO
HẬU KỶ VỊ LAI CHẮC CHẴN THỌ BÁO

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Trong thời đại của chúng ta hôm nay, thiền không phải chỉ là pháp môn tu tập để kiến tánh thành Phật, vốn được xem như là sắc thái đặc thù của chốn sơn môn, mà đã và đang trở thành những phương thức trị liệu đầy kiến hiệu trong các ngành tâm lý và xã hội. Ở cả Đông và Tây phương, con người càng ngày càng trực nhận ra được khả tính ưu việt và độc đáo của thiền trong việc giải thoát những khổ lụy, những ưu phiền của đời sống cá nhân và xã hội.

Chính trong chiều hướng đó, ngày càng có nhiều người đến với thiền. Cảnh giới thiền, vì vậy, thường xuyên đã có khác vắng lai. Trong số những khách vắng lai ngày này không ít người còn mang cái cảm thức xa lạ, ngại ngùng, lo lắng hoặc thậm chí còn bị lầm lạc. Trong tình cảnh đó, một cuốn chỉ nam thật là cần thiết và hữu ích biết bao!

“Bước Vào Thiền Cảnh”, như chính tác giả gọi là một cuốn “Du Lịch Chỉ Nam” đến thế giới thiền. Mặc dù, tác giả đã khiêm tốn và tế nhị tự ví mình là “người ngoại địa” để nêu lên cái giới hạn của cuốn sách, nhưng người đọc sẽ nhận chân ra được sức mạnh tâm linh thực chứng của kẻ nội địa mà chính tác giả đã trang trải trên từng chữ từng lời. hirosachiya đích thực là một hành giả thiền xuất thân từ các thiền viện truyền thống của Nhật Bản. Người chuyển dịch tác phẩm này từ Nhật Ngữ sang Hoa ngữ là Pháp Sư Thích Pháp Chứng, một danh Tăng của Phật Giáo Trung Hoa

Thượng Tọa Thích Viên Lý, một nhà lãnh đạo trẻ ưu tú của Phật Giáo rất uyên thâm về phật học và lãm bác về Hán văn với những dịch phẩm giá trị đã được xuất bản trong những năm vừa qua, nhất là tác phẩm mới xuất bản bằng Anh Ngữ: “The Four Sublime States,” Thượng Tọa đã nhận thức được sự cần thiết về một cuốn “Chỉ Nam” đến thế giới thiền hầu giúp ích cho khách thập phương tránh được những lầm lạc, những ngõ ngàng ở bước khởi đầu, nên đã phát tâm dịch cuốn “Bước Vào Thiền Cảnh.”

Chúng tôi xin thành tâm tri ân công đức vô lượng của Thượng Toạ đối với việc làm đầy ý nghĩa này và trân trọng kính giới thiệu đến quý độc giả cuốn “Bước Vào Thiên Cảnh”

California, mùa hè năm 1998
Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới

---o0o---

TỰA

Quyển sách này thuộc loại “Du Lịch Chỉ Nam” dùng để hướng dẫn đến một quốc gia có tên là THIÊN, hay gọi là “Thiên Chi Quốc”. “Du Lịch Chỉ Nam” là loại sách chuyên viết cho người du lịch. Thí dụ, muốn thực hiện một chuyến du ngoại Âu Châu hoặc tháp tùng một cuộc hành hương chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ, chúng ta sẽ cần phải mua loại “Du Lịch Chỉ Nam” có liên quan đến Châu Âu, Ấn Độ v.v... Tuy nhiên, ý định đôi khi cũng có một vài ngoại lệ vì không hẳn chỉ khi nào đi thăm thú nơi xa mới mua “Du Lịch Chỉ Nam”, mà mua vì tự nhủ “Một dịp nào đó khi thực hiện chuyến du lịch sẽ dùng đến...” Tóm lại, “Du Lịch Chỉ Nam” Là loại sách lấy du lịch làm chủ đề

Nhưng, nên hiểu rõ quyển “Du Lịch Chỉ Nam” này là quyển sách chỉ dẫn đến nước Thiên. “Thiên Chi Quốc” chỉ chuyên viết cho những người muốn học cách để du lịch “Nước Thiên” Vì thế, nếu ai toan tính di cư đến thổ ngơi của “Thiên Quốc” thì quyển này chẳng giúp ích được bao nhiêu, điều thiết yếu cho những người này là cần có thêm nhiều loại sách cao thâm hơn.

Ngoài ra còn điểm cần nói rõ: Lấy thí dụ như lịch chỉ nam ở Ấn Độ, sách loại này ít khi do người Ấn Độ viết mà thường là do người quốc biên soạn. Chẳng phải người Ấn Độ không viết được, nhưng vì bản thân người nội địa không nhìn ra những khó khăn ràng buộc của vấn đề như người ngoại quốc nhận thấy, nên đa số sách chỉ nam do họ viết dễ hiểu hơn. Nhưng, cũng vì tác giả không là người bản xứ nên khó tránh những điều sơ xuất.

Không khác, đối với “Thiên Quốc”, Cảnh Giới Thiên lại do bút giả là “người ngoại địa” biên soạn, cho nên quyển sách đơn giản và dễ hiểu này (là điểm bút giả lấy làm hãnh diện nhưng tuyệt đối không tự do là siêu phạm) nếu có gì sơ xuất, xin tạ lỗi trước cùng độc giả.

Quý độc giả muốn nhờ sách này để đến “Thiền Quốc” du ngoạn một phen? Tôi xin được vinh hạnh đưa các bạn đến “Thiền Quốc” để du lịch, nhân cơ hội này, bút giả lại có dịp trở lại “Thiền Quốc” thăm thú lần nữa.

HIROSACHIYA

---o0o---

CHƯƠNG I - THIÊN LÀ TRÍ TUỆ CỦA SINH HOẠT

THANH TĂNG VÀ MỸ NỮ

“Cô mộc hàn nham” có nghĩa là: cây gỗ khô, ghềnh đá lạnh. Trong danh tác “Ngã Thị Miêu” của văn học gia Hạ Mục Sáu Thạch đã xuất hiện thành như thế.

Con mèo, vai chính trong tác phẩm, trong một đoạn văn khi bình thuật về người chủ Khô Sa Di của nó, đã phát triển biểu như sau:

“Thường ngày, chủ nhân tôi cứ mang bộ mặt biểu lộ cái tình cảm “cô mộc hàn nham” lạnh lùng như gỗ đá, nhưng thật sự tuyệt đối ông không phải là người lãnh đạm với nữ nhân...”

Hạ Mục tiên sinh thường hay sử dụng một từ ngữ khó hiểu, điển hình như “cô mộc hàn nham”, nhưng dựa trên mặt chữ vẫn thừa sức nhận ra cái ý “Cây khô và ghềnh đá lạnh”. Và xem lại toàn ý của đoạn văn, có thể hình dung ngay thái độ lãnh đạm đối với nữ nhi quả giống như cây khô ghềnh lạnh, khô khốc không một mảy may nhiệt tình nào.

Đây là lối dụng ngữ trên văn đàn, thực tế thì đây là một câu Thiền ngữ. Nguyên lai điển tích như thế này:

Trước kia, có một vị hoà thượng thanh tu, sống cuộc sống rất thanh tịnh trang nghiêm gần như là cảnh giới thánh nhân. Vì thế, quanh ông không thiếu gì người đeo đuổi, trong đó có một vị lão thái bà, ngưỡng mộ vị Thanh Tăng Này hơn ai hết. Liên tục suốt 20 năm liền, bà chưa gián đoạn sự cung dưỡng đối với vị Tăng bao giờ

Nhưng, phương thức cung dưỡng của vị lão thái bà này tương đối kỳ quặc đặc biệt, bà luôn lựa mấy thiếu nữ xinh đẹp đưa đến để phục dịch hầu

hạ vị Thanh Tăng. Nhưng cuối cùng, mỹ nữ đối với Thanh Tăng giống như đồng tiền vàng đối với mèo. Trên căn bản không có tác dụng gì sao? Hay giống như cá khô đối với mèo, có một hấp lực dụ dỗ lôi cuốn mãnh liệt? Đây là việc không thể biết được.

Hai mươi năm trôi qua.

“Phải, đã đúng lúc rồi...” Lão bà nghĩ thầm trong lòng

Thế là một hôm, bà đặc biệt dạy bảo bọn thiếu nữ cố gắng quyến rũ hoà thượng.

“Lại đây nào! Chịu không nào!” Những thiếu nữ được bà căn dặn, bày lộ tư thái khêu gợi. Bên tai Thanh tăng phát ra những tiếng phát nộ, bấy giờ Thanh tăng lên tiếng:

“Cô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí”

Tam đông ý nói gồm Mạnh đông, Trọng đông, Quý đông, tức ba tháng mùa đông. Trong mùa đông vốn đã lạnh lẽo, cây cỏ bám leo theo vách hồ thắm càng lạnh lẽo hơn. Thanh tăng thốt ra lời này để bày tỏ rằng: lòng ông đã triệt ngộ nên được trong sạch yên tịnh, không vì sắc đẹp mà giao động thối hoá. Xem ra, thật vị Thanh tăng này đã tu đến cảnh giới “như như bất động”...Không, hãy khoan luận đoán bừa bãi, câu trả lời với đám mỹ nữ của Thanh tăng sẽ được đãi ngộ ra sao, đó mới là trọng điểm

Sau khi nghe thiếu nữ trở về bẩm báo rõ ràng sự việc, lão thái bà dùng dùng nổi giận:

“Á! Tức chết được! Ta đã phí công cung dưỡng người phạm tục này suốt hai mươi năm...” Nói xong, bà tức khắc đuổi vị Thanh Tăng ra khỏi lều tranh, rồi phóng hỏa thiêu rụi túp lều

Đây là điển tích của thành ngữ “Cô mộc hàn nham”.

Quý độc giả có lãnh ngộ được đạo lý gì từ điển cố này không?

---o0o---

LÀM THẾ NÀO VỆT MÂY ĐỂ THẤY MẶT TRỜI

“Xem ra, vị Thanh Tăng này thật đã tu đến cảnh giới “như như bất động”. Ở trên, tôi đã nói thế. Kỳ thực, lời nói này hàm ẩn mùi vị mĩa mai. Bởi vì giống như lão thái bà, đối với thái độ của vị Tăng này tôi cho là không đúng. Vị Thanh tăng có đích thật là thánh tăng, cao tăng? Nhưng cao tăng cũng là người, tại sao trông thấy gái đẹp phải tạo ra tư thái “cô mộ hàn nham”? Tôi lại muốn lột tằm da của quyển Chánh Kinh nghiêm túc này để tra tìm cứu cánh.

Nhưng, cần phải hỏi lại, thái độ vị Thanh tăng này có điểm nào không đúng? Mặc dù thái độ của ông gây cho người khác có những phản cảm, nhưng nếu suy ngẫm kỹ, thì không thể bảo rõ chỗ nào là điểm không đúng. Ông là bậc xứng đáng để được khen ngợi? Lý do, ở địa vị bạn, khi một thiếu nữ xin đẹp đến liếc mắt đưa tình để tìm cách rung động lòng bạn, rồi chu môm nũng nịu thốt lên:

“Hãy lại đây ôm lấy tôi” – lúc ấy bạn sẽ phản ứng ra sao? Nếu như tôi... Đương nhiên thực tế thì tuyệt đối chẳng có ai ngã vào lòng tôi. Nhưng cứ giả thử có một cô gái xinh đẹp thật sự xuất hiện trước mắt, thì thôi phải làm sao cho chu toàn đây? “Được rồi! nếu không dám tiếp nhận sự mời gọi nồng nàn của mỹ nhân thì không đáng là bậc hảo hán!” – Tôi nghĩ, kết quả chắc phải như vậy thôi – vì dù sao thì mình cũng chỉ là hạng phàm phu tục tử.

Nhưng, một khi vai chánh hảo nam nhân kia đổi thành vị hoà thượng mà làm như thế thì quả thật không nên. Nếu hoà thượng mà ôm lấy đàn bà, thì phải chăng công phu tu hành mấy mươi năm khổ nhọc đã huỷ hoại trong một ngày? Kết quả không những uổng công mà không chừng danh dự còn bị chà đạp! Nhưng, trong cảnh ngộ này, hoà thượng phải hành xử thế nào ngoài cách nghiêm trang thốt lên “Cô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí”, không lẽ chẳng còn cách nào khác?

Chính vì thế, thoại đề lại quay về khởi điểm.

Nếu cứ tiếp tục lặp lại mãi thoại đề này một cách trùng phức theo vòng xoay, thì đây chính là “Công án thiền thoại” nổi tiếng trong Thiền môn (1), nếu quý vị tham khảo và có thể tìm ra đạo lý trong ấy, thì đích thực quý vị đã tri nhận được Thiền.

“Như thế, thế thì kết quả sẽ ra sao?...” – Đây là phương thức tư khảo cố định của thiền. Hãy dùng công án “Cô mộc hàn nham” (chúng ta thường gọi

là “Lão bà đốt am”) này để tham khảo! Muốn giải đáp quý vị cần phải hạ thủ công phu để lãnh ngộ. Có người sẽ thắc mắc: “Nhưng hạ thủ công phu bằng cách nào?” và nếu không tìm ra đáp án chỉ còn có cách: “Thôi hãy tìm đến thiền đường, mời một vị thiền sư cao minh chỉ lối!” Mỗi khi có sự việc liên quan đến phương diện tu thiền, phần đông đều không thoát khỏi câu cả trời đại khái như thế.

---o0o---

ĐỪNG CHO RẰNG MỤC HẠ VÔ NHÂN LÀ “TINH THẦN TỰ TẠI”

Mặc dù đối với phương thức tu thiền, tôi đã không cho là như thế.

-- Miễn toạ Thiền --

Phương thức của tôi, thoát nghe qua có lẽ có điều chi quái dị, nhưng tôi vẫn cứ thử đề xướng. Đối với những tục gia tu tập tại nhà như chúng ta, cứ nghĩ rằng ngày nào cũng phải đến thiền đường dường như là việc khó có thể được. Chẳng lẽ vì thế mà ngôi nhà không thể tu thiền được sao?

“Không thể tại gia”, số người chủ trương như vậy không phải là ít, trước khi, Đạo Nguyên thiền sư là một trong số vị ấy. Tuy khi từ Trung Quốc trở về Nhật Bản, Ngài khẳng định là người tại gia có thể tu thiền, nhưng về sau Ngài lại chuyển sang chủ nghĩa xuất gia tuyệt đối. Từ điểm này đã biểu hiện tron vẹn tánh cách tuyệt đối không thỏa hiệp đối với sự việc chưa đủ viên mãn của thiền sư

Mãi đến nay, chủ trương “không thể tại gia” vẫn chiếm đa số. Chỉ một ít nhân sĩ thiền tôn cho rằng tu tại gia cũng không sao, nhưng những người chủ trương như thế đại khái rất ít. “Nói một cách lý tưởng, phương thức tu thiền chân chính đúng nhất là phải tìm đến đạo trường chuyên tu, thỉnh cầu thiền sư cao minh chỉ đường dẫn lối”, những người chủ trương “không thể tại gia” phát biểu như thế là muốn nêu rõ cái ý: nếu không dựa theo phương thức này, cứ ở nhà xem càn mấy quyển sách mở trí mà lại muốn hiểu rõ về thiền, trên căn bản, đó là việc không thể có được.

Có lẽ cá tánh tôi phóng khoáng, thích tiện nghi, nên cảm thấy muốn chống lại chủ thuyết này. Nếu cứ một mực câu nệ hình thức xuất gia hay tại gia, thì đó không phải là xa lìa tinh thần căn bản của thiền sao? Tôi cho rằng “Thiền” là một loại tinh thần rất tự do tự tại, khoáng đạt khai lãng và như thế mới đích thật là thiền.

Trước khi thảo luận về phương pháp thiền của tôi, xin có vài lời có thể không được vui thích mấy. Đôi khi, chúng ta phát giác những vị tu thiền có một số người đặc lập, độc hành. Bảo rằng họ bằng nhược vô nhân cũng được, quấy nhiễu người khác vô ý thức cũng vô hại, tóm lại là có một số người “ta làm, mặc ta tồn tại”. Đương nhiên, số này chỉ là thiểu số, và phần lớn vẫn là thiền sư có đạo phong tương đối viên mãn.

Cho nên, nếu chúng ta lìa tinh thần căn bản của thiền, thì phải chăng đó là một hành động xô đẩy thiền hướng về một loại trí thức chuyên môn? Tuy ở đây, loại người phạm tục như chúng ta mà bàn về thiền, luận thuyết về đạo thì không khỏi khiến người khác có cảm giác rằng chúng ta là kẻ múa rìu qua mắt thợ, nhưng, nếu như chúng ta có thể nắm vững động mạch của Phật pháp thì đối với sự giải thích có chỗ xê dịch cũng không thể tránh được. Điểm này tôi sẽ tường thuật thêm. Ở đây tạm thời gọi thiền là “Tinh thần của tự tại”! Kỳ thực thiền vốn chính là loại tinh thần này, nếu thờ ơ cái tinh thần thực chất mà chỉ nhấn mạnh cái hình thức bên ngoài, thì cho dù ghi dấu thiền là “Tinh thần tự tại”, nhưng khác nào bảo nó chỉ là môn học được chuyên hoá. Đối với điểm này, chúng ta không thể không nghĩ đến một cách sâu thẳm hơn.

Lấy công án “Lão bà đốt am” làm điển hình, trọng tâm có thể nói là nằm trong chữ “Thanh Tăng”. Khi chúng ta còn mang tư tưởng hạn hẹp cho rằng “Thanh tăng” phải thế này thế kia, thì sẽ dính quàng rối rắm đến đời sống thường phạm biết bao! Vì thế, xuyên qua mẩu chuyện này, chúng ta có thể lãnh ngộ đích xác thiền có thể mang lại một tư tưởng không gian càng tự do càng thân thang rộng lớn.

Nhưng nói đi phải nói lại, hiện nay đã có người xe thái độ bằng nhược vô nhân như là một phong thái hào phóng lịch sự mà đặc dị độc hành và lại còn tự cho đó chính là “Thiền” thì quả thật đã làm cho mọi người cảm thấy phân vân mơ hồ khó tả!!

---o0o---

KHÁI THỊ THẤY ĐƯỢC TỪ MỘT TIỂU THIÊN SINH DỪNG RỔ TRE ĐỂ HỨNG NƯỚC MƯA

Trên thực thế, loại người đặc lập độc hành này đã không chỉ tồn tại trong chốn thiền môn. Thông thường, chúng ta nhìn những vị tu thiền biến thành “Thiền Sĩ” (chỉ sinh hoạt duy nhất trong lĩnh vực thiền), và xem họ như một quái nhân để đối đãi, không ngờ, thực ra ở ngoài tục thế cũng có lắm người

giống hệt như vậy đang hiện hữu mà tước danh của họ đang thuộc vào loại hình tướng “chuyên gia”

“Chuyên gia”, nói một cách khác, là “chuyên gia mớ”.

Ở bậc đại học, loại chuyên nghiệp ngốc này đặc biệt có nhiều. Ví như một số giáo sư toán số học đẳng cấp quốc tế, hoặc các bác học đoạt giải thưởng vật lý Nobel, tuy ở phương nào đã thành tựu một cách phi phàn nhưng đối với sự vật trên thế gian thì nhất khiêu không thông, biết bao loại “chuyên gia” như thế đang có mặt khắp nơi!

Chỉ nói đến hạng người thông thường! Như người nào đó lúc mới vào làm trong công ty! chức vị ban đầu chỉ là viên chức nhỏ, nhưng khi chuyên nghiệp hoặc may mắn nhảy rào, đôi khi còn tạo nên tiếng tăm dữ dội. Như loại “chuyên gia” thượng thặng trên xã hội, có rất nhiều loại chuyên nghiệp ngốc này. Do xã hội trước mắt dần dần vào hướng chuyên nghiệp hoá, bởi vậy tất nhiên đã tạo nên cả khối chuyên gia cao thủ ngốc ra đời. Điều đáng buồn là, chúng ta đang bị nấn tạo nên loại chuyên nghiệp ngốc mà không tự biết.

Chuyên gia trong thiên môn cũng là thế.

Trong xã hội có đầy dẫy chuyên gia ngốc khiến cho chúng ta quan niệm trái nghịch lại những thông hiểu sự lý và những người văn võ toàn tài.

Nói ngược lại, thiên thường bảo chúng ta nên đả phá cái “Thường lý” chấp trước của con người thường tình. Nếu chúng ta chỉ dựa vào thường lý thông thường để suy đoán sự vật, thì thiên không cần thiết để tồn tại. Mẫu chuyện dưới đây, có liên quan đến sự tích thất lạc của một vị thiên sư trong thời đại Liêm Thương ở Nhựt Bản. Vị này, là Quan Sơn Huệ Huyền thiên sư mà sau này được Hoa Viên thượng hoàng phụng thỉnh để sáng lập kiến thiết thòi Diệu Tâm Tự (2). Sự tích thất lạc này, đại khái là mẫu chuyện phát sanh khi ông ẩn cư trong núi Mỹ Nồng (Kỳ Phôi huyện):

Một hôm, trong núi đột nhiên mưa lớn, hạt mưa bằng hột đậu không chút vị tình đổ xuống nóc nhà ngói lâu năm thiếu tu bổ, không lâu, đại điện đã bắt đầu bị mưa dột.

“Lấy đồ hứng mưa nhanh lên!”

Huệ Huyền thiền sư lớn tiếng ra lệnh. Nhưng, mưa dột đến như thế mà chùa thì lại nghèo đến nỗi đã không có được cái thùng chứa nước. Có thật là không có một vật gì sao?...Chúng đệ tử hè nhau lật rương đồ đạc, bới tìm chí mạng vẫn không sao tìm ra vật gì để hứng nước cả. Đang lúc đám người hốt hoảng lo lắng, bất chợt có một vị tiểu tăng với lấy cái rỏ tre trong nhà bếp chạy thẳng ra ngoài.

Dùng rỏ tre hứng mưa?

Hành động vô cùng kỳ quái! Đương nhiên là làm một việc vô bổ

Nhưng sau việc, Huệ Huyền đại sư đã dành nhiều lời ngợi khen vị tiểu tăng này, những đệ tử loay hoay hoảng hốt khi nãy thì bị quở trách nghiêm khắc.

Hàm ý của mẩu chuyện này như thế nào quý vị có biết không?

---o0o---

KHÔNG NÊN BIẾN THÀNH TỪ BINH CỦA THƯỜNG THỨC

Công án Thiên tôn thật sâu sắc và khó hiểu. Hơn nữa như đã từng nêu ở trước, đã không có bất cứ tiêu chuẩn tuyệt đối nào trong việc giải thích công án, thiền ngữ.

Nhưng điểm này xin tạm gác lại, chúng ta hãy theo quan niệm “thường thức” mà tham cứu công án này. Dưới đây là quan điểm cá nhân tôi:

Rỏ tre không cách nào hứng được nước mưa, ai cũng đều biết sự việc thường thức này cả. Nhưng trong chùa ngoài cái rỏ re ra k hông có vật khả dĩ nào khác, đó cũng chính là nguyên nhân làm cho các đệ tử của thiền sư hoảng hốt, bấn loạn cả tay chân.

Tay chân lúng túng đã chẳng lợi ích gì trước sự việc, chi bằng lấy rỏ tre hứng mưa còn tốt hơn – Tôi nghĩ nếu bảo thế, thì thiền lại rơi vào hý luận. Và trên thực tế, thiền rất cấm kỵ lý luận. Dùng lý luận phân tích sau đó mới quyết định lấy rỏ tre hứng mưa thì có lẽ phải bị quở mắng thôi. Vị tiểu tăng sở dĩ được khen thưởng chính vì đã không căn cứ vào quy đoán theo một lý luận nào mà lẹ làng chạy lấy chiếc rỏ tre ngay. Đối với vị tiểu tăng lúc bấy giờ trong đầu không có cái ý thức thường thức “Rỏ tre không hứng mưa được”. Thà chấp nhận đây là hành vi dị thường, còn hơn bảo rằng vị tiểu

tăng chưa bị cục hạn của thường thức mà đã biến thành tù binh của thường thức. Chính vì thế, cho nên vị tiêu tăng rất là “Tự Do”, tự tại. Thiền rất chú trọng đến loại “Tự Do” này nên thường đập vỡ cái bó buộc của thường thức; Nhưng, nó “Phá vỡ sự bó buộc của thường thức”, thì cũng xin đừng ràng buộc bởi câu nói này. Nói cách khác, thiền muốn phá vỡ sự điềm này lại tạo nên thường thức của Thiền. Loại người dễ dàng sanh ra thiền chấp này, đã không phải chính là những người đặc lập độc hành trong thiền môn sao?

Tóm lại, ở trên, khi chúng ta đàm luận về thiền thì điều cần thiết là nên xác nhận một điểm: Tinh thần căn bản của thiền tự do, không bị hạn chế.

Vì thế, nếu có thể cho phép tôi phóng đại lời nói, thì tôi muốn nói là: Nếu như ngồi thiền mà không thể đắc đạo, thì chi bằng không nên ngồi thiền. Tại sao? Bởi vì cứ một câu chấp và hình thức tọa thiền, là trái lại làm mất hẳn tinh thần chân chính của thiền. Dù gì thiền cũng là tự do triệt để, căn bản không câu nệ vấn đề hình thức ngồi hoặc không ngồi. Phù hợp với tinh thần tự do, đây mới chính là điều trọng yếu nhất.

Vấn đề được đặt ra ở đây, như thế nào mới có thể phù hợp với tinh thần tự do?

---o0o---

THIỀN LÀ THUỐC CÓ CÔNG HIỆU ĐẶC BIỆT ĐỂ AN ĐỊNH TÂM THẦN

Có lẽ độc giả sẽ nghi ngờ về những lời nói của tôi, nhưng tôi cũng chẳng phải là ngữ bất kinh nhân. Tôi nghĩ rằng muốn dùng nhận xét của tôi để giải thích về thiền, thì tốt hơn nên dùng quan điểm của Phật giáo nguyên thủy sẽ chính xác hơn.

Cái gọi là “Thiền”, kỳ thực không phải là chiến lợi phẩm của Phật giáo.

Chữ “Thiền”, nguyên là tiếng Ấn Độ. Phạm ngữ của Ấn Độ gọi là dhyana, tiếng pali thì đọc là jhàna, âm Hán ngữ dịch là “Thiền Na” hoặc “Thiền”

Ngoài ra cũng còn gọi là “Thiền định”, lấy cái ý để dịch là “Định”, cộng thêm dịch âm chữ “Thiền” gộp lại thành “Thiền định”. Ý thiền (Thiền định) là một phương pháp điều phục tán loạn, và là một phương thức chuyên nhứt làm cho an định. Cho nên cũng có người phiên dịch chữ “Thiền” là “Tịnh lự”.

Theo truyền thuyết, đó là một phong tục tập quán từ ngàn xưa của Ấn Độ. Dựa vào suy đoán của các chuyên gia học giả, thì trước khi dân tộc Nhã Lợi An xâm nhập Ấn Độ (3), dân nguyên quán của Ấn Độ đã có phong tục tập quán này. Từ các di vật văn minh cổ dưới sông Ấn Độ được ngành khảo cổ khai quật, đã phát hiện những hình tượng người đàn ông ngồi thiền, do đó có thể tin tưởng rằng suy đoán đó là chính xác.

Vì thế, không riêng Phật giáo, các tôn giáo khác ở Ấn Độ cũng đã sử dụng phương thức thiền định để tu hành. Trong gia đoạn tu hành của đức Thích Tôn, ngài đã từng tập ngồi thiền với hai vị khổ hạnh tăng, nghĩa là toạ thiền đã có trước khi ngài khai ngộ, chuyện Bồ Đề Ca việc ngồi thiền dưới gốc cây Bồ Đề cũng là việc ai cũng biết. Từ đó, chúng ta biết rằng trong thời đại Phật Giáo nguyên thủy, ngồi thiền là phương thức tu hành của mọi hành giả thuộc các tôn giáo Ấn Độ chứ chẳng phải chỉ chuyên biệt của Phật giáo đồ.

Đã biết thế, tại sao mỗi khi đề cập đến “Thiền” (hoặc ngồi thiền) thì bị cho là pháp riêng của Phật giáo đồ? Đây là một vấn đề hết sức thú vị.

Thực ra, vì do có điển cố.

Phật giáo nguyên thủy, đã đem pháp môn tu hành chia ra làm giới, định, huệ, gọi là tam học. Ba loại pháp môn này lấy hoạt động của tâm thức chia ra làm 3 lực vực “Tri, Tình, Ý”, rồi phân biệt từng thứ của ba lãnh vực, và tu hành thêm để đạt đến cảnh giới tối cao. Ý nghĩa đó xin được nêu rõ dưới đây:

Gới học – Ý – Pháp môn tu hành của chia ác tu thiện.

Định học – Tình -- Bỏ hết tạp niệm, pháp môn tu hành của thống nhất tâm thức

Huệ học – Tri -- Đoạn trừ phiền não, pháp môn tu hành của triệt ngộ thế gian chân tượng.

Ba loại công phu tu hành này nếu thiếu một thì không thể được, nó tương phụ tương thành, nhưng chẳng qua vì phương tiện đối với chúng sanh mà nó được chia làm ba.

Nhưng, cái gọi là thiền trong Phật giáo Trung Quốc (Thiền định, thiền toạ), thông thường không chỉ nói về “Định học trong tam học”, mà còn bao

hàm cả sự thống hợp của cả tam học. Có thể nói, thiền không những bao hàm việc mở mang trí huệ và công phu toạ thiền, mà hơn thế nữa, sự đi đứng ngồi nằm thường ngày đều cũng có thể tu thiền như nhau. Người đã hoàn thành lý luận này để làm nguyên lý phát biểu, chính là Lục Tổ Huệ Năng đời Đường. Vì thế ở Trung Quốc, có thể nói “Thiền tức là Phật giáo”.

---o0o---

BAO TRÌ TÂM THỨC KHOÁNG ĐẠT

Đề mục về câu chuyện này có lẽ nghiêm túc hơn, nhưng vì mục đích của bút giả là làm thế nào để quý vị có thể hiểu rõ rằng thiền định chẳng phải là pháp môn tu hành riêng của Phật giáo. Huống chi thiền rất chú trọng đến tinh thần không chấp cứ câu nệ, không chỉ chuyên chú vào hình thức ngồi thiền; vì thế trọng điểm học tập của chúng ta là nhắm vào tinh thần không câu chấp này.

Mặt khác, xin quý vị tri nhận rằng: Dù thiền tôn của Trung Quốc hay của Nhật Bản cũng đều có lối giải thích khác nhau đối với thiền. Nói cách khác, thiền, không chỉ duy nhất là ngồi thiền.

Ăn cơm, uống trà cũng là thiền.

Thời đại nhà Đường, tương truyền có vị Triệu Châu Tùng Niệm thiền sư sống đến 120 tuổi thọ.

Một hôm, trong chùa có một đệ tử mới đến, muốn theo Triệu Châu thiền sư tu hành. Vị này thỉnh giáo thiền Sư:

“Đệ tử là một kẻ mới gia nhập, xin thành tâm đê đầu thỉnh giáo sư phụ về phương pháp tu hành”.

Triệu Châu thiền sư trả lời:

“Cháo sáng đã ăn chưa?”

“Ăn rồi”.

“Thế thì mang chén đi rửa đi!”

Sau khi nghe vị thiền sư nhẹ nhàng trả lời mà không nói thêm bất cứ một lời nào, vị đệ tử này nhờ đó mà hoát nhiên khai ngộ, đó tức là thiền.

Dường như khi chúng ta chỉ cần đề cập đến thiền thì thường cho rằng chắc chắn là phải có đạo lý thâm sâu gì đó, hoặc cần phải trải qua phương thức tu hành đặc biệt nào đó. Kỳ thực không phải thế.

Nói cách khác, trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, sáng sớm thức dậy, đánh răng, rửa mặt, đi nhà vệ sinh v.v..., những chuyện lật vật bình thường này cũng là một loại thiền. Nếu ngay cái đạo lý giản dị như thế mà chúng ta không thể ngộ được thì nói chi đến việc tu hành đặc biệt khác? Lời nói của Triệu Châu thiền sư chính là ý đó, người đệ tử mới cũng vì rõ đạo lý đó mà khai ngộ. Cho nên chỉ cần chúng ta thể ngộ “Đạo ở trong sinh hoạt thường ngày”, thế là đối với thiền, hoặc nhiều hoặc ít đã có thể ngộ rồi.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại chính đề.

Cái gọi là “Thiền”, trọng yếu nhất là tinh thần không câu nệ. Chỉ nắm vững được tinh thần ấy mới hoàn toàn thể ngộ được cái tôn chỉ và ý chỉ của thiền. Vì thế, đối những người có tâm học thiền, ngoài việc đến thiền đường ngồi xếp bằng, cần phải học tập tinh thần “Không bán vóu bất cứ hình thức ngồi thiền nào” – đó mới là trọng điểm mà tôi muốn nhấn gởi .

---o0o---

TỈNH GIÁC QUÁN CHIẾU THỂ GIỚI NỘI TÂM

Sở dĩ tôi đề xướng phương thức “Miễn ngồi thiền”, là nhắm vào những đối tượng hằng ngày đi làm, có tâm muốn tu thiền nhưng không có thời giờ rảnh đến thiền đường ngồi thiền. Cho dù có lợi dụng dăm ba ngày nghỉ, hoặc xin sớ làm nghỉ dài hạn để đến thiền đường tham thiền, ngồi thiền đi nữa, thì chẳng qua tạm thời cho thân tâm được thư thả, nhưng đối với việc thể ngộ được thiền lý thì hiệu ích không lớn. Và lại cách xin nghỉ phép cũng không thể kéo dài được. Đối với thiền sư, thì việc hành tập ngồi tham thiền là phải đến thiền đường hằng ngày, và là việc kiên trì liên tục suốt đời. Nếu chúng ta muốn bỏ tất cả mọi thứ để hoàn toàn đầu nhập vào trong ấy thì dường như không thể được. Nói như thế, chẳng lẽ cả đời chúng ta không có cách để thể nghiệm được thiền hay sao? Thành thực, cá nhân tôi không tán thành cách nói “Thiền chỉ có trong thiền đường”. Nếu thiền mà người làm lung thường ngày không thực hành được, thế thì thiền còn có thể mang tính chân chính?

Cho nên ở đây tôi đề xướng “Miễn tọa thiền”

“Miễn toạ thiền” là phương thức thế nào?

Người thông thường giải thích thiền định là “Thống nhất tinh thần”, cũng là phương pháp làm cho tâm tán loạn lên xuống bất ổn có thể an định lại một cách chuyên nhất. Nhưng trong phương pháp “Miễn toạ thiền”, chúng ta đối với thiền lại có sự giải thích khác; Cái gọi là “Thiền”, tức là muốn để cho tâm chúng ta từ trong dính líu ràng buộc và mê vọng khốn đốn nghi nan được giải phóng ra ngoài. Vì thế bước thứ nhất học thiền, là phát hiện thử xem tâm chúng ta đang bị cái gì mắc dính và bó buộc.

Trong sinh hoạt hằng ngày, thông thường người ta không chú ý quan sát đến nội tâm của mình, ví như đôi nam nữ đang yêu nhau cứ mãi tha thiết mù quáng, đến độ không thấy trên mặt người yêu của mình có tàn nhang hay đồng tiền (Tình nhân nhãn lý xuất tây thi); người đi làm việc thì dốc sức mưu cầu được thăng chức, thường nhắm vào sự thăng chức làm mục tiêu trong đời; học sinh vì có khảo thí mà ôn bài không mệt mỏi, sở cầu chẳng qua là để có thể chen vào cánh cửa hẹp để lên lớp. Những người đem lòng truy cầu sự vật ngoại tại đương nhiên càng không chú ý đến nội tâm của mình.

Cho nên, người học thiền ngay bước khởi đầu cần thực hiện bằng được, đó là quán sát sự hoạt động tâm thức của mình. Nếu có thể nhận diện được nó, thì tâm thức của mình sẽ được tự do. Ví như nói: Luyện ái là mù quáng. Cho đến khi nào thấy được sự mù quáng của lòng mình thì lúc bấy giờ lòng dạ hai bên trai gái sẽ được tự do. Bởi vì nó có thể tự do lựa chọn, cho nên hoặc tiếp tục mê luyện, hoặc sẽ dùng nhãn quan lý trí để xử sự vấn đề tình cảm?

Do đó, ta có thể biết người nào có thể cảm giác, quán sát và nắm vững nội tâm của mình thì người đó tự do. Cũng có thể nói, hướng thiền đã bước được bước thứ nhất.

---o0o---

KHÔNG NÔNG NỘI VÌ NHÂN TÌNH THẾ THÁI

Làm thế nào để cảm nhận và quán sát được nội tâm? Ngoài ngồi thiền ra, xin đề nghị quý vị nên nghiên cứu một số ngữ lục thiền môn, hư tâm theo dõi và lắng nghe những bậc tổ sư thiền tôn quá khứ đã tham thiền ngộ đạo ra sao, và bằng cách nào để dạy dỗ đệ tử củ họ tu thiền. Nói cách khác, nghĩa là

cần học tập thái độ sinh hoạt, ngôn hạnh và cử chỉ của những đại tổ sư này, kể cả những phương thức khảo sát riêng đối với sự vật của họ v.v...

Xin nêu lên một sự tích để quý vị tham khảo:

Trước kia có vị Thủ Sơn Tĩnh Niệm thiền sư (?-993), ngài là một cao tăng dưới đời nhà Tống. Bình sanh ngài luôn trì tụng “Pháp Hoa Kinh” (4) nên còn gọi là “Niệm Pháp Hoa”

Một hôm, có một vị tăng hỏi ngài:

“Thế nào là Phật”

Thiền sư trả lời:

“Tân phụ kỳ lô, A gia khiên”

(Tạm dịch: cô dâu trẻ trung cuội trên lừa, bà má già yếu dắt dây cương)

“A Gia” ý nói là Bà Bà. Câu này có nghĩa giản dị là: cô dâu trẻ mới cuội ngồi thiền trên lưng lừa còn Bà Già thì dắt dây cương đi bộ. Trông như có vẻ hai người đã kết thúc công việc ruộng nương và đang trên đường về! Cái cảnh này thoạt nhìn thấy ám áp cảm động làm sao!

Khoan! Hãy thông thả, tình hình dường như cò điều chi không hợp lý. Nếu xét sự việc theo thời đại thì sự việc chắc chắn không ổn-- Người làm công thì được ngồi xe sang trọng trong khi ông chủ thì lại đứng xe bus?

Đối với quan niệm bình thường, người ta không thể chấp nhận một sự việc ngược đời như thế, dĩ nhiên đây là việc của “nhân tình thế thái”, điều được gọi là “Thường lý”

Như thế, câu trả lời của Thủ Sơn thiền sư là phản ngược “Thường Lý” sao? Kỳ thực, nếu mang nguyên nhân để giải thích, có thể vì cô dâu quá mệt mỏi hoặc có bầu nên Bà Bà thương nàng dâu và đã để cho cô cỡi lừa. Như thế thì có gì không hợp lý? Thiền tức là để tâm chúng ta thoát ly khỏi mọi ràng buộc nông nổi của nhân tình thế thái mà tự khảo một cách tự do tự tại

---o0o---

LÀM SAO ĐỂ CÓ THỂ SINH HOẠT MỘT CÁCH TỰ TẠI

Nếu có thể vì hiểu rõ đạo lý của thiền mà sống một cuộc sống không bị ràng buộc và tự do tự tại là điều rất tốt, nhưng trên thực tế, sự việc không

đơn giản như chúng ta tưởng tượng. Trái lại, vì chúng ta càng muốn tránh thoát ràng buộc chùng nào thì càng có cảm giác bị ràng buộc chùng ấy. Dù sao, trong đời sống thực tế đã không cho phép cá nhân chúng ta có thể phát triển một cách tự do. Nếu cứ cố chấp mang cái vốn hiểu biết rất ư thiếu sót về thiền mà phóng ngôn ngữ bừa bãi và thổi phồng ra, thì chắc chắn là sẽ tạo cho người khác những cảm nhận tương phản.

Thiền tuy dạy chúng ta không nên câu nệ ở sự lý, nhưng đồng thời cũng không nên tử thủ trong thành trì giáo pháp này mà biến thành ngựa bị sút cương hoặc hành sự buông lung đến nỗi không có lấy một tiêu chuẩn nguyên tắc nào. Những lưu ý nêu ra, chẳng qua chỉ để nhắc nhở rằng khi học xong thiền, bối cảnh sinh hoạt chung quanh sẽ giống như ảo thuật, chỉ một chớp nhoáng, mọi hiện tượng đã hoàn toàn thay đổi. Từ lâu, tánh ngoan cố và tính lười biếng của chúng ta chẳng khác nào tốc độ vun vút của xe, có dùng sức đạp thắng thế nào, nó tức khắc dừng lại. Nếu cố gắng miễn cưỡng muốn nó dừng gấp lại, không chùng còn có thể xảy ra những sự việc đáng tiếc ngoài ý muốn!

Nhưng nói như thế, không có nghĩa là khinh thường bỏ qua. Chỉ cần đầu tư thời giờ tinh tiến nỗ lực tu hành liên tục thì cuối cùng sẽ có ngày có thể đạt đến cảnh giới liễu ngộ.

Trong phương thức tu hành “Miễn ngồi thiền”, chỉ cần chúng ta không ngừng đọc ngữ lục có liên quan đến thiền, và công án cũng như truyện ký tu hành của thiền tăng thì rất có thể trong bất tri bất giác chúng ta có thể vận dụng trí tuệ của thiền để tư khảo, tất nhiên sẽ đưa đến liễu ngộ đạo lý của thiền

Chú (1): Công án chỉ vào văn kiện tư liệu của công gia hoặc phán quyết ký lục v.v... thiền tôn công án tức là nói đến sự liên quan của một số lời dạy hay việc khai ngộ của các thiền sư về đối thoại hoặc ký lục của hành nghi khi chỉ đạo cho những người tập thiền.

Chú (2): Đại đạo trường của Lâm Tế Tôn, tọa lạc tại hoa viên Kinh Khu phía phải chợ kinh đô. Vốn là sở tại ly cung của hoa viên thiên hoàng, sau này vì sau khi Thiên Hoàng thoái vị để quy y tam bảo đức tín Phật Giáo, nên đã cung thỉnh Quan Sơn Huệ Huyền thiền sư làm khai sơn tổ sư để khởi công kiến lập Diệu Tâm Tự

Chú (3): Người Nhã Lợi An (Nhơn) là danh xưng tổng hợp của sắc dân Ấn Âu, họ đã xâm nhập Ấn Độ, theo tài liệu thì họ đã có sớm khoảng 1,300 năm trước kỷ nguyên.

Chú (4): Là một đại biểu Đại Thừa kinh điển. Tên chính thức gọi là “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, trong Phật giáo, bộ kinh này được sùng kính mãnh liệt nhất và được xưng tụng với mỹ danh là “Kinh trung chi vương”

---o0o---

CHƯƠNG II - HƯỚNG CAO TĂNG HỌC TẬP THIỀN TÂM SINH HOẠT TRÍ HUỆ THẮNG THẮN LỖI LẠC

ĐỨC THÍCH TÔN

Đức Thích Tôn (Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn) là tổ sư của Phật giáo, từ đây, xin bắt đầu từ ngài để luận cập

Tuy bảo là từ đức Thích Tôn trở về sau, nhưng nếu chỉ tùy tiện bàn về cuộc đời của đức Thích Tôn, thì lại có lỗi với độc giả. Tôn chỉ chủ yếu của quyển sách này là muốn đưa quý vi bước vào “Cảnh địa thiên”. Mặc dù thiên sở nghiêm nhiên có thể là đại danh từ của Phật giáo, nhưng chắc chắn phải có điểm vô cùng đặc sắc hướng dẫn mọi người lần lượt thể nhập vào diệu cảnh, nếu không thấy ngay điểm này, mà chỉ nói về thuở bình sanh của đức Thích Tôn, thì đó là sự sơ suất của bút giả.

Mặc dù nói thế, nhưng trong việc ghi chép nếu có bất cứ sự kiện nào có liên quan đến cuộc đời của đức Thích Tôn, cũng điều có những lời lẽ có thể làm kim chỉ nam để Phật giáo thành một nhất thể. Đồng thời, bởi vì kinh điển nguyên thủy của Phật giáo (A Hàm Kinh) (1) đã ghi chép về những bài thuyết pháp đối với đệ tử của ngài, vì thế việc hướng dẫn quý vị lý giải giáo nghĩa Phật giáo cũng là một trợ ích rất lớn. Như thế, bút giả đã không thờ ơ đối với quý vị.

Mặc dù đọc qua đoạn trên có lẽ có gì rất nghiêm túc, thật sự, nội dung đã chẳng có gì hứng thú. Tôi cũng muốn ở ngay nơi khởi đầu bắt chước các thiên sư “thét” một tiếng lớn trước, để triển hiện nhiều phương diệu dụng của tâm thiền ngộ, nhằm để tạo cho độc giả thêm phần hứng khởi, và dần dần sẽ đưa tới thoại đề sâu hơn. Trong đầu tuy sắp xếp bài bản đại cương

như thế, thực tế đã không tiến hành theo ý nghĩ. Mong rằng quý vị độc giả chịu khó nhẫn nại:

“Này các Tỳ Kheo (2): Phạm phu quả văn (ít nghe) có cảm thụ chân tình, đệ tử hữu văn cũng có cảm thụ chân tình, thế thì đệ tử hữu văn và phạm phu có học đã khác nhau điểm nào?”

Đức Thích Tôn khi bắt đầu thuyết pháp, thường có vấn đề được khơi mào trước để mở đầu. Đoạn mào đầu này đương nhiên liên quan đến chủ đề thuyết pháp hôm ấy. Thường là lúc ấy có những đệ tử tác bạch rằng:

“Ngưỡng bạch đức Thế Tôn, chúng con đều là người tính phụng những lời đã dạy của đức Thế Tôn (Thích Tôn), cúi xin đức Thế Tôn từ bi dạy dỗ chúng con!”

Quan lời thỉnh cầu này, đức Thích Tôn bắt đầu thuyết pháp. Đây là phương thức thường được sử dụng để dạy Phật tử của Phật giáo nguyên thủy.

Nói đến thánh đệ tử hữu văn và phạm phu quả văn, thì cái gọi là “văn”, là lắng nghe giáo pháp, là ý nói học tập. Giữa những đệ tử học Phật và phạm phu không học Phật đã có điểm nào sai biệt? cả hai đều có tác dụng cảm thụ, có đúng thế không? Đức Thích Tôn đã đưa ra vấn đề như thế.

Tác dụng cảm thụ nếu lấy dụng ngữ Phật giáo để bàn luận thì bảo đó là “Thọ”. Ví như vào một buổi sáng tuyết phủ khắp nơi, khi chúng ta vừa chột mở mắt đã thấy chung quanh là một thế giới phủ đầy màu bạc trắng, trên không trời lại trong xanh, vì không dẫn được xúc cảm, chúng ta bật miệng la lớn: “A! đẹp quá!” cảm quan như thế chính là “THỌ”.

Đương nhiên, “Thọ” không chỉ là một khoái cảm không thôi, ngược lại nó còn bao gồm cả thứ cảm giác khó chịu giống như bị một người nào đâm phải chân mình trên xe bus. Ngoài ra, còn có một loại cảm ứng không khổ không sướng. Trong ngôn ngữ Phật giáo, khoái cảm gọi là “lạc thọ”, cảm giác không vui gọi là “khổ thọ”, cảm giác không nhớ gọi là “không khổ không sướng thọ hay “xả thọ”. Ba loại thọ này dù bất cứ người đệ tử nào của Phật dạy hay phạm phu cũng đều có cùng cảm thọ như nhau. Nói thế, cuối cùng đệ tử Phật và người phạm tục đã khác nhau điểm nào?

Đức Thích Tôn đã giáo thị như sau:

Này các Tỳ Kheo! Ví như lấy tên đâm người, đâm một mũi rồi đâm tiếp mũi thứ hai. Này các tỳ kheo! người như vậy có cảm thọ hai mũi tên. Giống như thế, phàm phu chưa tu tập giáo pháp, ngay khi cảm nhận khổ thọ khó chịu nếu không ưu sầu, não nộ hoặc bị thương thì cũng đâm ngực dậm chân, rên rỉ khóc lóc. Loại phàm phu này có cùng một thức cảm thọ đồng thời, tức là vừa đau khổ trên nhục thể vừa đau khổ trên tinh thần.

Này các tỳ kheo! Ví như lấy tên đâm người, sau khi đâm mũi tên đầu rồi đâm tiếp mũi thứ hai. Này các tỳ kheo! Người bị như vậy cảm thọ chỉ một mũi tên. Giống hệt như thế, những thánh đệ tử đã tu tập giáo pháp, từ cảm thọ tới cảm thọ khó chịu, nhưng chẳng ưu sầu, khổ não và bị thương, cũng không đập ngực dậm chân, rên rỉ khóc lóc. Những thánh đệ tử chỉ có một loại cảm thọ, tức là chỉ có đau khổ trên nhục thể, mà không có đau khổ trên tinh thần...

“Tương ứng bộ kinh điển” 36.6 (Tiền) (3)

Đức Thích Tôn lấy việc tên đâm để ví dụ tác dụng cảm thọ chớp nhoáng của chúng ta. Trong mỗi sát na chớp nhoáng, những đau khổ, tốt đẹp, chê ghét, vui thích, lạnh, nóng, đẹp, xấu mà chúng ta đã cảm thọ v.v. giống như cảm thọ giác bị đâm trúng một mũi tên.

Những cảm thọ này, dù là người đã khai ngộ hay người chưa khai ngộ cũng đều giống hệt nhau. Nhưng phàm phu sở dĩ là phàm phu, chủ yếu vấn đề sau khi trúng tên. Thông thường, bị trúng mũi tên thứ nhất, kế tiếp lại trúng mũi tên thứ hai. Ví như, khi bị đâm trúng chân trên xe buýt: “Đau quá!” sau khi ý niệm này chợt thoáng qua trong óc, tiếp đến lại nổi lên ý niệm thứ hai: “Đồ khốn nạn! mày muốn chết à!” chẳng khác nào móng khởi tâm tính giận ghét đối với đối phương. Hoặc giả khi đi trên đường, trông thấy bên lề có đóa hoa đẹp, thì trong lòng phát sinh suy tính: Sau khi thốt lên “Chà! đẹp quá!”, thì sau đó đưa tay hái đóa hoa ấy mang về để cắm trong bình. Đây tức là mũi tên thứ hai mà phàm phu nhận lấy. Nhưng đối với Phật tử đã khai ngộ thì khác. Trông thấy cảnh vật đẹp, chỉ cảm thấy là đẹp để thưởng thức; lúc đau, chỉ la lên bởi trực giác: “Đau quá!” Vì khác nhau như thế, nên giữa thánh đệ tử và phàm phu có sự cách biệt rất xa.

Quý vị độc giả còn nhớ mẩu chuyện “Cô mộc hàn nham” ở đoạn đầu? Tôi từng đề cập câu nói mà ta cho rằng không đúng của Thanh tăng. Quý vị có lẽ lúc đầu đã không hiểu được ý của tôi, nhưng nay đã tỏ tường tại sao đối với lời nói ấy tôi lại cảm thấy không đúng.

Bởi vì đối với ông ta cả đến “mũi tên thứ nhất” cũng đều bị phủ định. Trông thấy gái đẹp thì trực giác cảm thấy: “Đẹp quá!”, đây là mũi tên thứ nhất. Mũi tên này không luận là phạm phu hay thánh đệ tử đều có cùng cảm thọ.

Mặc dù như thế, nhưng ngay cả cái cảm thọ lẽ ra nên có này đã bị ông cố ý phủ định. Có lẽ vì ông cho rằng, là người xuất gia, cho nên thậm chí mũi tên thứ nhất cũng không thể cảm thọ! Đây thực là lối kiến giải hoàn toàn sai lầm. Đức Thích Tôn chưa từng dạy bảo như thế. Trông thấy mỹ nữ cảm thấy “đẹp” là lẽ tự nhiên. Chỉ cần không nhận thêm mũi tên thứ hai.

Dù bảo như thế, nhưng làm thế nào để khỏi cảm thọ mũi tên thứ hai? Đó là trọng điểm. Khi gái đẹp gọi: “Lại đây! Ôm lấy tôi”, lúc ấy nên ôm hay không? Mũi tên thứ nhất dứt từ lúc nào và khi nào mới có thể bắt đầu tính là mũi tên thứ hai?

Có một mẫu chuyện như sau:

Một vị thiền sư nọ dẫn theo một số đồ đệ đi vân du. Một hôm, đoàn người gặp một cô gái ở bờ sông. Cô này muốn qua bên kia sông nhưng ngặt không có ai giúp cho, nên đành buồn bã ngồi đó chịu đựng. Khi đoàn người của thiền sư vừa đi đến, cô liền thỉnh cầu giúp đỡ.

“Ô! được! được!”

Thiền sư không chút do dự, thản nhiên ẵm cô gái lội qua sông.

“Thật là một sư phụ sáng khoái, nhanh nhẹn!” Cô gái thốt lời dịu ngọt tặng bốc trên gheo thiền sư. Sau khi qua sông cô cảm ơn rồi từ biệt, đoàn thiền giả lại tiếp tục cuộc hành trình.

Một lúc sau, có một vị đệ tử trong đoàn không nhìn được, cuối cùng mở miệng: “Bạch thầy! Vừa rồi thầy làm như vậy có đúng không? Chúng con xưa nay vốn rất tôn trọng thầy, nhưng vừa rồi trông thấy hành động và lời nói của thầy, thật là khiến chúng con vô cùng thất vọng”. Những đệ tử khác hòa theo, tỏ ra thái độ bất mãn, kích động hỏi gần thiền sư “Thái độ vừa rồi của Thầy thật khác xa những điều dạy dỗ thường ngày...” Không trách được sự bất lỗi của họ. Nguyên là từ khi qua sông đến giờ, họ mãi canh cánh sự việc này trong lòng cho nên tức nước vỡ bờ, thế là hằng loạt kiêu trách móc áo ra đến độ không nghe kịp.

Thiền sư nghe đám đệ tử chỉ trích như thế, chỉ bật cười.

“A! Ha ha!...Cái gì? Các con mãi đến bây giờ vẫn còn ôm ẵm người con gái ấy!. Ta thì đã đặt cô gái ấy xuống từ lâu rồi”. Thì ra là thế, chấp trước và không thể buông bỏ chính là nhóm đệ tử kia. Loại chấp trước này, có thể ví như mũi tên thứ hai. Đối với thiền sư, ông không cảm thọ mũi tên thứ nhì.

Đức Thích Tôn đã chỉ rõ, điểm sai biệt giữa người khai ngộ và phàm phu chính là mũi tên thứ hai này. Vì chúng ta chỉ là phàm phu, cho nên không thể tránh khỏi cảm thọ mũi tên thứ hai. Dù chúng ta có muốn hấp tấp tránh nó thì cũng không thể thực hiện được. Chấp trước những việc mà sức mình không thể kham được thì đó chính là người ngu xuẩn nhất. Khi nhận thức được những sự việc mà chúng ta không đủ năng lực để thực hiện nhưng không chấp trước nó, đó mới đích thật là giáo nghĩa của Phật giáo. Tuy nhiên, ít ra chúng ta cũng thể phân biệt được điểm sai biệt mũi tên thứ hai, bằng tự giác:

“À! hiện tại mình đang cảm thọ mũi tên thứ hai...”

Có thể nhận thức như vậy, là đã nắm vững vấn đề. Lây ngày công phu thâm cao, nên trong khi sinh hoạt nếu có gặp bất cứ vấn đề gì, tất nhiên đều có thể giải quyết một cách tức khắc. Hoặc nói cách khác, ngày nào nhận chân ra mình, thì vấn đề sẽ không nghiêm trọng như mình tưởng tượng. Bởi vì vấn đề sở dĩ phát sinh, phần lớn là do không thể tri nhận bản tâm của mình một cách rõ ràng chân xác.

Chú (1): “A Hàm Kinh” là danh xưng của kinh điển Phật giáo nguyên thủy. Trong ấy bao gồm các kinh “A Hàm Kinh”, “Pháp Cú Kinh”, “Kinh Tập”.v.v...

Chú (2): Phát chỉ thế độ (cạo đầu) xuất gia, là đàn ông chịu đủ giới. Đàn bà thì gọi là tỳ kheo ni

Chú (3): Xem quyển thứ 15 “Nam Truyền Đại Tạng Kinh” (Trang 322 – 325)

---o0o---

**KHÔNG PHẢI GIÓ ĐỘNG CŨNG KHÔNG PHẢI
PHUỒN ĐỘNG MÀ CHÍNH LÀ TÂM
CỦA NHƠN GIẢ ĐANG ĐỘNG**

LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Đời Đường có một vị thiên tăng vĩ đại, đó là Lục Tổ Huệ Năng đại sư (Tây nguyên 638-713) “Cao Tăng truyện” ghi chép rằng ngài mất cha, nhà nghèo, và vì phụng dưỡng mẹ già nên phải bán củi để duy trì sự sống. Đối với đoạn truyền ký này, tôi cảm thấy hoài nghi về tính chân thật của nó. Có lẽ người đời sau vì muốn cường độ sự so sánh giữa Lục Tổ Huệ Năng đại sư và đối thủ của Ngài là Thần Tú (Đại Thông Thần Tú thiên sư), mà cố ý miêu tả ngài là người nghèo khổ lại mù chữ để nhấn mạnh tánh chất bình phàm và thảo căn của Ngài!

Tạm thời xin miễn luận việc chân giả, để chúng ta tiếp tục suy xét về sự nghiệp bán củi để duy trì sinh sống của Lục Tổ Huệ Năng

Một hôm nọ, trong lúc vô tình Huệ Năng đã nghe một vị khách đến từ Huỳnh Mai Am niệm tụng “Kim Cang Kinh” (1) mà khai ngộ. Cũng do chính người khách cho biết là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đại sư đang ở Huỳnh Mai Sơn, thế là ngài phát tâm cầu pháp và liền bái biệt mẹ già để dấn thân đi đến Huỳnh Mai Sơn.

Trên sự thật, sự tu hành của Huệ Năng tại Huỳnh Mai sơn mà người tu hành chúng ta thường biết đến, những tương truyền ấy đã không giống nhau, chỉ biết là mỗi ngày ngài phải đập cối đá không ngừng ở phòng giã gạo, thế thôi. Đây là khóa tu hành thường nhật của Tổ Huệ Năng.

Chợt đến một ngày.

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn muốn chọn người để kế thừa trong số các đệ tử, nên đã ra lệnh cho những đệ tử mỗi người cần đem cảnh địa mà mình đã liễu ngộ viết thành một bài kệ để biểu đạt. Đương thời trong đám đệ tử của ngài, ưu tú nhất là Thần Tú thiên sư. Thiên sư Thần Tú làm và dâng lên Ngũ Tổ một bài kệ như sau:

Thân thị Bồ Đề thọ
Tâm như Minh Kính dài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhá trần ai

Tạm dịch:

Thân là cây Bồ Đề
Tâm như đài gương sáng

Luôn cần mãi lau chùi
Đừng để cho bụi bám

Đại ý là: Chúng ta vốn có sẵn tâm thức thanh tịnh, giống như tấm gương sáng nhưng đang bị che phủ bởi bụi bặm phiền não, vì thế để khôi phục sự chiếu sáng của nó, cần phải lau chùi liên tục bụi bặm đang phủ bám bên trên.

Đối lại, Huệ Năng cũng cũng làm một bài kệ:

Bồ Đề bốn vô thọ
Minh Kính diệt phi đài:
Bản lai vô nhứt vật
Hà xứ nhá trần ai?

Tạm dịch:

Trí giác vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào bụi nhuộm đây?

So sánh hai bài kệ này, quả thật Thần Tú là một vị Thiền sư cố gắng không ngừng để đoạn trừ phiền não mà siêng năng cần mẫn, còn Huệ Năng thì giác ngộ đến tận đầu nguồn đạo lý phiền não vốn là không thật. Bởi vì tự tánh vốn thanh tịnh, căn bản đã không có cái gọi là phiền não. Đã không phiền não, thì cần gì phải khổ cực bận tâm đoạn trừ phiền não? Sự phát biểu của Huệ Năng đích thật là một lời nói đã mở toang (đập vỡ) sự chấp trước của thường nhân đối với phiền não.

Đúng thế, sau khi so sánh hai bài kệ, rõ ràng cảnh giới của Huệ Năng thật cao siêu mầu nhiệm. Nếu xét trên mặt hiện tượng, có thể dùng dao chặt đứt phiền não thành hai đoạn quả thật đó là một vấn đề tương đối khá lợi hại. Người thường vì thế mà đã cho rằng chỉ có thiền tài của Huệ Năng mới là nguồn thiền chân chính, nhưng thực ra, nếu nhận xét như vật thì đã không chính xác. Bởi lẽ, nếu muốn đạt đến cảnh giới mà Huệ Năng đã có, mà không trải qua gia đoạn mà Thần Tú đã đề cập là một điều bất khả. Điểm này tuyệt đối chúng ta không thể thờ ơ.

Đúng vậy, nếu đứng trên lập trường khai ngộ để khẳng định thì căn bản đã không có phiền não để nói, nhưng, muốn đạt đến cảnh giới như thế thì đó

không phải là một việc dễ dàng. Hãy lấy thí dụ về kinh nghiệm cai thuốc lá của tôi:

Đã từng bao phen thử cai thuốc, nhưng cuối cùng vì không cách nào khắc chế được mình nên tôi đã tuyên bố thất bại. Rồi có một lần, tôi quyết định thử thả lỏng tâm tình để theo dõi việc cai thuốc, nên đã cố ý mang thuốc lá đặt trong túi áo. Trải qua thời gian không lâu, phương pháp của tôi quả nhiên có hiệu nghiệm, kết quả tôi không phí sức chút nào mà đã cai được thuốc.

Sau khi cai thuốc thành công, tôi mới hiểu rõ rằng phạm sự việc khi bắt đầu không cần thiết phải khổ cực và khản trương quá độ như thế, nhưng, những lời nói này chỉ có thể nói được sau khi đã thành công. Đối với một số người đã cố gắng không ngừng để cai thuốc, quá trình kỷ luật chắc chắn là cả một tích lũy của vô số đau khổ, và trước khi cai thuốc thành công, dầu sao thì vẫn phải trải qua cái khảo nghiệm đau khổ ấy. Vì thế, để giác ngộ thấu triệt cái đạo lý phiền não vốn không của Huệ Năng đại sư cố nhiên đó là việc trọng yếu, nhưng trước khi giác ngộ một cách thấu triệt, thì cái giá đau khổ phải trả trong một giai đoạn vẫn là một sự cần thiết.

Điều đó có nghĩa là, chúng ta cần trải qua giai đoạn tu hành “Thời thời cần thiết phát thức, vất sử nhá trần ai”, mới có thể liễu ngộ cảnh giới “Bản lai vô nhứt vật, hà xứ nhá trần ai”. Tình hình này giống như đạo lý trông thấy một con chim nước với thân thái tự tại đang bơi trên mặt nước, trong khi đôi chân của nó ở dưới nước quạt đi quạt lại không ngừng. Vì thế nếu một mực cố chấp lấy bài kệ ngữ của Huệ Năng đại sư để lý giả sai lầm về thiền, rằng là, không cần thiết phải trải qua bất cứ sự tu hành nào, như thế là rơi vào cạm bẫy nguy hiểm mà tự mình không hay. Đây là điểm cần lưu ý khi bình phẩm và tán dương bài kệ kiến tánh của Huệ Năng đại sư.

Lục Tổ Huệ Năng đại sư còn có một truyền thuyết khác, miêu tả rằng sau khi thừa kế y bát của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Huệ Năng đại sư đã vì sự tu hành sau khi ngộ đạo mà dời chân đến Nam Hải.

Bấy giờ tại Pháp Tánh Tự Quảng Châu có vị Ấn Tôn thiền sư đang giảng về “Kinh Niết Bàn”, thế là Huệ Năng đại sư quyết định ở lại mấy ngày tại Pháp Tánh tự để nghe Thiền sư giảng kinh.

Hôm ấy, vì thiền sư giảng kinh nên trước chùa dựng rạp cờ phướn.

Ấn Tôn thiền sư nổi tiếng khắp nơi, do đó đã rất đông người từ mọi miền ào ạt tìm đến. Trong ấy có hai vị hoà thượng, trông thấy cờ phướn phát phới trước cửa chùa nên liền bắt đầu nghị luận. Một trong hai vị phát biểu:

“Phướn động”.

Người kia cãi lại:

“Không phải, gió động”.

Kết quả hai người đã tranh luận không ngừng, dẫn đến tình trạng rất đông người dừng bước đứng xem.

Lúc ấy Huệ Năng đại sư cũng đến để xem, nghe xong ngài liền lên tiếng: “Không phải phướn động, cũng không phải gió động, mà chính là tâm hai vị đang động”.

Hai người đang tranh luận, nghe Huệ Năng đại sư phê bình, tức thời hoá nhiên địa ngộ. Khi nghe việc này, Ấn Tôn pháp sư tức khắc hiểu rằng những lời nói của Lục Tổ Huệ Năng đại sư, chính là trung tâm tư tưởng của “Kinh Niết Bàn” mà mình đang khai giảng, thế là ngài lập tức cung thỉnh đại sư thăng đàn thuyết pháp và đánh lễ tôn Lục Tổ làm thầy.

Đây chính là trường cảnh khiến người vô cùng cảm động. Thật vậy, phạm phu chúng ta vì cứ chấp trước hiện tượng ngoại giới mà thờ ơ đối với nội tâm của mình. Phần lớn vấn đề sanh ra lại chính là được xuất phát từ trong nội tâm của chúng ta.

Ví như, không biết quý vị có kinh nghiệm giống như sau đây hay không?

Một hôm, có người được cấp trên khen thưởng nên vui mừng ra mặt. Nhưng sau đó không lâu, không rõ vì nguyên nhân nào, mỗi lần gặp cấp trên là ông ta biểu lộ nét mặt chán ghét giống như kẻ thù k hông đội trời chung. Cũng chỉ một người, nhưng vì tác dụng của chính nội tâm chúng ta nên hiện ra diện mạo khác nhau. Vì thế, những đối tượng mà chúng ta thấy, kỳ thực đều là vọng tưởng được phát sanh từ trong nội tâm của chúng ta, căn bản đã không có bất cứ một thực thể nào tồn tại cả.

Có lần tại Sát Nhữ Nạp Đức (2) Ấn Độ, tôi đã gặp phải một việc thế này:

Có một thiếu niên Ấn Độ chiêu dụ khách du lịch để bán vật phẩm, chặn một du khách người Mỹ là một bà lão khoảng 60 tuổi, thiếu niên áo quần lam lũ này nhanh tay móc túi ra một vật phẩm và nháng qua mắt bà.

“20 đô la”, thiếu niên kêu giá.

Bà Mỹ trông thấy vật phẩm, cặp mắt bỗng sáng trưng, vội vàng mở xách tay móc tờ 20 đô trao cho anh ta và chộp ngay vật trên tay thiếu niên nhanh nhẹn dúi vào ví xách của mình> Chiều theo tình cảnh này, thì rõ là người đàn bà dường như đã rất ưa thích vật phẩm đó, đại khái bà đã cho rằng mình mua đúng bảo vật!

Kết quả bà đã mua được vật gì mà khiến tôi cảm thấy hết sức hiếu kỳ như thế? Theo chỗ tôi biết, tại Ấn Độ du khách không thể mua được bảo vật gì cả. Một trăm phần trăm là bà ấy đã bị lừa. Tôi nhủ thầm: “Lại một người nữa bị gạt, thân đáng thương hại”

Sau khi bà ta đi khỏi, tôi gọi người thiếu niên Ấn Độ lại và dùng vài tiếng Ấn Độ đơn giản bảo hắn: “Khoan đi, hãy cho tôi xem cái vật mà chú vừa bán cho bà nọ!”

Thiếu niên lấy từ trong túi ra một pho tượng Phật cao độ 5,6 tấc, được có ý trạm trở lồi lõm, thoạt nhìn qua cứ tưởng đó là di vật cổ xưa được đào lên từ dưới lòng đất. Bởi lẽ Sát Nhữ Nạp Đúc là một vùng đất đai của những di tích cổ xưa, có rất nhiều di sản văn hoá vô giá. Người đàn bà Mỹ chắc chắn đã cho rằng tượng Phật do thiếu niên bán là một cổ vật, nên mới vội vàng mua và thủ ngay vào xách tay của mình.

Kỳ thực, tượng Phật đó chỉ là loại thủ công phẩm dùng đất nhào nặn tái tạo lại.

“Pho tượng Phật này đại khái chỉ đáng 30 đồng Ấn”

“Hừ!”

30 đồng Ấn Độ trị giá bằng 3 đồng tiền Đài Loan, nhưng trên thực tế có thể không tới 3 đồng. Cuối cùng, tôi mua của thiếu niên nọ hai pho tượng với giá 7 đồng tiền Đài Loan.

“Hưu khô ly a! (Dhanyavad: Cảm ơn)” Gã thiếu niên vô cùng mừng rỡ, dù hai pho tượng chỉ bán được 7 đồng Đài Loan, nhưng đối với họ đã là có lời. Tôi nghĩ có lẽ trong nhà của thiếu niên này dám có đến trên 100 pho tượng như thế!

Tôi mang hai pho tượng trở lại lên xe bus của đoàn du lịch. Vì với danh nghĩa cố vấn của đoàn hành hương Ấn Độ, nên mọi người trong đoàn đều gọi tôi là “Thầy”

“Thưa thầy! tôi cũng định mua loại tượng Phật này, không hiểu thầy mua bao nhiêu?”

“Hai pho tượng chỉ 1 đồng Ấn?”

“Cái gì, chỉ có 1 đồng Ấn?”

Người hỏi đột nhiên sắc diện tái xanh, ông thú nhận là đã mua một tượng giống hệt tôi đã mua đến 200 đồng tiền Ấn.

“Bậy rồi!”, tôi nghĩ, tưởng chỉ có bà Mỹ bị gạt 20 Mỹ kim, nào ngờ ông bạn đồng hành cũng bị mua lầm. Nếu biết như thế thì tôi đã không nói thật giá.

Ngẫm nghĩ cho cùng, bà Mỹ vẫn hạnh phúc hơn vì có lẽ mãi cho đến giờ này bà vẫn tin rằng tượng Phật ấy là một di vật cổ xưa! Và vì gặp vận hên nên chỉ tốn 20 đô la mà đã mua được, có thể bà còn cảm ơn ân tứ của Thượng đế!

Thương hại nhất là người nghe giá tôi mua. Ban đầu ông ta chắc rằng với cái giá trên 1000 đồng Đài Loan mà mua được báu vật vô cùng trân quý thế này đã là rẻ chán. Không ngờ chỉ trong khoảnh khắc, ông phát giác rằng bảo vật chỉ là loại thủ công nghệ phẩm làm bằng thứ đất sét thô thiển! Chỉ e sau này mỗi khi trông thấy bất cứ tượng Phật nào cũng sẽ khiến ông dấy lên cảm giác khó chịu.

Nhưng, tượng Phật vẫn là Phật tượng, tự nó vốn không có gì thay đổi. Thủy chung cũng đều là một pho tượng. Có thay đổi chăng thì đó chính là cái tâm của ta. Tùy theo sự thay đổi của tâm tình mà Phật tượng giống nhau đó bị tặng cho những ý nghĩa khác nhau.

Sau này tôi đã mang một pho tượng làm lễ vật để tặng bạn tôi, tuy không nói ra trị giá, nhưng bạn tôi rất mừng và bày tỏ là ông đã mãi ao ước một pho tượng như thế và nay vì do phúc duyên nào đó mà ông có thể có được một tượng Phật có pháp tướng tôn nghiêm từ bi thánh thiện như thế.

Thật vậy, Phật tượng ấy đã có một khuôn mặt từ bi vô cùng khả kính và tôi cũng đã tôn trí pho tượng còn lại để thờ phụng trên một hương án.

Chú (1): Toàn danh là “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh” lược gọi là “Kim Cang Kinh” Toàn kinh thuật rõ đạo lý của “Không” và “Vô Ngã”, là một trong những kinh điển đại biểu cho Đại Thừa Phật Giáo.

Chú (2): Tức “Lộc đã uyển” đã nói trong kinh Phật. Đức Thích Tôn đã chuyển pháp luân ở đây và đã trở thành một trong những thánh địa của Phật giáo.

---o0o---

HÀNH ĐỘNG NGU MUỘI CỦA VIỆC MÀI GẠCH LÀM KÍNH

(MA CHUYÊN TÁC KÍNH) MÃ TỔ ĐẠO NHẤT

Trong số đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng đại sư có hai vị thiền sư ưu tú, đó là Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư. Thanh Nguyên thiền sư có đệ tử là Thạch Đầu Hy Thuyên, còn Nam Nhạc thiền sư thì có Mã Tổ Đạo Nhất. Thạch Đầu Hy Thuyên thiền sư đã truyền bá thiền pháp ở Hồ Nam một cách rực rỡ, còn Mã Tổ Đạo Nhất thiền sư thì hoằng dương ở vùng Giang Tây. Có thể nói, Thiền Tôn của Trung Quốc đã do bốn vị thiền sư là Nam Nhạc, Mã Tổ, Thanh Nguyên và Thạch Đầu mà Thiền tôn đã rực sáng một cách dị thường.

Mẫu chuyện dưới đây là mẫu chuyện có liên quan đến Mã Tổ Đạo Nhất (709-788) khi ngài còn tu hành dưới môn hạ của Nam Nhạc Hoài Nhượng.

Trong truyền thuyết, Mã Tổ thiền sư là người có vóc hình khôi vĩ “Ngó như hổ, đi như trâu, lưỡi thè khỏi mũi, chân đạp thành chữ”. Khi ngài còn là môn hạ của Hoài Nhượng hằng ngày đều rất tinh cần và thường ngồi xếp bằng tham thiền nhập định. Mãi đến một hôm, Hoài Nhượng thiền sư hỏi Mã Tổ:

“Ngươi làm gì đó?”

“Ngồi thiền mà!”

“Tại sao phải ngồi thiền?”

“Vì muốn thành Phật”.

Hoài Nhượng thiền sư nghe câu trả lời của Mã Tổ, liền ngồi xuống bên cạnh Mã Tổ, tiếp đó ngài nhặt những thớt gạch chất kế bên chân chẳng nói chẳng

nặng gì, cứ cắm cúi mài gạch trên đá.

Trông thấy cử chỉ quái gở của sư phụ, Mã Tổ giật mình hỏi:

“Sư phụ! Ngài làm gì thế?”

“Mài gạch”.

“Tại sao mài gạch?”

“Vì muốn mài gạch thành gương soi”.

“Nhưng bạch sư phụ! gạch có mài thế nào cũng không thể thành kiếng gương được!”

“Ồ, vậy sao? Nếu người hiểu rõ đạo lý này, tại sao người còn muốn ngồi thiền để thành Phật? Tọa thiền cũng không thể thành Phật đâu!”

Mã Tổ nhất thời đã không lời đáp lại.

Một lát sau, Mã Tổ lại thỉnh giáo với Hoài Nhượng thiền sư:

“Đệ tử phải làm thế nào?”

“Một người đang khiển xe bò, xe bò bất động, theo người nên dùng roi đánh xe, hay dùng roi đánh bò?”

Mã Tổ hoát nhiên tức khắc đại ngộ. Nguyên là mình cứ mãi làm công việc lấy roi đánh xe, một hành vi xuẩn ngốc. Cũng nhờ cơ duyên này mà sau đó Mã Tổ đã kế thừa y bát của Hoài Nhượng.

Đoạn đối đáp này đối với chúng ta có phần nan giải. Đại khái thì dụng ý mài gạch của Hoài Nhượng là để khơi dậy cái đạo lý ngồi thiền vô dụng của Mã Tổ? Bề ngoài thì bảo rằng ngồi thiền là vô dụng, nhưng thực tế có đúng như thế không?

Biểu đạt của Hoài Nhượng kỳ thực chỉ muốn sửa đổi lại kiến giải sai lầm “Ngồi thiền tức có khai ngộ thành Phật” của Mã Tổ. Thật vậy, vì mọi người đều có Phật tánh, nên có thể nhờ vào phương thức ngồi thiền mà kiến tánh thành Phật. Nhưng, nếu cứ bảo thủ rằng ngồi thiền thì sẽ có thể thành Phật, thành Tổ, thì phải chăng đó chính là một loại chấp trước? Như thế, không những ngồi thiền đã không thể giải thoát mà trái lại còn bị phương pháp tọa thiền ràng buộc. Hoài Nhượng thiền sư đã giảng dạy quan niệm quan trọng này cho Mã Tổ.

Ví như những người làm việc ở Nhật Bản, công tác luôn luôn được đạt lên hàng đầu. Nhất là những người đảm nhiệm chức vụ trung cấp trở lên, ngày đêm thường phải cắm cúi trong công tác mà không tự biết. Tuy nhiên chính nhờ sự nhiệt tình công tác này đã biến đổi cục diện Nhật Bản trở nên một quốc gia siêu cường về kinh tế, nhưng, cũng vì thế mà bị các nhân sĩ Âu Mỹ phê bình là “Động vật kinh tế”.

Đối với “Động vật kinh tế” của người Nhật, thì rõ ràng lời của Hoài Nguơn thiền sư đã gọi họ quay về “Nhân tính”. Công tác cố nhiên rất trọng yếu, nhưng không thể vì đó mà biến thành nô lệ của công tác. Theo ví dụ của Hoài Nguơn thiền sư, thì chẳng khác nào người khiển xe bò đã không đánh bò mà cứ đánh xe, quả thật đây chính là một việc làm điên đảo.

Nhưng, phải chăng khi bị phê bình là một “Động vật kinh tế” thì lại bỏ bê toàn bộ trách nhiệm công tác? Cũng thế, tọa thiền để mong thành gương soi, nói thế phải chăng cho rằng tọa thiền là điều hoàn toàn không có ý nghĩa? Nếu nghe lời của Nam Nhạc thiền sư mà giải thích như thế thì bị rơi vào tình trạng đổi thay quá quắt.

Điểm khó của thiền là chỗ này.

Chấp trước vào việc tọa thiền không thành Phật đã đành, nhưng nếu không tọa thiền thì cũng không thể thành Phật. Phạm mọi sự đều nên hành trì theo lý Trung đạo. Đối với thiền biết một mà giải nữa là việc hết sức nguy hiểm.

Trong điển tịch thiền học, đã có hai đoạn liên quan đến sự vấn đáp của Mã Tổ thiền sư, đó là nhắm vào câu hỏi “Thế nào là Phật” để khai triển. Do ở nội dung trả lời khác nhau, nên khi nghe qua có thể khiến cho người nghe thu thập ít nhiều.

Một tăng nhân hỏi Mã Tổ:

“Thế nào mới gọi được là Phật?”

Mã Tổ trả lời:

“Tức tâm tức Phật”.

“Tức tâm tức Phật”, có nghĩa “Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm”. Nhưng khi một tăng nhân khác cũng khởi cùng một vấn đề, Mã Tổ lại trả lời:

“Phi tâm phi Phật”.

“Phi tâm phi Phật”, tức là phủ định câu “Tức tâm tức Phật” như đã diễn thuật ở trên. Sự thật, tâm tức là Phật, có lẽ vì muốn tránh sự thiên chấp ở tâm quá đáng, có nghĩa là đạo lý của Phật mà bị tâm sở sai khiến nên biến thành một vật nô lệ của tâm, cho nên Mã Tổ thiền sư mới trả lời như thế?

Tôi xin lấy bản thân tôi làm thí dụ: Tôi thường bị đứa con của tôi chất vấn:

“Có lúc ba nói chuyện quá mâu thuẫn!”

“Ồ! Mâu thuẫn thế nào?”

“Mấy ngày trước ba nói với con, gát bài lại cũng không quan hệ gì, ba bảo đừng nên quá chú ý đến bài vở của nhà trường. Nhưng tại sao vừa rồi ba lại bảo con phải ngoan ngoãn cố công đọc sách?”

Con tôi mới học lớp 6, mà đã mạnh dạn kháng nghị với tôi. Tôi đáp:

“Không có chỗ nào mâu thuẫn cả!”

“Nhưng rõ ràng là ba đã nói không dụng công cũng chẳng sao mà!”
“Đúng, ba có nói như vậy”.

“Thế thì tại sao đêm nay ba lại nói khác? Bao giờ hãy ngoan ngoãn dụng công đọc sách”.

“Ba thấy chưa, điều đó không phải mâu thuẫn sao?”

“Không! chẳng mâu thuẫn. Có lẽ nghe qua con cảm thấy mâu thuẫn, nhưng đứng trên lập trường của ba, một chút cũng không có điểm nào mâu thuẫn”.

Thực ra, tiểu học sinh làm gì biết được đạo lý này? Nghĩ đến đây, bên tai tôi dường như có lời nói của Mã Tổ đang vọng vọng:

Tức tâm tức Phật—
Phi tâm phi Phật---
Không mâu thuẫn tí nào

---o0o---

ĐÓI THÌ ĂN CƠM BUỒN NGỦ THÌ NGỦ

ĐẠI CHU HUỆ HẢI

“Đói thì ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ” – đây chính là thiền, nếu thực hiện được điểm này, thì đó gọi là hiểu biết về thiền. Thời đại Cao Trung, tôi đã đọc một tác phẩm lớn của Linh Mộc Đại Chuyết tiên sinh một câu như thế. Lúc ấy tôi cho rằng câu nói đó là của Linh Mộc [Suzuki(?)] tiên sinh, nhưng sau này khi tiếp xúc với nền Phật học, tôi mới biết là thiền ngữ này đã được trích từ “Đôn Ngộ Yếu môn” của Đại Chu Huệ Hải thiền sư đời Đường. Dưới đây là nguyên văn:

Hữu Nguyên Luật sư đến hỏi: “Hòa thượng tu đạo, có dụng công không?”
Thiền Sư Đại Chu Huệ Hải đáp: “Dụng công”
Hỏi: “Dụng công thế nào?”
Thiền sư trả lời: “Đói thì ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ”
Hỏi: “Tất cả mọi người đều vậy, như thế thì vấn đề dụng công có giống với thiền sư hay không?”
Thiền Sư trả lời: “Không giống”
Hỏi: “Tại sao không giống?”
Đáp: “Khi họ ăn cơm, nhưng họ không chịu ăn cơm vì bị trăm điều đòi hỏi; khi ngủ thì không chịu ngủ, vì phải so sánh tính toán vạn sự”. Hữu Nguyên bí lối.
[Đôn ngộ yếu môn]

Có người tên Nguyên Luật Sư đến hỏi “Khi hoà thượng tu hành có cần dùng đến công phu?” Đại Chu thiền sư trả lời: “Cần”.
Hỏi: “Công phu ấy như thế nào?”
Trả lời: “Đói thì ăn cơm, buồn ngủ là ngủ”.
Hỏi: “Người thông thường đều như vậy cả, công phu của Hoà thượng chỉ có thể sao?”
Đáp: “Chẳng giống nhau”.
Hỏi: “Có gì khác nhau?”
Đáp: “Khi người khác lúc đáng ăn cơm thì không chịu ăn, lại phải đủ điều đòi hỏi; khi đáng ngủ thì không yên tâm để ngủ, vì còn ngàn việc đả đo. Vì thế ta với họ khác nhau”.
Nguyên Luật Sư lặng im vì đã không còn lời nào để chất vấn.

Vừa thoát nghe qua đã có đồng cảm. Có lúc dù cho một chút ý ngủ cũng không, nhưng trong quan niệm thì cứ cảm thấy là không ngủ thì không được nên tự cưỡng bức: Mình phải ngủ. Thì ra như thế, một mặt trong não ý nghĩ lung tung, một mặt vì tiếng đồng hồ tích tắc mà cảm thấy tâm trí phiền não nóng nảy, kết quả càng không cách nào ngủ được. Mãi đến tảng sáng 2, 3 giờ...cuối cùng chỉ thấy bị ai tuyệt vọng.

Ăn cơm cũng thế, khi phải ăn cơm thì ăn cơm, nhưng thông thường người ta cứ phải tổng điều phối thức ăn dinh dưỡng trước, sau đó mới chịu ăn, vì thế mà bao tử đã bị khổ sở vì đói.

Do vậy, “Đói là ăn, buồn ngủ là ngủ, đó tức là thiên”. Lời nói đơn giản này, tuy trên mặt chữ rất dễ lý giải, nhưng trên thực tế lại là việc mà những người phạm tục không thể làm được, mặc dù câu nói này lúc nào cũng “Nao nao trong lòng”, nhưng ban đêm vẫn không ngủ được, khi đang ăn cơm thì nghĩ bậy nghĩ bạ, nếu không thì một mặt vừa xem báo một vừa ăn cơm, hoặc một mặt vừa xem báo một mặt vừa ăn cơm, hoặc một mặt đánh cờ một mặt ăn cơm, muốn ăn bữa cơm ngon lành đúng nghĩa dường như là việc không phải dễ.

Nhất là đói với những ai đang đi làm, đói thì ăn, muốn ngủ thì ngủ, điều đó chẳng khác nào như một mộng tưởng xa xăm với không bao giờ tới. Ví như, lúc 2, 3 giờ chiều đang cơn buồn ngủ, nếu phải ngủ ngon trên chiếc bàn làm việc, thì bảo đảm là không bao lâu sẽ bị sa thải khỏi sở. Nghĩ đến thời đại cao trung, khi thầy đứng trên bục giảng say sưa giảng đến nước mồm tung tóe còn mình thì ở dưới lén ăn thức ăn mang sẵn theo, tâm trạng vừa có phần sợ hãi vừa có phần vui thú ấy, đói với một viên chức cũng là một loại luận đàm xa xôi. Có thể nói: “Đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ”, đại khái chỉ có những người xuất gia xa lìa trần tục mới có thể làm được, đói với chúng sanh thường tình như chúng ta, thì đó là vấn đề “có thể gặp mà không thể cầu”.

Nhưng, kỳ khôi nhất là tại sao sau 2, 3 giờ chiều chúng ta lại buồn ngủ? Phải ngủ bao nhiêu tiếng đồng hồ mới đủ? điều này đương nhiên tùy theo mỗi người mà có sự sai biệt. Trong truyền thuyết, Nã Phá Luân vị anh hùng của nước Pháp, mỗi ngày, chỉ ngủ 3 tiếng đồng hồ, vì thế ông thường hay ngủ gật, thậm chí có một chuyện khôi hài đó là vì ngủ gật mà ông đã bị rơi từ trên lưng ngựa xuống đất. Đời nay, chúng ta thường thấy trên công xa đầy khác, nhiều người tay nắm cái móc, và cứ như thế mà đứng ngủ ngon lành. Nghe bảo trước đây trong quân đội đã có người vừa hành quân vừa ngủ gật. Khi thời gian ngủ bị thiếu thốn nhiều, đương nhiên rất dễ ngủ gật. Nói theo thường thức, bình quân mỗi người mỗi ngày ngủ khoảng 6 đến 7 tiếng đồng hồ, vì thế ban đêm nếu ngủ đầy đủ, thì ban ngày sẽ không bị tình trạng ngủ gà ngủ gật. Sau cùng, chúng ta cần kết luận là: Sinh hoạt cần phải có những quy luật rõ ràng.

Cái gọi là quy luật sinh hoạt, đó là 3 bữa ăn nên định lượng, và phải ngủ nghỉ đầy đủ, như thế thì khi đi làm, sẽ không bị ngủ gật và đói bụng, và ban đêm cũng tự nhiên vì không buồn ngủ mà mất ngủ.

Nếu có thể làm được quy luật sinh hoạt như thế -- Đói ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ thì đó tức là thiên. Đó là sự thể ngộ gần đây nhất của tôi. Có lẽ là vì liên quan đến tuổi cao! Khi con người đến tuổi trung niên, thì không thích sự vật mới mẻ khác lạ. Đói với tuổi trẻ, có lẽ cho rằng thiên như thế hơi bị gò bó, hơi “tượng gỗ” (không linh hoạt), và vì muốn truy cầu cảnh giới thiên mà đã có rất nhiều thay đổi không chùng.

Tôi đã từng nói, phương thức thực tiễn của thiên không phải chỉ có một loại. Có loại thiên thích hợp với người tuổi trẻ, có loại thiên thích hợp cho người trung niên, và cũng có loại thiên thích hợp với bậc lão niên. Tóm lại, thiên không rơi vào bất cứ cái ổ cố định nào.

---o0o---

ĐỐI VỚI VẬT XẢ BỎ MÀ CẢM THẤY TIẾT NUÔI THÌ CHÍNH NÓ LÀ MỘT LOẠI PHIÊN NẢO

BẢNG CƯ SĨ

Quyển sách “Chánh Pháp Nhãn Tạng Tuỳ Văn Ký” này, là ngũ lục của Đạo Nguyên thiên sư – Khai sơn tổ sư của Tào Động Tôn Nhật Bản. Người soạn là cao túc (học trò) của Ngài là Hoài Trang thiên sư. Tôi muốn đem nội dung của quyển sách này để giới thiệu tỉ mỉ đến quý vị, nhưng, vì trang giấy có hạn nên chỉ có thể dẫn dụng những phần có liên quan đến nội dung thảo luận trong sách, và dưới đây là trích đoạn dịch văn đã tiết lược:

Một hôm, có một vị tăng đến hỏi tâm yếu của tâm hành. Tôi bảo với ông thế này: “Người học đạo có thể cần phải “Nghèo” trước, vì tiền bạc nhiều thì dễ mua sắm đắm đuối vào vật chất mà nản chí tinh thần, người tu hành tại gia thường lo lắng tiền tài, lưu luyến chỗ ở, và giao dịch qua lại với bao nhiêu thân hữu, do vậy dù mà có chí tu hành, cũng bị cản trở rất nhiều trong phần nhân duyên chứng đạo. Cho nên xưa nay dù người tham gia tu học đông đảo, nhưng số người ưu tú vẫn không bằng người xuất gia. Người xuất gia ngoại trừ ba y một bát tất cả đều không có tiền tài, không truy cầu chỗ ở yên ổn, không tham áo gấm khăn ngọc, một lòng chuyên chú đạo nghiệp, cho nên việc tu hành phần nhiều đều đạt kết quả. Đó là duyên do của “An bản chi sở dĩ lạc đạo”.

Bàng Cư Sĩ tuy là tục nhân tại gia, nhưng tu hành không thua gì người xuất gia, và ông đã chiếm được một vị trí quan trọng trong Thiền Lâm. Bàng Cư Sĩ khi mới tham thiền, liền đã gom góp toàn bộ sở hữu tài vật trong nhà để chuẩn bị bỏ vào biển cả. Người đi đường thấy thế khuyên lơn là nên mang tài vật đó là dùng vào việc cứu nhân tế thế hoặc tạo tháp lập chùa thì tốt hơn. Cư Sĩ bảo rằng: “Vật này vì có hại đối với tôi nên tôi mới mang nó vứt bỏ, làm gì có cái đạo lý lấy cái vật hại mình đem tặng người khác!” Nói xong, không chút luyến tiếc ông đã đổ hết tiền tài xuống biển. Cư Sĩ tuy người tại gia, nhưng sự không tham luyến tài sản thế gian, thật đáng được gọi là một xuất gia hành giả”.

Khi tôi đang cai thuốc lá đã từng mang một máy quạt đất tiền tặng cho người khác. Lúc ấy cơn nghiện thuốc của tôi rất lớn, mỗi ngày phải hút độ khoảng 50 chực điều thuốc. Vì nghĩ đến sức khỏe nên mới nhất quyết cai thuốc, đó là chuyện dĩ vãng 20 năm trước. Khi đó tuy quyết lòng cai thuốc, nhưng tự biết mình không phải là người ý chí kiên định, nên đối với kỷ luật bản thân tôi đã không đủ tự tin để dứt khoát quyết tâm cai thuốc do thế mới nhất định tặng cái quạt máy cho người khác.

Khi đọc giáo thị của Đạo Nguyên thiền sư, tôi đã không khỏi nghĩ đến dĩ vãng. Vì sức khỏe mà mang vật không dùng tặng lại bạn bè, đây có phải là một việc làm thiêu đạo đức? Đúng ra phải quăng bỏ nó đi mới phải...

Đa phần con người thường sa vào lẽ lối suy tư mê man như thế.

Hiển nhiên, cái quạt máy sở dĩ có hại là vì dùng nó để đốt thuốc. Nếu không nhận thức được điểm này thì đối với suy tư trên mặt tiền tài lại càng không thể phân tích xác đáng. Tiền tài đối với kẻ tu hành Phật đạo có lúc đích thị là một chướng ngại, nhưng, cũng không thể phủ nhận sự hữu ích của nó. Ví như chúng ta có thể dùng nó để cứu tế kẻ nghèo khó, hoặc sử dụng nó để kiến tạo chùa chiền, chấn chỉnh đạo tràng v.v...Có khi cũng có thể dùng để quyên giúp cho các hội Bảo Trợ Nhi Đồng Quốc Tế ở Liên Hiệp Quốc v.v...chẳng hạn. Nếu đứng trên khía cạnh này để suy gẫm, thì mang bạc tiền liệng vào lòng biển là một sự việc đáng tiếc.

Nhưng, cái tình cảm “Bỏ đi thật tiếc” này đã không là cái khổ não chướng ngại của việc tu hành ư? Vì thế, nếu còn luyến tiếc khi mang tài vật vứt bỏ thì không thể hoàn toàn chấm dứt khổ não. Bàng Cư Sĩ sở dĩ đáng kính, vì ông không do dự tí nào khi đoạn tuyệt tài vật. Thế mới mong kiên trì ôm cái chủ nghĩa “xuất thế trên hết” (tức là “chủ trương không xuất gia thì không

thể hiểu rõ thiên” của Đạo Nguyên thiên sư), đồng thời cũng rất đáng tôn sùng công phu “năng xả” của Bàn Cư Sĩ vì ông can cường hơn cả những người xuất gia.

Ở chương thứ 10 “Tân Ước Thánh Kinh, Mã Khả Phúc Âm” ghi lại một mẫu chuyện thế này:

Lúc Gia Tô đi đường, có một thanh niên đến sụp xuống lạy và thưa rằng: “Lạy Thầy nhân hậu, tôi phải làm gì để được sống mãi?” Gia Tô bảo anh ta: “Tại sao gọi ta là nhân hậu? Không có ai là nhân thiện trừ Thiên Chúa. Để được sống mãi mãi người phải giữ các giáo răn. Những giáo răn như người biết: Chớ giết người, không trộm cướp, không tà dâm, đừng hại người, không làm chứng dối, phải hiếu kính cha mẹ và thương người thân như bản thân”.

Người thanh niên thưa với Gia Tô: “Tất cả những điều răn đó tôi đã tuân thủ từ thuở bé, thế thì tôi phải làm gì thêm?” Gia Tô người thanh niên, tỏ tình âu yếm và bảo: “Người còn thiếu một việc: người hãy về bán hết tài sản và chia phát cho người nghèo, làm thế người sẽ được tài sản trên trời, rồi người đến đây để theo ta”. Anh ta nghe Gia Tô nói xong, buồn rầu bỏ đi vì anh ta là người giàu có nhiều ruộng đất và lợi tức. Gia Tô buồn rầu nhìn các môn đồ rồi bảo rằng: “Các con hãy xem, người giàu muốn vào thiên đàng quả thật khó khăn! Nay các con! Thầy bảo thật: Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào nước thiên đàng”.

Lời nói của Gia Tô trọng điểm là không phải mang tiền tài thí xả cho người nghèo mà nhấn mạnh đến sự vướng mắc tiền tài chính là sự chướng ngại cho con đường thông đến thiên quốc, điểm này mà chủ trương của Đạo Nguyên thiên sư giống nhau.

So với phú ông truy cầu con đường đi đến thiên quốc thì quyết tâm của Bàn Cư Sĩ đáng tôn kính hơn. Ông vì cầu đạo mà mang hết tài sản trút bỏ xuống biển, đích thật cần có quyết tâm và dũng khí. Không luận là Phật giáo hay Cơ Đốc giáo, đều cần những người có quyết tâm và dũng khí lớn như vậy để thực tu.

Bàn Cư Sĩ(? – 808) là một trong số ít người với thân phận tại gia mà lư danh trong thiên sử. Càng đáng đề cập hơn, Bàn Cư Sĩ cả nhà gồm có bốn

người đều xứng đáng gọi là “Gia tộc của thiên”, bởi vì cái chết của họ tương đối khác thường, có thể nói đó là lối chết của thiên giả chính tông.

Những thiên gia tu hành cao thâm, phần đông đều có thể biết trước ngày chết của mình. Sự việc này thường thấy trong “Cao Tăng truyện”. Thậm chí không những biết trước ngày giờ ra đi mà nhiều thiên giả còn có thể tùy theo ý chí của mình mà quyết định công việc tử sanh. Bàn Cự Sĩ là một trong số những vị ấy. Giai thoại dưới đây được ghi trong lời tựa của “Bàn Cự Sĩ ngữ lục”:

Một hôm, Bàn Cự Sĩ quyết định vãng sanh (đương nhiên khác với tự tử, tuy chúng ta không rõ nguyên nhân trong ấy).

Bàn Cự Sĩ đem ý định của ông nói với cô con gái là Linh Chiêu và dặn dò:

“Thế gian hư ảo không thật. con ra ngoài cửa giúp ta để canh cao độ của mặt trời, đến khi đúng Ngọ thì hãy thông tri cho ta một tiếng”

Bàn Cự Sĩ dự tính vừa đúng chánh Ngọ thì sẽ vãng sanh.

Đến chánh Ngọ, cô con gái vào nhà báo:

“Phụ thân đại nhân, đã chánh Ngọ rồi, nhưng hôm nay là ngày nhật thực, không tinh cha hãy ra xem!”

“Thật có việc như thế sao!”

Thừa lúc Bàn Cự Sĩ bước ra ngoài nhà, Linh Chiêu cô nương đã toạ vãng sanh.

“Động tác con nhỏ này thật lanh lợi”

Bàn Cự Sĩ vừa mừng yêu vừa nhặt củi khô lo việc thiện hậu cho người con gái.

Bảy hôm sau, thái thú sở tại đến phúng điếu. Vị thái thú này bình thời đã dành rất nhiều sự kính ngưỡng đối với Bàn Cự Sĩ. Bàn Cự Sĩ gặp thái thú liền bảo:

“Phàm các hiện tượng đang hiện hữu điều là không tương, nếu chấp không làmà có thì không thể được. Vì thế...” Lúc ấy trong nhà tràn đầy mùi thơm lạ và, Bàng Cư Sĩ đã vãng sanh.

Thế là thái thú phải long trọng cử hành tang lễ cho cư sĩ, và thông báo tin này cho Bàng phu nhân. Nghe tin, Bàng phu nhân bảo rằng:

“Thật là đáng ghét, không thông tri cho tôi một tiếng mà đi trước, làm sao chịu nổi!”

Bàng phu nhân lập tức truyền tin này cho người con trai đang làm ruộng hay.

“Ba con và Linh Chiêu đều đã chết rồi!” Bàng phu nhân vừa nói dứt lời, thì người con đang cầm cuốc đã buông lỏng và tăng háng một tiếng rồi đứng đó vãng sanh.

Bàng phu nhân một mặt lo hậu sự cho con một mặt mắng yêu: “Thằng con thật bất hiếu!” sau đó đến từng nhà cáo biệt những người lân cận và từ đó không biết bà đã đi đâu.

---o0o---

TRẺ NÍT 3 TUỔI TUY BIẾT, ÔNG GIÀ 80 KHÔNG LÀM ĐƯỢC

ĐIỀU SÀO ĐẠO LÂM

Đường triều có vị Đạo Lâm thiên sư (741-824), do khi ngài tu hành tại Tần Vọng sơn Hàn Châu, chim trúc kéo đến làm ổ trên những cành cây tùng trong núi, cho nên được phong hiệu là “Điều Sào thiên sư”.

Ngoài ra, chung quanh chỗ ở của ngài có rất nhiều chim ô thước làm tổ (đại khái có thể chứng cho rằng thiên sư là người cùng chủng loại), cho nên chúng rất ôn thuận với thiên sư, vì thế người ta cũng gọi ngài là “Thước Sào hoà thượng”. Vị Điều Sào thiên sư này là vai chính trong câu chuyện.

Nhưng, nếu chúng ta không đề cập đến một vai chính khác, thì mẫu chuyện này không thể diễn xuất được. Vị đó là thi nhân Bạch Cư Dị đã rất nổi tiếng trong thi đàn Trung Quốc (772-846). Ông vì nhậm chức Thích Sử mà đến Hàng Châu. Thích Sử là quan lớn nhất của một châu, cũng gọi là “Thái

Chú”, một quan chức có ngôi vị khá cao. Bạch Cư Dị lần đầu đến Hàn Châu, nghe cách đi đứng đặc dị của Điều Sào thiên sư, bèn muốn đến bái kiến một phen.

Khi đến nơi, trông thấy chỗ ở của thiên sư, ông không thể tự chủ, lớn tiếng la hoảng:

“Chỗ ở của thiên sư rất nguy hiểm đấy!”

Bạch Cư Dị là người học Phật, ít nhiều cũng biết đôi chút Phật Pháp, vì thế ông thốt ra lời nói vừa có tính cách tỉnh nhưng đồng thời cũng nhắm vào hành vi đi đứng hiển dị khác thường của thiên sư đang mê hoặc dân chúng mà ngầm chứa mùi vị mai mỉa.

Khi đọc công án này lần đầu, tôi cũng đã có cùng cảm giác bức ghét như thế vì cảm thấy kẻ tu hành học Phật không cần thiết phải biểu lộ những hành động kỳ khôi lập dị.

“Nguy hiểm đấy!” lời nói của Bạch Cư Dị thật đúng chỗ. Bởi vì chúng ta có thể vin vào sự trả lời của thiên sư để hiểu rõ công phu tu hành của ngài. Và ngược lại, phản ứng của thiên sư sẽ cho thấy được công lực của Bạch Cư Dị đến đâu. Vì thế cuộc vấn đáp này có thể được coi là một trận biện luận tinh vi.

Điều Sào thiên sư đã trả lời câu nói “Nguy hiểm lắm đấy!” rằng:

“Thái thú, cảnh ngộ của ông còn nguy hiểm hơn tôi!”

Quả thật, cảnh ngộ của chánh trị gia ngấm ngấm nguy cơ tứ phía. Chẳng hạn như bị giáng chức, đố hống, cách chức, bị hãm hại, làm ma thế mạng v.v... Không luận là giới chánh trị hay giới công thương đều đầy dẫy những loại nguy cơ như thế. Bạch Cư Dị vì giáng chức nên mới được điều từ kinh thành đến Hàn Châu. Trước những hiểm họa vô chừng ấy thà chấp nhận thế giới thiên định trên cây tùng còn an toàn hơn.

“Ông này! Thật lợi hại!”

Có lẽ trong lòng Bạch Cư Dị đã nghĩ như thế. Đến đây, thoại đề lại chuyển đổi.

Để bảo trì tính liên đới của toàn bộ cuộc đối đáp, chúng ta hãy thay đổi

phương thức bằng cách tạm không giả thích từng câu, đợi sau khi phân rõ thắng bại, sẽ lần lượt giải thích tỉ mỉ, dưới đây là dịch văn:

Thái thú Bạch Cư Dị: “Chỗ ở của thiền sư nguy hiểm qua!”

Thiền sư: “Thái thú, cảnh ngộ của ông càng nguy hiểm hơn!”

Thái thú: “Thế nào mới là đại ý của Phật pháp?”

Thiền sư: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” (đừng làm những việc ác, hãy thực hiện những việc lành).

Thái thú: “Việc đó trẻ nít 3 tuổi cũng biết”.

Thiền sư: “Nhưng, ông già 80 cũng khó mà làm được!”

Thái thú: “...”

Vấn đáp kết thúc, hiển nhiên Bạch Cư Dị đã thua.

Bạch Cư Dị hỏi: “Thế nào mới là đại ý của Phật Pháp?” không phải lấy cương vị học sinh để thỉnh giáo đại ý Phật pháp, mà là muốn Điều Sào thiền sư trần thuật ra những gì đã liễu ngộ, đó là có ý trắc nghiệm thiền sư.

Còn Điều Sào thiền sư đối với sự trắc nghiệm đã đưa ra lời giải đáp “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”. Thoáng nghe dĩ nhiên xuôi tai, không có chỗ nào sai lầm, nhưng lại cho người có trực giác nhận thấy câu trả lời quá tầm thường, Bạch Cư Dị đã nghĩ như thế.

Nào ngờ, câu nói này rất nổi tiếng trong Phật giáo [Thất Phật thông giới kệ]. Đó là kệ ngữ chung để chỉ dạy chúng sanh của bảy đức Phật đã từng thị hiện ở thế giới sa bà, trong đó có đức Thích Tôn. Toàn văn kệ ngữ này như sau:

Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo
(Đừng làm những việc ác, hãy thực hiện những việc lành, tự thanh tịnh tâm ý, đó là lời Phật dạy)

Bạch Cư Dị cảm thấy câu trả lời này thật tầm thường không có gì ly kỳ, nên thốt “Việc này đến con nít lên 3 cũng biết”, ý ngầm bảo nếu sớm biết như thế thì không cần thiết phải lặn lội đến thâm sơn bí kiến.

Nhưng không hổ danh Điều Sào thiền sư, sau khi Bạch Cư Dị trả lời “Đến như trẻ nít 3 tuổi cũng biết”, thì ngài không chút do dự tức khắc đáp: “Hửn thế, nhưng lão ông 80 tuổi chưa chắc làm được!”, bị thiền sư phang câu này,

Bạch Cư Dị chỉ biết trợn mắt thè lưỡi, không sao có thể biện đáp thêm được.

Thiền hay Phật giáo cũng vậy, bất cứ là đạo lý gì, đều dạy con người bỏ theo thiện. Chỉ đơn sơ như thế, đơn thuần như vậy, mà chính là thiền, là Phật giáo.

Một thí dụ khác, khi qua đường lớn, tuy gặp đang lúc đèn đỏ, nhưng thấy không có xe cộ nên định băng qua, con tôi đứng bên cạnh vội cản tôi lại. Tôi bảo “Không được phép băng đèn đỏ thì đúng rồi, nhưng...có quan hệ gì đâu!”

Con tôi bây giờ chỉ đang học Âu Trĩ Viên. Kết quả, cái quy tắc giao thông “Không thể vượt đèn đỏ” cả con nít 5 tuổi cũng biết, nhưng người lớn lại rất dễ vi phạm.

“Không quan hệ gì!” Vừa nói xong, trong đầu tôi tức khắc hiện lên lời nói của Điều Sào thiền sư. A! cho dù người lớn, đã 40 như tôi, cả cái quy tắc giao thông thông thường cũng không cách nào tuân hành nghiêm túc. Như thế, đàn ông trung niên trên tuổi 40 chỉ biết cãi lời đạo lý thôi sao?

Thiền không lý luận nhưng hiểu rõ đạo lý, “Thiền không phải là lý luận” chưa hẳn là đại biểu cho sự thấu hiểu về thiền. Nghe qua dường như có vẻ đáng buồn, nhưng xin hãy bình tĩnh, chớ nóng nảy, nóng giận là kẻ địch lớn của thiền. Hãy thông dong chậm rãi mà thể hội! Cuối cùng từ trong ấy bạn sẽ hiểu rõ đạo lý của thiền.

---o0o---

THẾ NÀO MỚI TRÁNH CHO MÈO KHỎI BỊ GIẾT?

NAM TUYỀN PHỔ NGUYỆN

Nam Tuyền Phổ Nguyễn (748-834) vốn là một vị tăng có trình độ học vấn rất cao, ngài tinh thông “Kinh Hoa Nghiêm” (1), lãnh ngộ “Không” lý (2) của Bát Nhã” và sau này còn chuyên nghiên cứu về giới luật. Dù thế, sau cùng ngài vẫn vứt bỏ tất cả học vấn, theo phụng sự Mã Tổ Đạo Nhứt thiền sư và tự nhận là một thiền giả suốt cả cuộc đời.

Mẫu chuyện dưới đây là một công án nổi tiếng của Thiền. Cái gọi là công án, cũng có thể gọi là trắc nghiệm vấn đề. Tốt nhất xin quý vị độc giả hãy trắc nghiệm ở đây rồi tự nêu ra một đáp án mà quý vị cho rằng tiêu chuẩn nhất.

Một hôm, có một số thiền sinh đã chỉ vì chuyện của một con mèo mà tranh cãi không ngừng, lúc bấy giờ Nam Tuyền thiền sư thấy thế, nắm cổ con mèo giơ lên cao và bảo:

“Này chư vị, trong số chư vị nếu có ai vì mèo mà có thể nói được một lời thì tôi sẽ không giết con mèo này, nếu không, tôi lập tức chém nó ngay. Hãy thử nói một câu!”

Lúc ấy, đám đông lặng thinh.

Thế là Nam Tuyền lập tức giết chết con mèo.

Đến đêm, một đệ tử của Mã Tổ là Triệu Châu (Tùng Phẩm) từ ngoài về, Nam Tuyền thiền sư đem câu chuyện xảy ra ban ngày thuật lại cho ông. Triệu Châu nghe xong, đã không một lời nào đáp lại, cởi đôi giày rơm đội lên đầu rồi bước ra khỏi phòng

Nam Tuyền thiền sư thấy vậy bèn nói:

“Lúc ấy nếu ngài có mặt, con mèo đã không bị giết...”

Vấn đề ở chỗ, Triệu Châu tháo giày rơm đội lên đầu có ý gì?

Quý vị độc giả, quý vị có thể cứu sống con mèo này không?

Đề mục nêu trên, nếu mách với quý vị:

“Xin lỗi! tôi cũng không trả lời nổi” thì sẽ không khỏi bị độc giả mắng cho một trận! May mà vấn đề này có sẵn trong điển tịch Thiền Tôn “Vô Môn Quan”, vì thế tôi mới có thể mạnh dạn thú nhận là tôi không có giải đáp. Xin độc giả tự căn cứ vào trí tuệ của mình mà tìm đáp án.

Nếu trong số quý vị có người muốn khống cáo Nam Tuyền hòa thượng là lẽ ngược đãi động vật, tôi khuyên độc giả ấy hãy giữ im lặng thì tốt hơn. Bởi vì bản ý của Nam Tuyền là muốn cứu con mèo, thật sự, để cho con mèo bị giết chính là những người đã đặt Nam Tuyền hòa thượng vào tình thế khó xử!

Chú (1): Một trong những đại biểu kinh điển của Đại Thừa Phật giáo. Toàn Kinh thuật rõ đạo lý “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”.

Chú (2): “Không” là lý niệm cơ bản của Đại Thừa Phật pháp, cũng là trung tâm tư tưởng của “Bát Nhã Kinh”. Thuyết minh sở hữu thực thể tồn tại đều là đạo lý “Không” cùng với tư tưởng “Thiền” tương thông với nhau

---o0o---

KHÔNG NÊN MIỆNG LƯỖI, ĐA NGÔN KHÔNG SAO KHỎI LỖI

TRIỆU CHÂU TÙNG PHẨM

Phần trước đã đề cập về mèo, bây giờ thì đến chó. Bút giả vốn không có ý đùa bỡn văn chương, nhưng một khi nói đến Triệu Châu Tùng Thẩm thiền sư, đương nhiên không thể không đề cập đến công án nổi tiếng của “Con chó Triệu Châu”. Công án này được ghi ở chương nhất, mở đầu của “Vô Môn Quan”

Có một tăng nhân thỉnh giáo Triệu Châu thiền sư (777-897): “Thưa thiền sư, chó có Phật tánh không?” Triệu Châu thiền sư đáp: “Không!”

Chỉ một câu vấn đáp đơn giản và ngắn ngủi như thế, vả lại đây chỉ là một vấn đề chúng ta thường thấy. “Chó không có Phật tánh” -- chỉ có thế thôi

Nhưng công án này tương đối vốn được chú trọng vì lẽ nó được sắp xếp ngay nơi trang đầu của quyển “Vô Môn Quan” bất luận thế nào cũng phải có một bài được sắp ở trang nhất, nếu không thì làm gì có trang hai, trang ba...? Nếu có lỗi nghĩ như thế, độc giả có lẽ sẽ nói: “Con chó Triệu Châu” chẳng qua gặp may mà được sắp ở bài thứ nhất, điều đó có gì đáng nói?” nhưng, sự “ngẫu nhiên” này dường như có sự tất nhiên của nó. Then chốt là chữ “không” trong câu trả lời của thiền sư.

Chọn công án có liên quan đến “Vô” làm đầu bài này, là tương đối phù hợp với tên sách “Vô Môn Quan”. Cái gọi là “Vô Môn Quan” có nghĩa là “Không có ai kiểm tra”. Ý nói phàm những người muốn vào cảnh địa của thiền đều cần phải thông qua trước cái ải “Vô” này, điểm này phải là điểm chủ ý của tác giả Vô Môn Huệ Khai thiền sư nên ngài đã đặt cho tên sách là “Vô Môn Quan”. Chữ “Vô” của tên sách tương đương với ý chữ “Vô” của Triệu Châu thiền sư. Cho nên, chúng ta cần phải nhìn thẳng vào câu nói “Con chó không có Phật tánh” lần nữa. Ồ, không! Nói vậy, khác chi bảo rằng chúng ta cần phải lý giải ý nghĩa của “Vô”. Điều này không thể sử dụng thường lý để giải lý được.

Ở đây xin độc giả cho phép tôi được nhiều lời, ý tôi muốn nói: Nếu các vị thật tình nghĩ mãi mà không hiểu được, thì chi bằng thử cái “diệu kế” của tôi, cái được gọi: Phương pháp “Đánh mèo mà trúng chim”. Tục ngữ thường bảo: “Mèo đui gặp chuột chết”. Tay súng không thiện xạ nhiều khi bắn thêm vài phát và có thể vì “bất cẩn” mà trúng mục tiêu. Vì thế tôi khuyến khích quý vị hãy phát huy toàn bộ sức tưởng tượng của mình, cho dù đoán đông đoán tây, biết đâu chừng cũng sẽ rất có thể trúng câu đó.

Tiếp đến, chúng ta hãy bàn về thoại đề liên quan đến chó.

Căn cứ trong Cơ Đốc giáo, đặc biệt là Thiên Chúa Giáo, cho rằng chó là loài không có linh hồn. Nội dung dưới đây, do vị linh mục Phi Na Thái Lợi người Ý miêu tả khi ông đến Nhật Bản, đối với việc một phụ nữ Nhật đã yêu cầu ông làm phép và tế lễ cho con chó cưng của bà mà kinh hãi:

Cái gọi là tế lễ là vì những việc làm khi còn sống của người chết mà làm nghi thức chuộc tội và kỳ đảo khấn cầu thiên thần giáng ân. Tiếng La Tinh gọi là “An hồn tế lễ”, hoặc tục gọi là “Trấn hồn tế lễ, và “Truy điệu tế lễ” v.v. Tôi làm chức linh mục nên thường trong ngày giỗ kỵ của người chết được yêu cầu tế lễ cho người chết.

Nhưng còn tế lễ cho con chó đã chết là điều xưa nay chưa từng có, ít nhất, đối với người Ý như tôi thì quả thật là điều không thể tưởng tượng.

Không những đây là vấn đề chưa có tiền lệ, hơn nữa đối tượng của tế lễ phải là con người, chó thì không. Dù gì tế lễ cũng là một nghi thức cầu cho linh hồn được yên nghỉ, còn đối với loài chó không có “linh hồn” thì như đã được lý luận, “Tế lễ vì chó” là việc không cách nào có thể làm lễ được.

Tại nước Ý, dù người không có trình độ trí thức đến đâu đi nữa cũng không đưa ra yêu cầu như vậy, nhưng đối với sự tín ngưỡng kiên thành của bà lão Nhật thì lại có thể do lòng quá thương con chó đã chết mà đã đưa ra sự thỉnh cầu một cách rất tự nhiên. Sự kiện ấy thật tình đã tạo cho tôi một niềm xung kích tương đối rất lớn. [Cha Phi Na Thái Lợi (Thuởng th?c Cơ Đ?c Giáo)]

Vì chó không có linh hồn, cho nên chó không thể lên thiên đàng được -- Đối giáo đồ Cơ Đốc Tây Phương thì đây là vấn đề thường thức phổ thông. Nhưng đối với người Nhật thì nó lại là nan đề khó giải thích. Theo cách nghĩ của người Nhật thì chó hay người cũng đều là sinh vật như thế tại sao lại có sai biệt? Chó vẫn có thể lên thiên đàng mới đúng...

Người Nhật sở dĩ có lối nghĩ như vậy, vì lẽ họ hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Phật giáo cho rằng dẫu là người hay động vật, nếu đã thuộc về sinh mạng có linh tánh thì đều có thể thành Phật. Chúng ta tạm thời không bàn đúng, sai, tốt, xấu, nhưng từ chỗ này có thể thấy rằng Phật giáo và Cơ Đốc giáo (hoặc Thiên Chúa Giáo) khác nhau rất lớn.

Nói đến cái gọi là “Phật tánh” hay về tính chất có thể thành Phật, thì câu nói này tương đương với Cơ Đốc giáo, đó là, có khả năng sanh lên thiên đường. Cho nên vấn đề được hỏi đến của Triệu Châu thiền sư: “Chó có Phật tánh không?” đổi theo cách nói của Cơ Đốc giáo thì: “Chó có thể lên thiên đàng không?”

Như thế, câu trả lời cho vấn đề đó là đối với Cơ Đốc giáo thì phải là “No!” nhưng đối với Phật giáo thì “Yes!” Đứng trên giáo nghĩa của Phật giáo thì trả lời như thế rất là chính xác, còn trên phương diện Cơ Đốc giáo thì dựa vào những lời của linh mục Phi Na Thái Lợi cũng có thể suy luận được.

Trở lại câu trả lời của Triệu Châu thiền sư, đương nhiên “Không” cũng tức là cái ý “No”. Nếu vấn đáp thì sẽ như thế này:

“Chó cũng có Phật tánh sao?”

“Vô lý, đừng nói ngốc!”

Trả lời thế nếu sơ với cách nói của Cơ Đốc giáo thì có gì sai khác? Không lẽ Triệu Châu thiền sư không biết Phật pháp, hoặc giáo nghĩa: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh” hay ngài đã quên tất cả?

Hai điểm này đều không đúng.

Bút giả cho rằng cái “không” của Triệu Châu thiền sư đã khẳng định phải là cái ý “No”, trái lại so với sự khẳng định của “Yes” còn ở vào tầng cấp cao hơn.

Tại sao nói thế?

“Chó cũng có Phật tánh sao?” bản thân vấn đề này nếu lấy bất cứ quan điểm nào thì câu đáp của nó cũng đều rơi vào sự chấp trước của hai bên là “có” và “không”. Nếu Triệu Châu thiền sư đáp “Có”, thế là người hỏi có thể hỏi tiếp “Mèo có Phật tánh không?” Sau khi mèo được khẳng định, tiếp đến lại hỏi khỉ, rồi ngựa, hải cẩu, chuột bọ, heo lợn v.v..., vấn đề sẽ không bao giờ chấm

dứt. Tôi nghĩ cho dù không phải Triệu Châu thiền sư, cũng không cần thiết phải lý sự như vậy. Huống hồ bản thân vấn đề vốn đã có sẵn vấn đề.

“Chó cũng có Phật tánh sao?” hỏi như thế rõ ràng đã đặt Phật tánh sao?” hỏi như thế rõ ràng đã đặt Phật tánh là vật ở tầng thứ thấp mà tra thúc thuộc tánh của nó, như thế bản thân của vấn đề tự nó đã nổi bật lên sự ngu xuẩn.

Phật tánh là Phật tánh

Trong Phật tánh không có vấn đề phân biệt sai dị của cái gọi là con người, hoặc chó hoặc khỉ v.v... Phật tánh xưa nay vốn đang tồn tại, thế thì làm gì có vấn đề ở người mà không ở trên thân khỉ? Phật tánh tồn tại trên mọi phân biệt như thế.

Tôi nghĩ, ý của Triệu Châu thiền sư là vậy!

Tất cả chúng sanh đều sẵn có Phật tánh –

Nhưng đã không có cái loại “Phật tánh của chó” như vậy.

Cho nên Triệu Châu thiền sư bất đắc dĩ phải trả lời như thế:

“Chó cũng có Phật tánh sao?”

“Không!”

---o0o---

**“HÀNH VI” GIỐNG NHAU NHƯNG HOÀN TOÀN
KHÔNG THỂ BIỂU ĐẠT “Ý TƯỞNG” NHƯ NHAU**

CỤ CHỈ HÒA THƯỢNG

Cái gọi là “Chân lý”, kỳ thực rất là bình thường.

Nói theo lý, muốn thực hiện việc bình thường đáng lẽ rất dễ, nhưng thực tế lại không phải thế.

Tôi từng được nghe về một sự kiện thế nào:

Tại một cơ quan công cộng, có hai vị khóa trưởng họ Lâm và Trần. Trong cơ quan ấy, Lâm khóa trưởng có nhân tâm hơn, nên các thuộc cấp đều thích gần gũi.

Một hôm, cơ quan có một viên chức qua đời vì tai nạn xe cộ. Tin buồn trên được truyền đến văn phòng đang khi Lâm khóa trưởng chuẩn bị đi công tác cán xa. Do nhiệm vụ trọng yếu, ông không cách chi có thể thay đổi hành trình để ở lại.

Vì thế, Lâm khóa trưởng căn dặn thư ký mang phẩm vật đến nhà người chết để phúng điếu và thay mặt gửi lời phân ưu đến phu nhân người quá cố.

Số tiền mang đi phúng điếu là 10.000 đồng. Trị giá theo lúc ấy là con số vừa phải. Nhưng vấn đề không phải số tiền nhiều hay ít, mà là nội dung của cái túi phúng điếu.

Loại mới, bạc giấy lớn 1000 đồng...9 tờ
Loại mới, bạc giấy 100 đồng...5 tờ
Loại mới, bạc giấy 50 đồng...8 tờ
Lóng tánh loạn tiền đúc 10 đồng....10 đồng

Có lẽ có người sẽ hỏi tại sao không gói gọn 10 tờ loại 1,000 đồng? Đúng vậy, nếu không thì không được.

Theo cái gọi là điện nghi, vật phúng điếu trong lúc an ủi tang gia để biểu đạt tâm lý và không để tang gia bị bất cứ trở ngại khó khăn nào về mặt tiền bạc. Thông thường, bởi sự việc bất ngờ xảy ra nên phúng điếu dù giấy bạc cũ cũng không can chi, còn nếu bì thư chứa toàn bạc mới, sẽ khiến tang gia hiểu lầm phải chăng trường hợp nào đó đối với sự phát sinh tang tóc hình như đã được đợi chờ sẵn. Đồng thời, vì để biểu hiện lòng cảm thông trước sự việc ngoài ý muốn nên cố tình đặt nhiều loại tiền như 1000, 100, 50, 10 đồng v.v... để tỏ ý là vì đột ngột không thể chuẩn bị kịp nên chỉ nhất thời góp lại.

Nhưng, Lâm khóa trưởng sử dụng bạc mới là để biểu hiện cá nhân ông có tác phong tế nhị khác với người bừa bãi, đó là một dụng tâm khéo léo chứng tỏ mình thuộc hạng người nào.

Người vợ nhận phúng điếu, roi lệ cảm kích trước sự tế nhị của Lâm khóa trưởng. Không những không trách cứ việc ông không đến viếng tang lễ mà còn tỏ ra cảm kích muôn phần

Việc này đến tai Trần khoá trưởng, trong lòng ông ta chợt có chủ ý: Sau này nếu gặp cơ hội như thế thì cũng y theo đó mà bào chế một phen...

Quả nhiên, không lâu cơ hội lại đến (sự việc tựa hồ phát triển thuận lợi đến độ giống như sắp xếp một mẫu chuyện. Tuy tôi hoài nghi như vậy nhưng cho dù bịa đặt cũng không sao. Tóm lại, Trần khoá trưởng học theo Lâm khoá trưởng, cũng gói loại giấy bạc mới để đi phúng điếu)

Nhưng, nghe nói sau đó vợ của người chết đã oán trách và bảo với người khác rằng:

“Con người của Trần khoá trưởng thật là không có hảo ý...”

Mẫu chuyện trình thuật trên đây, trọng điểm muốn được biểu đạt đó là: Tuy là hành vi giống nhau, nhưng con người khác nhau nên động cơ làm việc khác nhau. Cũng một hành động giống hệt như thế nhưng sẽ mang lại cho người sự vui thích và chán ghét khác nhau.

Cụ Chỉ hòa thượng mỗi khi có ai cất vấn Phật pháp thì ngài đưa lên một ngón tay. Sau đó có một đồng tử vì có người ngoài hỏi là hòa thượng đã dạy pháp nào trọng yếu nhất, đồng tử cũng đưa ngón tay lên để trả lời. Việc này sau khi hòa thượng nghe được, đã dùng dao chặt đứt ngón tay của đồng tử ấy. Đồng tử bị đau đớn khóc lóc rồi bỏ đi, hòa thượng gọi lại, đồng tử quay đầu, Cụ Chỉ lại đưa ngón tay lên, đồng tử đột nhiên lãnh ngộ. Khi Cụ Chỉ sắp viên tịch, ngài bảo với những đệ tử rằng: “Sau khi ta đã thể ngộ được Nhất Chỉ thiền từ Thiên Long Hòa Thượng, thọ dụng cả đời không hết”. Nói xong thì viên tịch. [Vô Môn Quan]

Năm tháng sanh thác của Cụ Chỉ hòa thượng đã không thể tra khảo được. Bài tựa bảo rằng sở học của ngài được truyền từ Thiên Long hòa thượng nhưng Thiên Long hòa thượng sanh và tịch vào năm nào thì cũng không thể tra cứu, chỉ biết thiền tăng là người ở vào cuối đời Đường. Nhưng việc này không trọng yếu, cái mà chúng ta muốn học là ngữ lục và hành nghi của ngài.

Cụ Chỉ hòa thượng nhờ thầy của ngài là Thiên Long hòa thượng đưa ra một ngón tay (phải là ngón trỏ?) mà khai ngộ. Có lẽ đương thời Cụ Chỉ đã thỉnh giáo với Thiên Long hòa thượng “Cái gì là Phật?”, nên Thiên Long hòa thượng đã làm động tác như vậy?

Nhưng, điều quan trọng xin quý vị chớ nên hiểu lầm rằng, ý của Thiên Long hòa thượng đã chẳng phải cho rằng ngón tay trở là Phật. Đại khái là khi Cụ Chi hỏi cái gì là Phật thì Thiên Long hòa thượng đã nhìn thấu rõ trong tận cùng tâm khảm của người đệ tử đã xem Phật là một tuyệt đối thể vừa sùng cao vừa uy nghiêm, vì thế để đánh tan thiên chấp của Cụ Chi nên ngài đã dùng ngón tay để điếm tình sự mê vọng đó.

Cụ Chi thấy thế tức khắc đại ngộ.

Vẫn xin quý vị chớ nên hiểu lầm rằng, tuy chấp rằng ý nghĩa Phật là chí cao vô thượng vẫn là một sự chấp trước sai lầm, nhưng trước hết cũng không nên vì đó mà hiểu lầm rằng Phật là vật thuộc tầng thứ kém giống như ngón tay trở. Tóm lại, Phật là Phật, biết rõ Phật chỉ là Phật thì sẽ giác ngộ được chân lý.

Về sau, khi những đệ tử thỉnh thị Cụ Chi hòa thượng bất cứ vấn đề gì, hòa thượng đều bật một ngón tay ra để đáp. Ở đây dường như lại dẫn đến một hiểu lầm khác cho độc giả, rằng ngài đã chấp vào Nhất Chỉ thiên. Tuy Phật pháp có đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn, Cụ Chi hòa thượng chỉ độc chọn một pháp thì cũng đành chịu, nhưng nhất nhất đều sử dụng phương pháp này như thế có đúng không?...Có lẽ những pháp khác ngài cho rằng phiền phức nên dùng Nhất chỉ thiên thì cũng thế, mà làm mất ma quý thì cũng vậy, hét một tiếng lớn cũng chẳng sao, bảo rằng “Sáng khoẻ” cũng không can chi, miễn sao sử dụng bất cứ pháp gì mà mục đích tối hậu có thể biểu đạt cái ý giống nhau là được. Đã vậy, cứ sáng khoái và đơn giản dùng Nhất Chỉ thiên để biểu thị lối nghĩ gọn gàng thuần nhất thì cũng chẳng có gì sai trái. Không cần làm bộ làm tịch, tất cả đều dùng một ngón tay làm phương tiện tiêu biểu, trước sau gì Cụ Chi hòa thượng vẫn một mực lấy Nhất Chỉ Thiên để nhất tâm trả lời.

Vì tiểu đồng chưa lãnh ngộ được đạo lý này, nên thấy hòa thượng giơ ngón tay trả lời đã lầm tưởng chia ra một ngón tay tức là Thiên, là biểu đạt được thiên ý. Sự lãnh hội sai lạc về thiên này đã khiến tiểu đồng tử sinh ra bất chước y hệt mà không tự biết mình đang sa vào mê vọng thiên chấp.

Kỳ thực, bất cứ sử dụng phương thức nào cũng đều không thể biểu hiện thiên chân chính – Chính vì thế, thiên có thể biểu hiện qua bất cứ phương tiện thiện xảo nào, trong ấy bao gồm cả phương pháp sử dụng một ngón tay. Riêng trường hợp tiểu đồng tử vì chưa triệt ngộ được đạo lý này nên chỉ đơn thuần nghĩ là muốn biểu hiện là biểu hiện, thế thôi.

Chính thế nên khi người khác hỏi: “Cái gì là Phật?” Tiểu đồng tử học theo cách biểu thị của hòa thượng mà đưa lên một ngón tay.

Nhưng khi Cụ Chỉ hòa thượng biết được, ngài đã không cho giải bày điều gì mà lập tức chặt đứt ngón tay của tiểu đồng, sau đó đang khi đồng tử còn đờn đau khóc lóc, ngài lại đưa ra một ngón tay, ngay sát na chớp nhoáng ấy, tiểu đồng tử đã nhờ đó mà khai ngộ.

Tiểu đồng tử đã liễu đạt được đạo lý gì mà khai ngộ? Thật rất khó thuyết minh. Nếu lấy lý mà luận đoán về thiên, trên căn bản đã là phí uổng miệng lưỡi, huống hồ muốn kẻ phàm phu chúng ta thuyết minh về cảnh giới khai ngộ. Cuối cùng thì việc sẽ như thế nào? Cảnh giới của người khai ngộ giống như người giàu thưởng thức sơn trân hải vị và người nghèo nhất định không có cách nào có thể thẩm thấu được mùi vị thơm ngon trong ấy.

Nhưng, ở đây tôi cần thuyết minh, nếu không, e sẽ làm cho độc giả hiểu lầm rằng phương thức “Miễn ngồi thiền” mà tôi đã đề xướng đó là sự treo đầu dê để bán thịt chó.

Đối với tiểu đồng, có thể đây đúng là một loại “Khé cơ của phủ định” -- Đồng tử vì tin tưởng rằng Nhất Chỉ thiền có nghĩa là Phật, vì thế mà có thiên chấp mê vọng nên bị Cụ Chỉ hòa thượng chặt ngón. Tuy hơi tàn nhẫn, nhưng vì muốn phá trừ chấp trước của nó mới cắt đứt ngón tay của nó. Có lẽ sẽ có người chỉ trích việc làm tàn nhẫn này vì cho dù là thầy của người cũng không nên có hành động nhẫn tâm như thế. Không biết quý vị có từng nghe rằng thầy thuốc vì muốn cắt bỏ tế bào ung thư nên đã cắt bỏ một trong năm ngón tay. Có sao đâu. Huống chi đối với đồng tử chấp trước về Nhất Chỉ Thiền, thì ngón tay ấy khác gì tế bào bị ung thư. Cho nên, cắt đứt một ngón tay mà phá trừ được vọng chấp của tâm là điều rất cần thiết.

Dẫu sao thì ngón tay cũng đã không còn nữa, nhưng, Cụ Chỉ hòa thượng vẫn chìa ra ngón tay để minh chứng rằng đây là Phật. Ý muốn nói rằng, đã không phải là ngón tay nữa, mà đích thị là Phật.

Tiểu đồng vì mất ngón tay nên chợt hoàn toàn liễu ngộ.

Vấn đề của Lâm khóa trưởng và Trần khóa trưởng cũng thế. Trần khóa trưởng không được mọi người trọng vọng vì lẽ cho rằng giấy bạc mới mang ý nghĩa “kính trọng nhân viên dưới quyền”. Theo lý luận, thì dấu hiệu đồng nghĩa này quả tình đã không thuận hợp với luận lý, nhưng ông ta lại cả tin là

muốn “kính trọng thuộc hạ” thì phải dùng bạc giấy mới để biểu hiện, vì thế mà ông đã y theo đó mà bày tỏ ý nghĩ của mình.

So với tiêu đồng tử, vị Trần khóa trưởng đã thiếu mất “khế cơ của phủ định”, vì thế mà ông bị sự phản cảm của thuộc cấp và tang gia, có thể nói đó là việc làm phí uổng tâm sức.

Theo cá nhân tôi thì tôi cho rằng cái gọi là thiên thường thường trong sự “phủ định” có mặt nghiêm túc và nhận chân của nó. Phủ định ngón tay, phủ định giấy bạc mới, phủ định chùa nghĩa hình thức, thậm chí phủ định cả “Phật”..., nhưng, trong tất cả phủ định, phải xô đẩy tư tưởng con người đến chỗ không còn bị cục hạn nữa mới đạt tới tự do thật sự. Như thế, vạn sự vạn vật lại được phú cho cái ý nghĩa hoàn toàn nguyên mới mẻ, như ngón tay có thể là Phật thì bạc giấy mới cũng có thể đồng nghĩa là “kính trọng thuộc hạ” vậy.

---o0o---

NHẬN RÕ BẢN LAI ĐIỆN MỤC CỦA MÌNH

LÂM TẾ NGHĨA HUYỀN

“Lâm Tế Lục” là cách nói gọn của “Trần Châu Lâm Tế Huệ Chiếu thiên sư ngữ lục”, Huệ Chiếu thiên sư là thiên tăng Lâm Tế Nghĩa Huyền (? – 867) rất nổi tiếng ở đời Đường.

Lâm Tế thiên sư là thủy tổ khai sơn của Lâm Tế Tông, đầu tiên ngài theo học thiên với Huỳnh Bá thiên sư, vì thế một mạch ngài đã thừa tập thiên phong nghiêm tuấn của Huỳnh Bá.

“Huỳnh Bá Bảng, Lâm Tế Hát”

Đã có câu truyền tụng như thế để biểu tỏ phương thức giáo đạo tham thiên tu hành của hai vị này, Huỳnh Bá dùng cây thước bảng để đánh và Lâm Tế thì lớn tiếng la hét. Trong “Lâm Tế Lục” đã thể hiện đầy đủ phong cách nghiêm lệ của cá nhân Lâm Tế thiên sư.

Khi Lâm Tế thượng đường, ngài tuyên bố: “Trên Xích Nhục Đoàn có một vị Vô Vị Chân Nhân thường ra vào trước mặt các người, ai là người chưa chứng cố mà có thể nhận diện”. Lúc ấy có một tăng nhân

hỏi: “Thế nào là Vô Vị Chân Nhân?” Thiền sư vội bước xuống thiền sàng nắm lấy ông ta và hét lớn: “Đạo! Đạo!” Vị tăng ấy định muốn nói điều gì thì thiền sư đã buông ra và bảo: “Vô Vị Chân Nhân là cái thể gỗ quẹt thân!” (1)

Một hôm, Lâm Tế thiền sư đứng trên pháp đường và bảo: “Trong thân sanh nhục thể của mỗi con người, đều có một vị tuyệt đối chân nhân vô hình vô tượng, thường xuyên ra vào từ khí qua cảm giác của các vị. Vẫn không cách nào có thể thấy rõ Vô Vị chân nhân này. Hãy xem đây! Xem đi!”

Lúc bấy giờ, có một tăng nhân bước ra hỏi rằng: “Vị chân nhân vô hình vô tượng này là gì?” Thiền sư rời khỏi thiền tọa, chụp vị tăng nhân rồi hét lớn: “Nói đi! Nói đi!” Trong khi vị tăng nhân ấy đang lúng túng, do dự, thiền sư liền buông tay và thét lớn: “Vị Vô Vị chân nhân này chính là cái gì giống cái nẹp bản quẹt phân...”

Hy Lạp trước kia, có một triết gia vĩ đại là Tô Cách La Đê, ông đã để lại ngay trước cửa ra vào của thần điện A La Ba (2) một đoạn minh văn như sau:

GNOTHI EAUTON

Bia năm này là câu cách ngôn để ông thường xuyên cảnh giác, cảnh tỉnh, phiên dịch ra Hán ngữ là “Tự tri bản thân” nghĩa là “Tự mình biết mình”. Ông đem câu nói này khắc ngay chỗ vào thần điện, điều đó không khác nào để cảnh cáo thế nhân.: Từ cửa vào, bước thêm một bước là lãnh vực của thần linh. Nhân loại các người dù hô phong hoán vũ trong chốn nhân gian nhưng dưới mắt thánh thần thì chẳng qua chỉ nhỏ bé như hạt cát. Khi muốn vào thế giới của thần, tốt nhất các người nên tự biết thân phận như vậy.

Thực ra, ý của Tô Cách Lan Đê không phải như thế. Ý của ông là: “Phải tự biết rõ chính các người!”

Nhưng muốn hiểu rõ chính mình là gì và làm sao để hiểu rõ thì phải làm thế nào mới đúng?

“Tôi mang chức khóa trưởng, thuộc giai cấp công nhân, tiền lương đủ xài, tướng mạo bình thường, có một vợ một con, thân thể thuộc loại máu O...” thí dụ này cũng là một cách hiểu rõ chính mình, nhưng, đây chỉ là bên ngoài. Tôi không cho rằng lời của Tô Cách La

Đe mục đích chỉ để diễn đạt về những bộ phận có tính cách hời hợt bên ngoài như thế.

Tô Cách Lan Đê đã bảo.. Đừng lo, không phải tôi muốn lên lớp triết học cùng quý vị, chẳng qua trước khi tôi nói về “Vô Vị chân nhân” của Lâm Tế thiền sư, nên bắt đầu dĩ phải nói rõ trước việc này vì đó là điều cần thiết. Dẫu sao, Tô Cách La Đê cũng đã nghiêm khắc tách rời “mình” và “sở hữu của mình”. Bất cứ thân thể nào cũng vậy, tướng mạo nào cũng thế, hoặc là tài sản, địa vị, chức vụ, vợ con...v.v., những thứ này đều là “sở hữu của mình” -- thuộc về vật của mình. Nếu so sánh, “chính mình” đương nhiên là trọng yếu hơn so với “sở hữu của mình” mới phải, nhưng người đời vì do ngu si nên cứ nghĩ đến “Thân ngoại chi vật”, thật là hành vi đảo ngược. Cho nên, Tô Cách La Đê muốn mách cho chúng ta rằng, không nên có thái độ ngu xuẩn, ta nên nắm vững lấy ta, còn “Sở hữu của chính mình” chỉ là thứ yếu.

Như thế, “Hiểu rõ chính mình” của Tô Cách La Đê có thể nói tương đương với cái ý “Xem Vô Vị chân nhân trên xích nhục đoàn (khối thịt đỏ) của Lâm Tế thiền sư. “Xích nhục đoàn” tức là nhục thể của con người. Mà cái nhục thể này chẳng qua là “Sở hữu của mình”. Trong thân xác, còn có một vị khác đó là Vô Vị chân nhân của thể xác hiện đang có mặt đó đích thực là “Chính mình” (bản lai diện mục của chính mình). Bất cứ là người có địa vị như thế nào, từ khóa trưởng, giáo sư đại học, uỷ viên lập pháp, thậm chí kể cả người buôn bán ở đầu đường xó hẻm, hay bán thuốc lá dạo...., trước khi có sự sai biệt thân phận chức nghiệp như thế đã có một con người chân thật tồn tại. Vị “Vô Vị chân nhân” này ra vào trong tai, mắt, mũi, họng, của chúng ta. Tại sao ta không thấy nó? Lâm Tế thiền sư cho rằng: Không có lý do gì mà không trông thấy cả, không phải thế sao? Hãy xem nhanh! Xem đi!

Nhưng, chúng ta đã không thấy được gì!

Muốn xem, thì quả thật rất dễ trông thấy, nhưng, điều đã khiến cho con người chán nản đó là cái gì cũng không thấy. Không! phải nói là chính chúng ta không chịu quán sát. Cứ ngoan cố giả vờ không thấy, nên chỉ một mạch truy cầu danh lợi thế gian và trong lòng không lúc nào không mơ nghĩ về năm việc, đó là: “Tài, sắc, danh, thực, thùy (ngủ)”, thật là vô minh đáo đả.

Như thế thì Vô Vị Chân Nhân này là vị thần thánh nào?” Một đệ tử đã hỏi thế.

Tăng nhân là ai? Là vị khờ ngốc hay sự thật là vị có chút tài ba? Người dám cả gan nêu lên chất vấn này, có lẽ ít nhiều đã được lãnh ngộ?

Lâm Tế thiền sư thấy tăng nhân này dường như có điểm đáng dùng, thế là đặc biệt rời khỏi thiền tọa, túm lấy ngực ông ta, giống như thầy dạy đô vật đang huấn luyện học viên, hỏi dồn ông rằng:

“Là gì? Nói đi! Nói coi!”

Nhưng, ở ngay cái mắc gút quan trọng này, tăng nhân lại không thốt nên lời.

Lâm Tế thiền sư thất vọng, bèn nói:

“Vô Vị Chân Nhân của người là kẻ giống cái que quẹt phân!...”

[Căn cứ vào thuyết Liễu Điền Thánh Sơn thị học giả Nhật Bản: “Que quẹt phân” cũng có thể giải thích là cục phân khô như là que cây. Trên thực tế giải thích như thế thì càng chính xác hơn”. (“Thiền tư tưởng” năm 1975).]

Thế là, câu nói này thành ra “Cái gì! Vô Vị chân nhân của người giống như cục phân khô!...”

Viết đến đây, tôi muốn nói “Đáng thương thay! đột nhiên bị thộp ngực còn bị ép hỏi: “Nói nhanh! Nói mau!” và vì do dự nên lại bị mắng “Người là cái thứ đại tiện”, thử nghĩ không đáng thương hại sao?” Kỳ thực nếu trường hợp chúng ta bị ép hỏi như thế, có lẽ cũng bị rơi vào tâm trạng y hệt đó là cảm thấy do dự lúng túng. Kết quả cũng bị Lâm Tế Thiền sư quở trách:

“Tên này chỉ là một đồng phân chó thôi!...rõ ràng là ở đó...Xem kia! Không phải chính là nó đang ra vào ở đó sao?”

Cho dù mắt chúng ta có mở trừng trừng thì vẫn như là đui mù không thấy. Nhưng, ở tình trạng này vẫn còn có một cơ hội sống. Cái mà tôi có thể nói là, chỉ có cái này thôi.

- *Chú (1): Cây bẻ làm bằng tre để gạt phân. Đời xưa những nhà nghèo không có giấy để chùi phân, cho nên dùng cây này thay thế.*

- *Chú (2): Ngang hàng với Olympic, là hai thánh địa lớn của thời cổ Hy Lạp. Lấy mặt trời, thần A Bà La làm trung tâm tế bái.*
-

KHẼNG GIỮ GIÁO ĐIỀU BIẾN THÀNH “CANG PHỤC TỰ DỤNG”

HY HUYỀN ĐẠO NGUYỄN

“Chánh Pháp Nhân Tạng Tuỳ Văn Ký” là sách thuật những gì từ chính miệng của Đạo Nguyên thìn sư Nhật Bản (1200 – 1253), do Hoài Trang (1) đệ tử thân cận nhất của ngài dùng bút lục kết thành. Còn thủ bút của Đạo Nguyên Thiền sư, là quyển “Chánh Pháp Nhân Tạng” (95 tập). Nhưng sách này rất khó hiểu, nếu không phải là người có một trình độ học Phật tương đương thì đọc nó mà muốn thấu triệt còn khó hơn cả việc lên tận thiên đàng. Một số người vừa chỉ xem qua đã than như bộng.

Quyển “Chánh Pháp Nhân Tạng Tuỳ Văn Ký” thì lại khác. Không những phân lượng vừa phải (tổng cộng 6 quyển) mà văn chương cũng gần gũi dễ hiểu, có lợi trong lúc đọc, hơn nữa nó thường được so sánh với “Thán dị sao”. “Thán dị sao” là ngữ lục của Thân Loan Thượng Nhơn, là thủy tổ khai sơn của Tịnh Độ Chân Tôn Nhật Bản, do đệ tử là Duy Viên một mặt hỏi tướng một mặt bút ghi mà thành. Và hệt thế, “Giáo hành tín chứng”, trước tác bằng chính thân bút của Thân Loan thượng nhân (2) cũng là loại sách không dễ lý giải. Vì thế chỉ cần nhắc đến Thân Loan thượng nhân là tức khắc mọi người đều liên tưởng đến quyển “Thán dị sao”. Tình trạng của Đạo Nguyên thiền sư cũng thế. “Chánh Pháp Nhân Tạng Tuỳ Văn Ký” (dưới đây lược gọi là “Tuỳ Văn Ký”) nếu so với “Chánh Pháp Nhân Tạng” của nguyên trước bản nhân thì được lưu hành và phổ biến rộng rãi hơn nhiều.

Nhưng, có người cho là “Tuỳ Văn Ký” cũng thế, “Thán dị ký” cũng vậy, đều chỉ là tác phẩm từ tay đệ tử, nên giá trị đã chẳng là bao.

Quả thật như thế sao?...

Tôi không cho là thế, lấy Tô Cách La Đê, một triết gia cổ Hy Lạp làm ví dụ: Bản thân ông ta đã không lưu lại bất cứ trước tác nào,

người sau chỉ xuyên qua Bá La Đề, một học trò của ông, mới hiểu được tư tưởng của Tô Cách La Đề. Tình hình của Cơ Đốc Giáo cũng thế.

Bổ bộ sách phúc âm trong “Tâm Ước Thánh Kinh” đều do bốn vị môn đồ truyền lại lời nói của Gia Tô Cơ Đốc. Bản thân của Gia Tô Cơ Đốc thì gọi là như Tô Cách La Đề, đã không lưu truyền bất cứ trước tác nào cả..

Nhưng, bàn về số người trên đây, chúng ta không nên thờ ơ bỏ sót vị giáo tổ Thích Tôn của Phật Giáo. Thứ nhất bởi lẽ chúng ta chưa từng tận tai nghe những giáo thị của Thích Tôn, thứ hai, đối với những lời thuật lại của đệ tử đều cũng là sau khi ngài đã diệt độ mới kết tập thành kinh điển. Chính vì thế, mỗi khi mở đầu kinh điển, đều phải ghi câu “Như thị ngã văn” (Tôi đích thân nghe Phật nói như thế) để làm chứng tính cho Kinh Phật. Nói cách khác, Phật giáo có thể nói là đệ tử của Phật đã dựa vào thiện căn và trí tuệ để lãnh ngộ giáo thị của đức Phật bởi chính họ. Thế thì vì lý do là ký lục của những đệ tử mà phê phán rằng giá trị của nó không cao, nếu thế, thì “Phật Giáo” cũng không thể thành lập được sao?

Còn nữa, tình huống của Đạo Nguyên thiền sư, Thích Tôn và Gia Tô hoàn toàn không giống nhau. Dù sao chúng ta vẫn có thể đọc được quyển “Chánh Pháp Nhãn Tạng” do thiền sư tự tay viết ra, khác với trường hợp của đức Thích Tôn và Gia Tô vì hai ngài đã chẳng lưu lại một trước tác thân bút nào để người sau có cơ hội so sánh.

Cá nhân tôi thì không cho rằng giá trị của “Tuỳ Văn Ký” hoặc “Thán Dị Sao” là thấp. Nhưng cũng không tán đồng rằng đó là bản thứ hai hoặc tác phẩm được sao chép lại. Theo tôi, “Chánh Pháp Nhãn Tạng” và “Tuỳ Văn Ký” là hai quyển mang tính chất hoàn toàn khác nhau không thể so sánh một cách đơn giản được. Ví như nói, Đạo Nguyên thiền sư lấy lập trường xuất gia chủ trương muốn tu trì Phật Pháp, thì nên liả bỏ tất cả những gì của thế tục, cắt tóc xuất gia, tâm trí chỉ chuyên chú trong việc công phu tọa thiền như thế mới xứng đáng là một hành giả Phật giáo chân chính. Có thể nói Đạo Nguyên thiền sư chủ trương chủ nghĩa xuất gia hoàn toàn và quyển “Chánh Pháp Nhãn Tạng” đã căn cứ vào tư tưởng này mà viết thành. Do vậy nếu muốn bảo rằng cả quyển sách đó đã tràn đầy “Chủ nghĩa xuất gia” cũng không có gì quá đáng. Nhưng, ý của tôi chẳng phải bảo rằng quyển sách này vô dụng đối với người tại gia. Dù sao đi nữa, “Chánh Pháp Nhãn Tạng” vẫn là một quyển sách vô cùng tinh

vi. Nay thử đọc chương cuối của quyển này là chương “Sanh tử”, đủ thấy văn chương tương đối bình dị dễ hiểu, nội dung của nó dù là người phàm phu cũng không ai không thể không biết.

“Thành Phật chi đạo hữu dị hành giả. Bất tác chư ác, bất luyện sanh tử, từ bi nhất thiết chúng sanh, kính thượng mẫn hạ, ư sự bất yếm bất cầu, ư tâm vô ưu vô lự, thị danh vi Phật”

(Con đường để thành tựu Phật quả tối thượng rất dễ thực hiện, đó là, chỉ cần chấm dứt các điều ác, không tham đắm vào các hiện tượng sanh tử vô thường, thi thiết tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, kính trọng bậc trưởng thượng, thương giúp kẻ hậu học, đối với những việc căn bản như thế mà tâm không suy tư bi não, chẳng nhằm chán nhưng cũng chẳng suy cầu, đó đích thực là đáng Giác ngộ)

Đoạn văn trên chẳng cần phải giải thuyết, chỉ cần xem qua là biết ngay ý muốn nói gì. Nhưng biết rõ là một việc là muốn thực thi hoàn toàn như vậy thì không phải là việc dễ dàng. Cho nên xin thưa, tu hành mà càng thấy đơn giản chừng nào thì càng cần phải có pháp môn công phu cao thâm hơn là chỉ lo ngồi xếp bằng. Mà muốn tu trì cái công phu “Chỉ ngồi xếp bằng”, nếu không xuất gia thì thật rất khó để thực hiện. Quyển “Chánh Pháp Nhãn Tạng” chỉ đạo cho sự chọn lựa sau khi xuất gia tu trì theo pháp môn tọa thiền, cho nên có thể nói đây là quyển sách được viết cho người xuất gia.

Còn quyển “Tùy Văn Ký”, chỉ đọc tựa đề cũng nghĩ ngay đó là sách ghi chép những ngữ lục để khai thị cho đệ tử của Đạo Nguyên thiền sư, vì thế, đương nhiên sách này cũng truyền đạt chủ nghĩa xuất gia của thiền sư. Chẳng qua sách này bao gồm một đặc sắc khác mà “Chánh Pháp Nhãn Tạng” không thể có, đó là những câu xuất hiện trong sách dưới đây:

Thuyết pháp chi dư, thuận tiện khai thị: “....”

Nhàm đàm chi thời, thuận tiện khai thị: “....”

Nhất nhựt tham thiền chi hậu, thuận tiện khai thị: “....”

(Ngoài việc thuyết pháp, thuận thị khai mở chỉ dạy: “....”

Lúc nhàn rỗi đàm luận, thuận tiện khai thị: “....”

Sau một ngày tham thiền, thuận tiện khai thị: “....”

Cách nói “thuận tiện” khai thị của Đạo Nguyên thiền sư này đã gợi lên thiền vị một cách đầy thích thú, nó siêu việt qua lập trường

đổi lập của xuất gia và tại gia, có thể nói đó là châm ngôn trị gia xử thế vô cùng thích hợp có thể sử dụng cho người thế tục thông thường.

Căn cứ vào điểm này, tôi hoan hỷ mạnh dạn giới thiệu quyển “Tùy Văn Ký” đến quý vị độc giả. Quý vị đọc qua từng bài một, có thể sẽ không ngừng phát hiện bao nhiêu trí huệ quý báu về thiền mà quý vị chưa từng biết đến:

Bài đầu của “Tùy Văn Ký” đã ghi một đoạn với nội dung mà Đạo Nguyên thiền sư đã lấy mẫu chuyện trong “Tục Cao Tăng truyện” (3) làm đề tài để khai thị cho các đệ tử:

Trong số môn hạ của một thiền sư, có một vị đệ tử xuất gia. Vị đệ tử này tâm tính rất siêng năng cần mẫn, hằng ngày chuyên cần dâng hương lễ bái Phật tượng bằng vàng và Xá Lợi Phật của ông. Xá Lợi Phật là di cốt của đức Thích Tôn. Phật tượng, Xá Lợi đều là vật của thánh giả, đối với sự vật của thánh giả mà cung kính lễ bái thì đó là việc tự nhiên, chẳng có chi phải ngạc nhiên cả.

Thế nhưng, sư phụ ông đã cảnh cáo ông rằng: “Phật tượng và Xá Lợi mà con đang tôn kính lễ bái đó, sau này sẽ là một chướng ngại rất lớn cho việc tu hành của con, vậy con hãy mau vứt đi!”

Người đệ tử nghe xong, cảm thấy vô cùng khó chịu: “Con tôn kính lễ bái Phật tượng và Xá Lợi thì có điều chi không đúng?” Không riêng vị đệ tử này, tất cả chúng ta ai cũng đều nghĩ như thế cả, thật không rõ sự cảnh cáo của sư phụ đã có dụng ý thế nào?

“Chúng là thiên Ma Ba Tuần ảo hoá ra đó. Sư phụ nói thêm. (Phật giáo gọi “Ba Tuần” tức là thủ lãnh ác ma).

Nghe đến đây, vị đệ tử này bực bội bỏ đi.

“Nếu không tin, con cứ về mở cái rương cất giữ Phật tượng và Xá Lợi ra xem!” Sư phụ lớn tiếng nói với theo người đệ tử đang bước.

Sau khi trở về, ông ta mở cái rương ra xem thì phát giác một con rắn độc đang nằm khoanh tròn trong đó.

Đây há không phải là mẫu chuyện tinh vi sao? Đối với câu chuyện này chúng ta có thể có nhiều giải thích khác nhau.

Ví như, khóa trưởng của một công ty đã ra lệnh cho thuộc hạ chấp hành công tác mà chính ra đó là nhiệm vụ thuộc bổn phận của ông. Lần đầu vì lý do ông có nỗi khổ bất đắc dĩ, chỉ còn cách nhờ thuộc hạ đi thay ông. Còn thuộc hạ ngay lúc được uỷ thác trọng nhiệm đã tự lấy làm mừng, vì đại diện khóa trưởng đi công tác tất nhiên sẽ được đối đãi như một thượng cấp. Cũng bởi thuộc hạ vui lòng nhận lời, nên sau lần ấy, khóa trưởng đã giao hết tất cả những nhiệm vụ công cán của mình cho thuộc hạ làm thế.

Bô thuộc cứ phải nhận lãnh mãi trách nhiệm như thế nên cảm thấy mỗi mệt. Thật vậy, đại diện khóa trưởng không phải là việc nhẹ nhàng.

“Làm khóa trưởng để làm gì?...Nếu việc nào cũng đẩy cho chúng ta làm thế, chi bằng chúng ta làm khóa trưởng, ông ta làm thuộc hạ thì tốt hơn!”

Giống như thế, tiếng oán trách có mặt khắp nơi.

Việc này khiến tôi nghĩ đến người đệ tử lễ bái Phật tượng và Xá Lợi.

Thông thường đối với công việc nào mà có quan niệm tiên nhập vi chủ, thì chúng ta tin tưởng sâu đậm và không nghi ngờ để kiểm thảo cải tiến. Thái độ xử thế như vậy, kỳ thật chứa đựng rất nhiều nguy hiểm. Bởi vì những sự vật chung quanh chúng ta, đôi khi gặp nhân duyên thay đổi, thay nó vẫn đẹp đẽ, rất có thể sẽ bị hoàn toàn đổi khác.

Xin kể về trường hợp mà tôi đã thể nghiệm trong buổi tiệc rượu. Có thể độc giả sẽ bảo khi bàn luận Phật pháp mà lấy sự uống rượu để dẫn dụ là không đúng đắn, nhất là trong tinh thần trì giới tinh nghiêm của Đạo Nguyên thiền sư. Nhưng, nếu nói ngược lại thì thiền há không phải chính là tinh thần vô chấp? Nếu chấp uống rượu là không tốt, thế là không hợp với tinh thần của thiền – nghe qua tựa hồ như có điều gì cưỡng từ đoạt lý, nhưng hãy hồ như có điều gì cưỡng từ đoạt lý, nhưng hãy để tôi trình bày sự thể nghiệm này trước!

Trong tiệc rượu –

“Đúng lúc rồi!” có người đề nghị như thế.

Từ nhà này uống tới nhà nọ, mấy trận luôn, đã đúng lúc nên dừng lại. Khi tôi định rời chỗ ngồi, có người mở miệng bảo rằng “Rượu thịt còn dư, chớ nên lãng phí, dùng sạch hẳn đi!”

Tham gia tiệc rượu này, đa số thuộc vào lớp tuổi trung niên. “Chớ có lãng phí” -- phần đông họ đều mang tâm trạng như thế. Vì trải qua cuộc đời bầm dập bởi chiến tranh, số người này đã không cách nào chịu được cái gọi là văn hóa lãng phí vô ý thức của đương thời. Hội rượu nhỏ cũng không thể có, kinh nghiệm khốn khổ ấy khiến họ khi thấy rượu thịt chưa dùng hết liền nảy sinh ác cảm đối với thời đại nên đã tự nhiên thốt ra như thế.

Thiền sinh ghét sự lãng phí, dù cho một hạt gạo cũng không thể phí phạm. Thiền tăng trong thiền đường khi dùng cơm xong, đổ nước sôi vào chén tráng những hạt cơm sót, sau đó uống cạn để không lưu lại bất cứ một hạt cơm nào. Đây cũng là khóa đề tu hành trọng yếu thường ngày của thiền tăng.

Xét ra, việc “Hãy ăn sạch thức ăn rồi mới ra về!” rất hợp với tinh thần không lãng phí, nhưng kỳ thực đã không phải vậy.

“Thế thì, xin ông thanh toán hết đi, tôi quá no, không ăn được nữa.” câu nói tuy có vẻ vô lễ, nhưng tôi nhất định thôi thác. Thế là 90% đối phương đã phản đối vì cho rằng tôi đã gây khó cho họ. Vì đề nghị thu thập tàn cuộc là mong đối phương làm chứ không phải tất cả cùng làm. Quả thật bài toán vừa gỡ hơi quá sớm.

Tôi cảm thấy vì sức khoẻ, thà bỏ thức ăn thừa còn tốt hơn là cố gắng để cố ăn. Đương nhiên tốt nhất là không tham dự ngay từ đầu, nếu bắt buộc dĩ phải nhập cuộc thì nên đủ can đảm thể tự kìm chế lấy mình, nghĩa là khi vừa mức thì ngưng.

Tu hành tọa thiền cũng cần có ý lực kiên định này. Ngay trong ba bữa ăn của thiền tăng, phải luôn chú ý ăn no tám phần thôi. Cố ép ăn nhiều uống lắm, thì tuyệt đối không cách nào hài hoà với thế giới thiền cả.

Tinh thần “không lãng phí”, quý tiếc vật phẩm cố nhiên quan trọng, đáng quý, nhưng khăng khăng ôm cứng và xem nó như kim khoa ngọc lục thì trái lại sẽ dẫn đến sự chán chê; vì tuy nói “không lãng phí” nhưng miễn cưỡng ăn vào thì sẽ tổn hại sức khoẻ. Tóm lại,

nên trong phạm vi vừa phải, quá trớn thì biến thành “rắn độc”. Chỉ bằng để thức ăn dư thừa vẫn tốt hơn. Đó là sự thể nghiệm của tôi.

Giống thế, có thể mang đạo lý của Đạo Nguyên thiền sư để ứng dụng trong sinh hoạt thường ngày qua sự thu nhập trong “Tùy Văn Ký”. Có hai bài pháp ngữ dưới đây được rút ra từ quyển “Tùy Văn Ký”

Những người như chúng ta, sống trong cõi hồng trần thế tục, nhất là đối với số người đi làm thì không sao tránh khỏi những việc va chạm và tranh cãi, không luận là thắng hay thua cũng đều không phải là việc vui vẻ. Lúc bấy giờ nếu nghĩ đến nội dung bài pháp ngữ này, tuy là đạo lý giáo thị cho những đệ tử xuất gia của Đạo Nguyên thiền sư, nhưng nó vẫn mang lại trợ ích lớn lao cho quý vị.

Một hôm, sau khi thuyết pháp, tiếp đến ngài đã khai thị: “giả thiết một sự việc ta có lý mà đối phương thì vô lý, tốt nhất không nên lấy lý chế người để đánh đổ đối phương. Nhưng tự biết có lý mà lại cố ý nhận lỗi thì cũng sẽ dễ làm hỏng việc. Tốt nhất đã không tranh thắng trên mặt ngôn từ thì cũng đừng cố ý cầu toàn mà nhận sai, hãy để sự việc tự nhiên lặn tắt. Bằng một thời gian, khi đôi bên đều đã quên đi lời nói của đối phương thì oán hận sẽ không còn xảy ra nữa. Đây là đệ nhất tâm pháp để giải quyết sự phân tranh”.

Ngày khác, sau khi tham thiền, kể đến ngài đã khai thị rằng: “Người học Phật cần nhất là không nên cố chấp ý kiến của mình, cho dù có thể hội được đi nữa cũng chưa chắc đã tuyệt đối tốt. Khi nghĩ rằng vẫn còn có cái tốt hơn cái này mà đi quảng bác tham học, hoặc tham cứu lời dạy của cổ nhân, nhưng sau đó cũng không chấp và tin vào lời cổ nhân, và, cho dù có đồng cảm đi nữa thì cũng cứ vẫn tồn nghi để tiếp tục thám cầu những kiến giải tốt hơn mới đúng”.

Trong “Tùy Văn Ký” đã có rất nhiều pháp ngữ loại vô cùng thực dụng để suy ngẫm một cách thâm trầm, xin độc giả đích thân tìm đọc như thế sẽ thích thú hơn.

- *Chú (1): Cô Vân Hoài Trang (1198 – 1280) Tăng (tịch) quán Tào Động Tôn, theo hầu học Đạo Nguyên và trợ lực hưng kiến Vĩnh Bình tự, sau thành đệ nhị trụ trì.*
- *Chú (2): Thân Loan (1173 – 1262) là danh tăng thời Liêm Thương Nhựt Bản, và thủy tổ của Chân Tôn. Suốt đời tôn phụng pháp môn tha*

lực tín ngưỡng của Phật. Có sự khác biệt là, tha lực tín ngưỡng của Pháp Nhiên thượng nhân chủ trương “Niệm Phật vi bốn”, còn Thân Loan chỉ chủ trương “Tín tâm vi bốn”.

- *Chú (3): Đường, Đạo Tuyên trước, Thu lục truyền ký từ Ngũ Đại Lương đến giữa thời Đường triều gồm 340 vị cao tăng*

---o0o---

DUỠNG THÀNH
(TRƯỜNG DUỠNG, TÁC THÀNH)
“PHI THƯỜNG THỨC”
CỦA SIÊU VIỆT THƯỜNG THỨC

NHẤT HƯ TÔN THUẬN

Tuyền Châu ở vào thế kỷ 15, là trung tâm mậu dịch đương thời của Nhật Bản và Minh triều. Trong phố chợ tụ tập không biết bao nhiêu thương gia buôn bán, phàm phu tẩu tuất, và nhân sĩ đủ hạng đủ ngành, có thể nói đó là Quan Cái Vân tập, náo nhiệt phi phàm

Một hôm trên đường, mặt trời vừa xế bóng.

Nhất Hư hòa thượng lưng mang kiếm gỗ thượng đeo kiếm gỗ? Một kết hợp quá kỳ lạ nên khiến mọi người đi đường cảm thấy tức cười, nhưng, Nhất Hư Hòa thượng thì xem như không, ngài vẫn thản nhiên tiếp tục dần bước. Đến khi những người theo coi lần lượt vây quanh, cuối cùng Nhất Hư Hòa thượng lên tiếng:

“Các vị! Các vị biết không, hòa thượng hiện nay đều đeo kiếm gỗ. Kiếm gỗ lúc nằm trong vỏ thoát trông có vẻ giống như kiếm thật, nhưng một khi rút ra mới biết kiếm đó được làm bằng gỗ, căn bản không thể làm ai bị thương!.

“Vây à?...” Mọi người nhạo xong cười rộ rồi im lặng. Bấy giờ Nhất Hư Hòa thượng nói tiếp:

“Nhưng!...cũng không cách nào làm cho người sống trở lại”.
Lúc ấy Nhất Hư Hòa thượng đang tuổi 42, đã qua tuổi trung niên.

Ngài đã từng là một tiêu tăng nổi tiếng là bậc có trí.

Ngài cũng đã từng, từ nhị tỳ nơi gò chôn người chết, nhật đầu lâu buộc trên cán trúc, trong một buổi sáng nhằm ngày Nguyên Đán đi qua từng nhà và la lớn: “Mọi người hãy đến xem!” lúc bấy giờ Nhất Hưu Hòa thượng dụng tâm khổ sở để dạy dỗ thế nhân lưu ý về chân lý thế gian vô thường.

Đã từng là thị giả, hầu hạ thầy mình là Hoa Tẩu, khi cùng thầy đến Đại Đức tự để tham gia Phật sự của tiên sư, Nhất Hưu mình khoác áo vải, chân mang giày rơm đứng giữa chúng tăng mặc đầy những cà sa hoa lệ nên biến thành một đôi tượng khiến đám đông tập trung ánh mắt nhìn ngài, thậm chí thầy của ngài cũng phải nheo mày. Lúc bấy giờ Nhất Hưu Hòa thượng ngang nhiên tuyên bố: “Tôi là con người thật hoàn toàn, tôi không cần thiết phải nhờ đến quần áo để trang sức”. Lúc ấy Hoa Tẩu vì sự hấp dẫn bởi đóm thức của đệ tử nên đã bảo rằng: “Sau này, kẻ có thể kế thừa thiền phong của ta, chỉ có Nhất Hưu Tôn Thuần”.

Nhưng, đến thời viễn niên, khi ở tuổi 77 Nhất Hưu đã đan díu với phụ nữ, vị nữ tánh này đã là đối tượng yêu thương của ông, và ông bắt đầu trong đời sống ái dục. Trong thi tập “Cuồng Vân tập” của Nhất Hưu đã miêu tả trảng trợn những sinh hoạt ái dục không ăn khớp mấy với hình tượng của một thiền tăng

Đây chính là thiền tăng nằm “ở giữa hư thực” --cuộc đời của Nhất Hưu hòa thượng.

Sở dĩ nói “Ở giữa hư thực” bởi lẽ trong làng xóm vẫn còn lưu truyền “Nhất Hưu truyền kỳ” mà nhiều phần mãi đến thời đại Giang Hộ (thế kỷ 15) mới thành lập, còn tư liệu truyề kỳ thì có rất nhiều truyện do người sau này thêm thắt. Dầu sao, lời nói và hành động của Nhất Hưu hòa thượng đích thực đã có nhiều điểm khác thường. Vì thế ông bị người đời gọi là “Điên cuồng thiền sư” hoặc “Phi thường thức thiền sư”, điều đó không phải là không có lý.

Vào cuối niên đại nhà Đường có vị Vân Môn Văn Yêm thiền sư. Chuyện kể rằng, khi ngài bị hỏi “Cái gì là Phật?”, ngài thoáng nghĩ ngợi và liền trả lời: “Bảng quét phân!” Trước đây chúng ta cũng đã từng đề cập đến “Bảng quét phân” là vật rất ô ứ. Dụng ý của Vân Môn thiền sư là nhắm vào cái thường thức của “Phật là chí cao vô thượng”. Nếu Phật là cái gì cao vời thì trên cõi trần này có sự cách xa

không thể vói được, thế thì người phạm tục chúng ta làm sao có thể nhận được sự phò hộ của từ quang Phật Đà? Còn những người tu hành làm sao có thể từ sự tu hành mà thành Phật? Có thể nói quan niệm xem Phật cao cao tại thượng, xa không vói được, đó là một chướng ngại rất lớn cho việc tu hành.

Có một vị cao tăng khác ở vào đời Đường là ngài Thạch Đầu Hy Thiên thiền sư, một lần nọ, cùng với sư huynh đồng môn lên núi làm việc, làm việc cần phải mang theo dao liềm nhưng sư huynh lại quên mất. Do vậy ông bảo với Thạch Đầu: “Này! Đưa đầu cán cho ta!” Thạch Đầu thiền sư tức khắc trả lời: “Lấy cán không thể sử dụng!”

Thông thường khi cầm dao đưa cho người khác, cán dao phải hướng ra ngoài và lưỡi hướng vào trong, đó là sự lễ phép thường thức thông dụng mà chúng ta đã được dạy dỗ từ bé. Nhưng, vị sư huynh này chỉ nhớ thường thức thông thường, còn dao liềm trọng yếu thật sự lại quên mang theo, điều đó phải chăng là gốc ngọn đã bị đảo ngược? Lúc này cần phải phát huy tác dụng chân chính đó là lưỡi dao chứ nào phải cán dao! Dụng ý của Thạch Đầu thiền sư chính là ở đó.

Thiền ở trong thiền tự -- Đây là quan niệm thông thường. Nếu tin tưởng và gìn giữ quan niệm này, nhất là ở vào xã hội công thương nghiệp phồn thịnh bận rộn hiện tại, e rằng chúng ta không cách nào có thể học thiền được. “Đợi lúc sau khi sự việc xong xuôi thì đến thiền tự!” Nhưng, cái thời khắc hứa hẹn này e rằng vĩnh viễn chờ hoài mà không bao giờ đến. Hay thử bỏ quan niệm này đi! “Thiền đâu chỉ có riêng nơi chốn cửa thiền”, nếu có thể kiến lập được điều phi thường thức này, thì đây chính là thời khắc mà bạn có thể bắt đầu học thiền.

Nhất Hưu hòa thượng đã ở trong am Nhu Ý Đại Đức Tự (1), chưa được mười hôm thì bỏ đi, lúc sắp rời khỏi nơi đây, ông đã lưu lại bài thơ như sau:

Trú am thập nhật ý man man,
Cước hạ hồng tơ tuyến thậm trường
Thu nhật quân lai như vấn ngã
Nhu hành tử tứ hựu thâm phường

Chữ “Quân” trong thơ là nói người đối đầu bình sanh của Nhất Hưu hòa thượng là sư huynh của ông -- Dưỡng Tẩu hòa thượng. Ý của Nhất Hưu bảo: “Dưỡng Tẩu thật thà cố gắng ơi! Sao ông cứ

mãi cho rằng tại chùa mới có thể tu thiền, riêng tôi chỉ ở có mười hôm đã cảm thấy chán phiền, đại khái thiền của tôi là Thiền ở trong dâm phòng tửu quán!...” Thuyết pháp như thế là một loại quan niệm siêu việt thế tục.

Trong quan niệm của người thông thường, một năm chia ra làm 365 ngày, để gán cho ý nghĩa khác nhau của mỗi ngày, như: “Hôm nay là ngày 15 tháng 8”, “Hôm nay là sinh nhật của tôi” v.v...., có thể nói, “Hôm nay” thành một cái ngày đặc định. Sau khi mỗi ngày được đặt lên cái nhật kỳ, chúng ta thường thường vì câu nệ nhật kỳ mà bỏ lỡ biết bao thời cơ hy hữu. Vì để phá quan niệm này cho nên Vân Môn thiền sư bảo rằng:

“Ngày ngày đều là ngày tốt”

Chỉ cần trong tâm có Phật thì mỗi một ngày, mỗi một giờ đều là thời cơ tốt”.

Phàm người ta cho là mồng 1 tháng giêng là ngày bắt đầu của một năm, cho nên cần phải ăn mừng –đây cũng là quan niệm cố hữu. Nhưng Nhất Hư hòa thượng đối với quan niệm này thì cười khinh.

“Người kinh thành ơi! Hãy xem chiếc đầu lâu này...Nhìn đi! Ở đây có hai lỗ hủng, trước đó ở đây có hai tròng con mắt! Nhưng, hãy ngắm cái bộ dạng hiện nay kia! Đáng vui không? Đáng chúc mừng không?”

“Sự tu hành trong Phật giáo cốt ở thực tiễn trugn đạo, nếu cứ nhân mạnh thiền là phi thường thức của siêu vật thường thức, điều có phải là quá thiên chấp?” Người có nghi vấn này chắc chắn đang bị lẫn lộn giữa ý nghĩa “Trung Đạo” và “Trung gian”

Trung đạo không phải là trung gian. Ngày xưa Thạch Sư hòa thượng ở triều nhà Đường tuy đã từng bảo “Trăm thước đầu cán làm sao tiến thêm một bước”, nhưng tôi vẫn cho rằng chỗ trăm thước ở đầu cán mà muốn tiến thêm một bước đó là “Trung đạo”, Nếu theo “Trung gian” mà nói, tức là ½ của 100 thước --chỗ 50 thước. Nếu chúng ta ở ngay chỗ 50 thước, giữa điểm bất tri bất giác thì vị trí này đã là trung điểm. Thông thường một số phần tử trí thức tự cho là hành sự của mình không thiên, vô ngã: trái lại thì đúng hơn! Vì như thế đã thành một người cố chấp không linh hoạt,. Có thể nói “trung gian” tức là thường thức và “trung đạo” tức phi thường thức, vì thế,

phi thường thức mà thiền đã đề cập kỳ thực chính là tư tưởng trung đạo của Phật giáo.

Trong “luận ngữ” Khổng Tử từng bảo “Hương nguyện, đức chi tặc dã” (“Luận ngữ. Tử Lộ”), cái gọi là “Hương Nguyện”, là nói trong một thôn, loại nguy quân tử cố ý làm ra vẻ như kẻ trung hậu có đạo đức để người ta vui thích. Nếu nói theo thời hiện đại thì một số phần tử trí thức miệng luôn như nghĩa đạo đức nhưng lòng lại giảo hoạt. Khổng Tử ghét nhất là người thuộc loại hình này. Còn nói: “Bất đắc trung hình nhi dữ chi, tất dã cuồng quyên phu? Cuồng dã tấn thủ, quyên giả hữu sở bất vi dã” (“Luận ngữ. Tử Lộ”). Khổng Tử cho rằng trung đạo là điều khó cầu, cho nên thoái lui mà cầu điều sau, tức là lấy cuồng giả và quyên giả. Cuồng giả, ý nói con người ý khí phong phát, chí ở tiền thủ; Quyên giả, ý nói phẩm tánh cao khiết, con người hữu sở bất vi. Khổng tử cho rằng hai loại người này đều là loại người tiếp cận với Trung đạo, còn những phần tử trí thức xảo trá chính mình là người lìa xa Trung đạo nhất. Có thể nói “Trung đạo” của Khổng Tử cũng là một loại phi thường thức.

Pháp hiệu của “Nhất Hưu” do thầy của ngài là Hoa Tẩu đặt. Nhất Hưu hòa thượng khi tiếp nhận tên này đã từng làm một bài ca như sau:

“Tùng hữu lậu địa hồi quy vô lậu địa, tạm thả nhất hưu

Vũ yếu hạ, phong yếu quát, nhất thiết do tha”

Hữu lậu địa là chỉ cho thế giới phiền não, vô lậu địa là nói về thế giới khai ngộ. Bài ca này ý nói: “Từ con đường thế giới sa bà thông đến thế giới cực lạc, nghỉ ngơi một lát”. Nhưng “nghỉ ngơi một lát” của Nhất Hưu chẳng phải để rồi đình trệ ở đó và không tiến tới, sau khi nghỉ ngơi, ngài là con người không chịu thua cuộc cho dù trong gió lớn mưa to, vẫn ngẩng đầu thẳng ngực bước tới, cho nên sau bài ca này còn có những câu kế tiếp:

“Mưa ơi! Rơi đi, rơi đi! Gió ơi! Thôi đi, thôi đi!

Cuồng khách điên cuồng dẫm lên cuồng phong, lai vãng cả trong dâm phùng men rượu”.

Những nơi Nhất Hưu đến, nếu không từ lâu thì thanh lâu. Đợi đến sau khi no say mới trở về chùa, nhưng về chùa chẳng qua mười

hôm rồi lại bắt đầu tìm rượu làm vui. Đối với sự không đầu hàng chuyện phạm tục của Nhất Hưu, thì âu cũng là thiền pháp đặc biệt độc đáo của ngài?

Nhưng, khi Nhất Hưu lâm chung đã từng lưu lại một số giới cấm cho đệ tử, đó là:

“Sau khi bàn tăng quá vắng, trong số môn đồ đệ tử nếu có người nào ở chốn sơn lâm dưới cây hoặc ra vào tiệm rượu dâm phường mà mở miệng đàm thiền thuyết đạo, thì những kẻ như thế chính là đạo tặc của Phật pháp, là oán địch của chúng ta”.

Chính Nhất Hưu đã ra vào tiệm rượu dâm phường nhưng lại cấm môn nhân ra vào chốn ấy. Nhưng ở đây đã không có bất cứ điểm mâu thuẫn nào. Nhất Hưu hòa thượng đi vào tiệm rượu dâm phường nhưng kỳ thực chính là chỗ “Một trăm kẻ một thước”. Hơn nữa ngài biết sau này trong môn nhân sẽ không có người đạt đến trình độ như mình, nếu muốn học theo đường đi nước bước giống nhau thì khác nào về cọp không thành cọp mà trái lại trở thành giống chó. Thiền chân chính phải là độc nhất vô nhị.

Nhất Hưu hòa thượng rất kính ngưỡng Hư Đường Trí Ngu thiền sư dưới thời đại Nam Tống Trung Quốc, ngài thường tự xưng là pháp tôn (cháu đạo) đời thứ 7 của Hư Đường thiền sư. Vì thế khi ngài lâm chung đã để lại di kệ như sau:

“Tu Di (2) chi nam bạn, hữu thủy tri ngô thiền
Túng lệnh hư Đường lai, bất trực bán văn tiền”

“Tại Tu Di sơn trong thế giới rộng lớn này, có ai có thể lãnh hội thiền của ta? Dù cho Hư Đường tái thế, cũng vô phương vì không đáng nữa xu” Nhất Hưu đã đại ngôn lộng ngữ đến thế. Đối với Hư Đường thiền sư người mà ngài vẫn hết sức kính ngộ ấy thế nhưng ngài vẫn có ý muốn vượt qua.

Tóm lại, thiền của Nhất Hưu hòa thượng có thể nói là một loại Thiền phi thường thức nhưng có thể lý giải. Chúng ta tuyệt đối không thể sử dụng thông tục thường tình để phê phán ngài.

- *Chú (1): Lâm Tế Tôn đại đức tự thuộc phái Đại Bản Sơn. Tọa lạc ở Tử dã bắc khu kinh đô thị. Tây nguyên năm 1324 do Đại Đăng quốc*

sur sáng lập kiến tạo. Trong chùa ngoại trừ Chân Châu Am mà Nhất Hưu hòa thượng từng ở, còn có Huỳnh Mai Viện, Đại Tiên Viện v.v. là cổ tích trứ danh sở tại.

- *Chú (2) là núi cao do sức tưởng tượng trong vũ trụ quan của người Ấn Độ đời xưa.*

---o0o---

BÁT SANH CỦA PHẬT TÂM

BÀNG KHUỆ VĨNH TRÁC

Nói đến Bàn Khuệ thiền sư, thì không thể không đề cập đến “Bát Sanh thiền” của ngài, đây là một loại thiền pháp khác với mọi người, nó làm cho người cảm thấy khoáng đạt vô hạn, khoáng tịnh đậm bạc, nhưng lại giàu về Đại Chúng tính, trong tâm thường đã xen lẫn mùi vị đặc thù. Không giống thiền gia hiện đại, chỉ một mực dạy người ngồi thiền, chỉ ngồi thiền! Như tuồng nếu không trải qua hình thức ngồi thiền thì không thể nào liễu giải thiền được – như thế là bị câu nệ không thông, chẳng những thế còn làm cho người đi làm hằng ngày nhưng có nhân duyên với thiền càng ngày càng xa cách.

Bàn Khuệ thiền sư đề xướng “Bát Sanh thiền”, người ta có thể tự hiểu rằng đây là loại thiền mà chúng ta có thể thực hành được, và qua nó, chúng ta có thể có đủ thuận duyên để tiến vào thế giới của thiền.

Bàn Khuệ Vĩnh Trác (1622 – 1693), là một cao tăng của Lâm Tế Tôn ở thời đại Giang Hộ. Ông chủ trương phế trừ công án, trực tiếp thâm nhập Phật tánh bất sanh bất diệt, đây tức là “Bát Sanh thiền” (Bàn Khuệ thiền sư đã không tự xưng như vậy, mà do người hậu thế tặng cho danh xưng ấy). Lúc bấy giờ có rất nhiều vua chúa vì kính mộ đại danh của ngài mà theo quy y tam bảo. Tương truyền rằng, đệ tử theo ngài học pháp nhiều đến con số 5 vạn.

Nội dung dưới đây là tiết lược từ “Bàn Khuệ thiền sư pháp ngữ tập” để thuyết minh “Bát Sanh thiền” của ngài, tạm dịch như sau

Nay ta muốn nói với các vị rằng, có một món đồ vật mà chúng ta vừa sanh ra là đã có sẵn, vật ấy không gì khác hơn đó chính là một trái tim của Phật. Quả tim Phật này vốn vô sanh, hơn nữa nó linh minh đồng triệt. Bởi vì không sanh cho nên vạn sự được điều hòa đầy đủ. Bất sanh cho nên điều hòa đầy đủ điều đó chứng minh rằng: Nay các vị hướng về ta, khi chuyên tâm ngưng thần để nghe ta diễn giảng,

tai các vị tuy cũng đồng thời nghe chim kêu ở phía sau, nhưng không có động niệm để phân biệt tiếng kêu đó là tiếng quạ hay chim sẻ kêu, đây tức là lấy Phật tâm bất sanh để nghe. Giống như vậy, vạn sự vạn vật vì bất sanh mà sẵn gồm đầy đủ tính điều hòa. Đây là chứng minh của sự bất sanh. Nếu khi đó có thể lấy Phật tâm bất sanh mà linh minh tự xử, mà quyết định không nghi, thì người ấy tức là Phật sống, là một đấng Như Lai. Bởi vì có thể lấy Phật tâm để tự xử nên tôn môn của chúng ta được gọi là Phật tâm tôn.

Các vị tại tọa, các vị ngồi hướng mặt về đây, đừng nên phân biệt những tiếng kêu phía sau là quạ hay chim sẻ, tiếng chuông hay tiếng trống, tiếng đàn ông hay tiếng đàn bà và tiếng người lớn hay tiếng trẻ nít v.v., các vị chỉ nghe mọi thứ tiếng, rõ ràng nhưng không phân biệt, đây tức là đức dụng tâm linh minh. Cái gọi là Phật tâm, là bất sanh linh minh vậy, đây tức là chứng minh của tánh linh minh.

Mọi người chúng ta sanh ra đều sẵn có “Phật tâm”. “Phật tâm” này trong danh tướng Phật học truyền thống gọi là “Phật tánh”, cũng tức là tánh có khả năng thành Phật, thể tánh thuần tịnh rỗng lặng, an lạc tuyệt đích. Dù là phàm phu như chúng ta, một khi sanh ra là đã sẵn có đủ Phật tánh, cho nên phàm phu cũng có thể thành Phật. Nếu nói ngược trở lại, nếu không có Phật tánh, thì phàm phu không thể nào thành Phật... đây là giáo nghĩa Phật giáo truyền thống.

Bàng Khuê thiền sư gọi “Phật tánh” là “Phật tâm của bất sanh” hoặc “Bất sanh”. Nếu nói rõ hơn, tức là ý nói “Phật tâm bất sanh bất diệt”, cũng có thể nói là “Phật tâm siêu việt sanh diệt”. Nhưng sở dĩ Bàng Khuê thiền sư không nói “Bất sanh bất diệt”, mà chỉ nói “Bất sanh”, bởi lẽ ngài lấy lý do như sau để thuyết minh:

Nhưng, ta sở dĩ nói “Bất sanh” mà không nói “Bất diệt” là bởi vật đã bất sanh thì làm gì có sự bất diệt? Đã nói bất sanh, cũng tức là nói rõ cái lý bất diệt, cho nên nói thêm bất diệt là vô ích. Từ xưa đến nay trong kinh luận đa phần gọi bất sanh bất diệt. Nhưng lại không chứng minh được đạo lý của nó, vì thế mọi người chỉ nhớ bất sanh bất diệt, mà không hiểu rõ một cách chắc chắn về lý lẽ bất sanh.

Mỗi con người chúng ta vì vốn có sẵn “Phật tâm bất sanh”, cho nên chúng ta có thể nghe được tiếng quạ kêu và tiếng chim sẻ kêu,

“Nhu Thật tri kiến” như thế thì đối với những hình thái hiện hữu của vạn vật có thể tri kiến như thật, rõ ràng rành rành mà không phân biệt, Phật giáo gọi đó là giác ngộ. Nếu chúng ta có thể lấy “Phật tâm bất sanh” này để hiểu biết vạn vật trên thế gian, thế thì đâu còn có gì để phiền não và lo lắng?

Chỉ cần mọi người có thể cứu cực Phật tâm linh minh và bất sanh này mà quyết định không nghi ngờ Phật tâm bất sanh của chính mình, thì có thể nói là từ hôm nay đến nhiều đời ở vị lai đích thị là Như Lai Phật sống. Nếu “Phật” chỉ là một danh tướng, như thế nếu người giác ngộ được lý bất sanh thì đó chính là ở nơi căn bản của chư Phật. Phật tâm bất sanh là nguồn gốc của tất cả, cái mở đầu cho tất cả. Không có bất sanh, thì không có nguồn gốc của tất cả, vạn vật cũng không có cái gọi là mở đầu, cho nên nói Phật sanh bất sanh là căn bản của chư Phật.

Có thể nói, nếu có thể hiểu rõ chân nghĩa “Bất sanh” của Bàn Khuê thiên sư thì có thể thành Phật, thậm chí với sự hiểu biết tức là Phật rồi.

Các vị tại tọa hôm nay, không người nào là phạm phu tục tử. Bởi vì các vị tại tọa đều có một Phật tâm bất sanh. Nếu có ai tự cho mình là phạm phu thì xin mời ra ngoài! Để chúng tôi xem thử rốt cuộc là thế nào phạm phu, nhưng xin thưa đây quả thực là một việc tương đối ân hận...

Được rồi! Các vị tại tọa tuy không ai là phạm phu tục tử cả, nhưng nếu nay bạn từ chỗ ngồi đứng lên đi tới cửa, khi sắp bước qua ngạch cửa có người bước đến không những cản trở đường đi của bạn mà còn cố ý đụng ngã bạn nữa, bởi vậy mà bạn giận dữ, lúc bấy giờ lấy “Tâm của Tu La (1)” thay thế Phật tâm, như thế tức khắc từ Phật biến thành phạm phu.

Tất cả điên đảo mê vọng đều là như thế, vì tham lấy những việc lợi ích cho mình mà đấu tranh với người khác, lúc ấy Tu La tâm thay thế Phật tâm mà mê mất tự ngã, bất cứ lợi ích dù lớn đến đâu cũng đều vô bổ. Nếu có thể không tham, không mê luyến tự thân hoặc sự vật có lợi ích cho mình mà chỉ dựa theo Phật tâm tự xứ, bất kể ngoại tại sự vật thế nào, đều không thể mê mất tự ngã. Đây tức là cái gọi là lý do lấy Phật tâm bất sanh tự xứ. Vì thế nếu có thể quyết định liễu ngộ Phật tâm bất sanh, trong sự liễu ngộ ấy thật xứng đáng gọi là Phật sống Như Lai.

Tiếp đến chúng ta hãy xem vấn đáp giữa Bàng Khuê thiền sư và một vị tăng nhân. Nội dung vấn đáp tuy bị chê là hơi dài dòng, nhưng vì muốn độc giả có thể hiểu một cách đầy đủ rõ ràng phương pháp thực tiễn của điều gọi là “Bất Sanh thiền”, thế nên bút giả cố gắng không sử dụng và cắt giảm để nó hiện ra một cách hoàn chỉnh – (Dịch văn):

Tăng nhân hỏi rằng: “Tôi sanh ra tánh vô nóng nảy, gia sư nghĩ đủ cách cũng vô phương cải chánh cá tánh tôi. Tuy là tôi tự biết đó là một bệnh tương đối không tốt và cũng biết rằng không sửa không được, nhưng vì sanh tánh như thế nên bất cứ thế nào cũng vẫn không sao sửa nổi, hy vọng lần này có thể được sự chỉ thị của thiền sư mà cải tiến nó. Nếu thật có thể sửa được cái tật xấu này, tôi sẽ cả đời ghi tạc trong lòng, cảm kích vô tận”.

Thiền sư đáp rằng: “Đây là vấn đề lý thú. Không biết cái bệnh nóng nảy lúc này phải chăng ở trên mình ông, nếu có, xin mang ra đây để ta sử dụng!”

Tăng thưa: “Hiện tại không có, không biết lúc nào nó sẽ đột nhiên phát tác”.

Thiền sư bảo: “Đủ thấy cái bệnh nóng nảy không phải do trời sanh ra! Bất cứ lúc nào và nơi đâu, khi nào nhân duyên tụ hợp thì nó tự nhiên phát sinh. Vì do tham đắm sắc thân của mình, việc gì cũng nghĩ mãi về sự vật ngoại tại. Bởi do dục niệm tư ngã quá mạnh này mà nóng nảy tự nhiên theo đó phát sanh. Vì thế nếu nói cái bệnh nóng nảy này là trời sanh, tức là đặt cha mẹ vào chỗ bất nghĩa, có thể nói đó là người đại bất hiếu. Phải biết rằng những cái mà cha mẹ đã cho chúng ta, ngoại trừ một tâm Phật ra thì đã không có bất cứ một cái gì khác. Bởi tự mình tham đắm sắc thân mà ra tư ngã, nếu cho rằng trời sanh như thế thì đã sai lớn và sai đặc biệt. Không có ý niệm tư ngã thì tự nhiên cái tánh nóng nảy cũng không biết từ đâu mà sanh, tất cả vọng tưởng điên đảo cũng thế. Bởi vì tham trước tự thân, cho nên có dục vọng tư ngã phát sanh và vì do ở sự che đậy của dục vọng ấy, mà đối với tất cả sự vật lại nảy ra vọng tưởng điên đảo. Chúng sanh bởi vì tập tánh sử nhiên, mà cứ lầm cho rằng vốn là trời sanh như thế. Đã không phải chỉ một người bạn này như thế mà có thể nói hầu hết người đời đều có vọng tưởng điên đảo như vậy. Vọng tưởng thay thế Phật tâm, muốn dập tắt vọng tưởng thì lại thành ra lấy vọng mà đình vọng, bởi do kết quả tích trữ không ngưng của vọng niệm mà tạo

thành tập khí không có xuất xứ, bỗng nhiên mang nó đổ cho thiên tánh mà cho rằng không phương cải chánh. Nhất thiết phải nhớ! Nên nhớ! Nhất niệm sanh mê thì ác nghiệp tự khởi, như nước chảy vào một cái lỗ thấp, một khi rơi vào tam ác đạo (2), e rằng trải qua vạn kiếp cũng không thể phục sanh. Ví như cho cái việc nguyên nó là ác, nhưng do vì đó là sở thích của mình nên một khi người khác chán ghét thì sanh lòng hận oán, hơn nữa, điên đảo thị phi, gọi ác là thiện. Hoặc vì tập khí tự tư, khiến cho nguyên là việc thiện nhưng vì mình ghét do đó một khi người khác vui thích, thì lại bảo rằng có gì để đáng mừng, hơn nữa, điên đảo thị phi, gọi thiện là ác.

Đối với tất cả sự vật bởi vì nhất niệm sanh mê mà điên đảo thị phi, không phân biệt được thiện ác, từ đó sau khi chết chắc chắn sẽ rơi vào con đường súc sanh, luân chuyển đến khi sanh vào trong loài chim, thú, trùng, cá và đợi đến khi chịu hết nghiệp báo lại rơi xuống địa ngục, mãi bị đọa đày chịu đựng vô lượng thống khổ, thiết nghĩ nếu muốn tái sanh vào cảnh giới loài người, cơ hội đó giống như chờ đợi hoa ưu đàm nở (3) rất là xa xăm mù mịt. Mỗi người tại tọa đều là những người đang rất hạnh phúc, đã được sanh ra làm người mà còn được nghe Phật pháp.

Nay mọi người ở đây còn nghe được Phật tâm bất sanh mà mọi người đều có, Phật tâm này vì bất sanh nên là đại pháp của linh minh, cũng như hoa ưu đàm nở thật quý, khó tìm. Nhưng nguyện mọi người vì thế mà hiểu rõ – chúng sanh bởi vì tham trước tự thân mà sanh mê, vì mê mà tạo nên tập khí làm cho chính mình nghĩ rằng trời sanh là thế -- Sai lầm như thế nếu có thể quyết định lấy Phật tâm sự xứ mà không sanh mê nữa thì tốt biết dường nào. Nhưng, trên thực tế chúng sanh thường vì không thể nộ sự tôn quý của Phật tâm mà cứ chấp mê nên không giác ngộ. Nên biết, phàm phu kỳ thực chỉ là nhất thể, chẳng phải ở ngoài tâm thức còn có một món vật khác có thể khai ngộ thành Phật. Mong rằng mọi người có thể tỉ mỉ thể hội cái đạo lý này.

Nguyên nhân ông nóng nảy, là bởi khi sự vật ngoại tại không thuận theo tâm lý của ông, do sự ham muốn của tư ngã đã làm cho ông muốn gấp rút sử đổi nó cho nên mới cảm thấy nóng nảy, giống như cái bệnh vì dục vọng tư ngã mà sanh nhưng lại cứ cố chấp cho là trời sanh, vì thế đã đặt cha mẹ vào chỗ bất nghĩa, có thể nói đó là người đại nghịch bất đạo. Còn nữa, nếu quả thật là do trời sanh, tất

nhiên không giây khắc nào có thể lìa khỏi thân ông, thế thì muốn cải sửa cũng không thể được. Đã chứng minh rằng không phải trời sanh, đủ thấy vẫn là cái gì có thể sửa được.

Bệnh dễ nóng nảy này là bởi khi lục căn (4) đối với lục cảnh (5), do ở tham trước tự thân nên khi ngoại cảnh không vừa lòng thì cái k hông vừa lòng lúc ấy tự nhiên hiển hiện. Nếu không phải nghĩ cho mình, thì tự nhiên cũng không có cái bệnh như thế phát sanh.

Hôm nay mọi người đều đã biết về đạo lý này, vậy hãy thử dùng thời gian một tháng để thử chiến thắng tự ngã và lấy Phật tâm bất sanh tự xứ xem sao! Nếu có thể hàm dưỡng, nuôi lớn thói quen lấy Phật tâm bất sanh tự xứ ấy và tin rằng mọi người chắc chắn có thể lần lần không vị ngoại vật mê hoặc mà sanh vọng niệm và nếu có thể thời khắc khắc đều đặt ở Phật tâm bất sanh, thì đó chính là Phật sống Như Lai hiện thế. Các vị tại toạ! Mọi loại ví dụ trước đây, hôm qua đã chết, mọi loại ví dụ hôm nay phát sanh. Thì cứ cho là hôm nay bắt đầu một cuộc hành trình mới mẻ của nhân sinh! Có lẽ đời người tự nó vốn có rất nhiều sự vật làm trở ngại các bạn nên khiến các bạn không thể cách nào nghe tin để đi vào thực tiễn, hiện nay cứ cho là thay đổi một nhân sinh mới, không lo không lắng, sau khi nghe đại pháp này, có thể phụng hành tức khắc, tất nhiên thành tựu sẽ đến.

Nếu dựa vào lời nói của Bàn Khuê thiền sư thì những việc ấy dường như chúng ta đều có thể làm được. Chúng ta hãy thử thực tập một tháng xem sao! Nếu giữa đường mà không may thất bại thì xin bắt đầu lại nữa. Tóm lại, việc làm cho con người mười phần vui vẻ, vì lẽ làm như vậy, không những có thể trừ được phiền não là không có thời gian đến thiền đường nên không học thiền được, mà hơn thế còn có thể ở trong sinh hoạt thường ngày đi vào thực tiễn của nó. “Bất sanh thiền” như thế không phải chính là một loại thiền pháp thích hợp với những con người hiện đại như chúng ta sao?

- *Chú (1): Giản xưng của A Tu La, là một loại quỷ thần thường chiến đấu với trời Đế Thích*
- *Chú (2): Phật giáo đem thế giới chưa khai ngộ nên bị luân hồi chia làm 6 đường, tức là thiên, nhân, tu la, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Trong ấy 3 đường súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục là thế giới khổ đau không thể chịu nổi, cho nên gọi là “Tam ác đạo”*

- *Chú (3): Trong truyền thuyết là loại thực vật cứ mỗi 3000 năm mới nở hoa một lần.*
- *Chú (4): Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Mắt là thị căn, tai là thính căn, mũi là xú (ngửi) căn, thiệt (lưỡi) là vị (mùi) căn. Thân là xúc (chạm) căn, ý là căn của tư duy suy nghĩ. Căn có nghĩa là năng sanh, như cỏ cây có căn nên có thể sanh nhánh và thân cây; thức dựa vào căn mà sanh, có nhãn căn thì có thể sanh nhãn thức, ngoài ra cứ theo đó mà suy.*
- *Chú (5): Còn có tên là lục trần, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vì thế lục cảnh là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, cảnh được tiếp xúc, là đối tượng của lục căn, nên gọi là lục cảnh.*

---o0o---

ĐOẠN TRỪ LƯỚI MÊ CỦA NHÂN SANH

BẠCH ẮN HUỆ LẠC

Bạch Ắn thiền sư (1685 – 1768) là một thiền tăng trung kỳ ở thời Giang Hộ, cũng là trung hưng tổ sư của Lâm Tế Tôn. Thiền sư biệt hiệu là Học Lâm, Húy hiệu Huệ Hạc, người nước Tuấn Hà. Năm 1699 xuất gia tại thôn làng chùa Tòng Âm, sau đó du lịch nhiều nước, và dạ từng theo học với những đại sư như Tức Thông của Đại Thánh Tự Chiếu Tân, Mã Ông của Đại Viên Thoại Vân tự, Mỹ Nùng và Dịch Thiền của Chánh Tôn Tự Y Dữ Tòng Sơn v.v...Sau này, vào năm 1708 lại đến tu hành ở Anh Nghiêm Tự của Việt Hạp Cao Điền.

Đương thời Bạch Ắn thiền sutự cho rằng đã đạt đến cảnh giới khai ngộ giải thoát nên cảm thấy rất đắc ý, tự mãn. Mãi đến một lần có cơ duyên ngẫu nhiên quen biết Chánh Thọ lão nhân của Tín Châu Phạn Sơn (Đạo Cảnh Huệ Đoan, 1642-1721), mới lần lần tham thiền liễu ngộ được tâm thức ngã mạn của mình và phản tỉnh sửa lỗi triệt để, cuối cùng như thật mà đạt đến cảnh giới đại triệt đại ngộ. Sau khi đại ngộ, ngài vẫn lưu liạ học pháp 8 tháng với Chánh Thọ lão nhân và sau đó mới rời khỏi Tín Châu để tiếp tục hành trình vân thủy của ngài. Do Bạch Ắn Thiền sư không màng danh lợi, nên đến khi tịch ngài vẫn ở tại một ngôi miếu nhỏ trong thôn, lấy sự viết lách và thuyết pháp để hóa độ chúng sanh. Trước tác của ngài gồm có “Ngũ Lục” (102 quyển), “Hòa An Quốc Ngữ”, “Viễn La Thiên Phủ”, “Đạ

Thuyền Nhân Thoại” v.v.. Ở trong “Bích Sanh Thảo” tự truyện của ngài, bức thủy mặc đồ ve bằng mực nước cũng triển hiện ý cảnh độc đáo đặc biệt của cá nhân thiền sư. Còn môn hạ ngài như Đông Lãnh Viên Từ, Nga Sơn Từ Diệu v.v....., ai nấy đều tài trí xuất chúng.

Bạch Ân thiền sư ở tuổi 15 đã vào cửa Phật, năm lên 19, vì bởi trong lúc tu hành có một nghi vấn nhưng nghĩ trăm bề mà không giải nổi nên tự cảm thấy khổ não vô cùng. Nghi vấn này có liên quan đến truyền thuyết của Nham Đầu hòa thượng, một vị cao tăng đời Đường bị đạo tặc trảm thủ.

Nham Đầu hòa thượng sanh tiền thường nói với đệ tử rằng: “Lúc ta chết chỉ có một tiếng rên than”. Quả nhiên, khi đạo tặc muốn chặt đầu của Nham Đầu hòa thượng, chỉ nghe ngài la lớn một tiếng, thiên hạ đồn rằng tiếng la ấy truyền xa ngoài mây dậm. Bạch Ân thiền sư đối với truyền thuyết ấy cảm thấy hết sức buồn chán. Bởi vì nếu cả cao tăng như Nham Đầu hòa thượng mà vẫn không cách nào tránh khỏi cái vận ách bị đạo tặc trảm thủ, thế thì mình cũng khó tránh quả báo của địa ngục? Nghĩ mãi và nghĩ mãi, trong tâm lý bỗng nhiên nổi lên ý niệm muốn hoàn tục.

Nhưng ---

Không lâu sau, ngài gặp Mã Ông thiền sư của Thoại Vân Tự Mỹ Nùng. Ngày ấy nhằm ngày định kỳ của Thoại Vân Tự hong phơi kinh thơ.

Bạch Ân thiền sư đứng trước mặt Mã Ông thiền sư và đánh cá một độ. Ngài sẽ nhắm mắt lại và từ trong mấy trăm quyển kinh thơ này mà bốc chọn một quyển. Nếu lựa chọn trúng phải kinh điển của Nho học thì ngài nhất định lập chí trở thành một người nho giả, trái lại nếu chọn trúng quyển kinh Phật, thì ngài sẽ tiếp tục tu hành Phật đạo. Đó là ván cá độ của ngài.

Có lẽ trong số độc giả sẽ có người bảo: “Chọn cách thức như thế là quá bừa bãi”. Nhưng tôi không cho như thế là sai mà trái lại còn khích lệ lối cá độ đó.

Lý do là, chúng ta thường hỏi: “Như vậy tốt hay là thế kia tốt?” vì vậy mà trong lòng do dự không thể quyết định. Từ việc nhỏ mà luận, ví như hôm nay, buổi trưa nên ăn gì tốt hơn? Hay là ăn mì? Từ việc lớn mà nói thì ví như nên từ chức công ty hay vẫn lưu chức tốt hơn?

Thoáng nghe có vẻ ăn cơm và từ chức là hai việc không liên can gì nhau, nhưng hai việc này, tính chất mê hoặc tồn tại thì đã chẳng có gì sai khác.

Vì thế, khi mê hoặc thì phải làm sao? Lúc ấy tôi cho rằng, tấn thoái lưỡng nan do dự bất quyết, chi bằng dùng phương thức bia xu hoặc xóc tào cáo làm tiêu chuẩn để lấy hoặc bỏ.

Nhưng, vấn đề lại sanh ra nữa.

“Đợi chút, bia thêm lần nữa xem sao!...” Thế này thế nọ, đối với kết quả không thể hạ quyết tâm một cách thực tiễn, trái lại còn làm cho sự việc càng lún vào khốn cảnh khó lấy khó bỏ. Có thể nói, con người như thế là nhu nhược và thiếu quyết đoán.

Đời người chỉ sống một lần, cho nên không thể cách nào việc gì cũng tùy lòng mà muốn, muốn gì được nấy. Những món vật không thể đạt được mà nếu càng tham cầu nó thì càng tăng thêm sự đau khổ đối với nội tâm, kết quả chỉ phí công vô ích.

Vì thế, xin khuyên quý vị tốt nhất trước khi cá độ nên khai tử cái tâm ấy. Nhưng thế sau khi xóc tào cáo sẽ không thể xảy ra ý niệm “Khoan đã, thử thêm lần nữa!...” Việc do dự không quyết đoán này có thể nói, khó “lấy” hay “bỏ” bởi vì nguyên có không thể đoạn niệm (chặt đứt vọng niệm)

Câu nói “Tức tâm đoạn niệm”, ở trong Phật pháp còn có thêm hàm ý là “Biết rõ chân lý”. Khi một cặp vợ chồng cả ngày than khóc vì mất đứa con yêu, nếu đem chân lý “người chết không thể sống lại” để nói cho họ rõ mà đoạn niệm là một thí dụ.

Cho nên một khi tâm của con người mà những ý niệm tham, sân, si đã được tiêu trừ, thì điều đó có nghĩa là giống như đã được khai ngộ.

Vì thế, sự cá độ của Bạch Ân thiền sư tự nó đã bao hàm một thiền vị vô hạn.

Và, kết quả cuộc cá độ đó đã như thế nào?

Bạch Ân thiền sư đã lựa trúng quyển sách có tên “Thiền Quan Sách Tấn”, dựa theo tên mà suy thì đó là một quyển sách thiền được

biên soạn bởi ngài Chu Hoàng đời Minh, Trung Quốc, là một truyền ký tổng quát của tất cả thiền tông tổ sư, ngữ lục và tổng tập kinh luận của thiền mà các thiền giả cần đọc.

“Cá độ” mặc dù từ trong ngẫu nhiên để cầu kết quả, nhưng nếu người cá độ sớm đoạn niệm (giác ngộ), thì “ngẫu nhiên” ở đây đã thành “Tất Nhiên”! Bạch Ẩn thiền sư chắc chắn là đã giác ngộ vì thế ngài đã không một chút do dự và đã ngang nhiên cố gắng bước tới trên đường thiền đạo. Và, cũng do ở lần cá độ ấy, mới tạo thành một vị thiền sư vĩ đại. Tuy là mẫu chuyện hơi giàu kịch tính, nhưng không thể khiến người không khỏi kính sợ vì ngài.

Do một nhân duyên tình cờ, Bạch Ẩn thiền sư và Chánh Thọ lão nhân đã gặp gỡ nhau. Bảy giờ Bạch Ẩn ở tuổi 24, là lúc mà tâm ngã mạn phát sanh mạnh mẽ. Tá túc trong chùa Anh Nham của Việt Hậu cao điền, Bạch Ẩn đã quên ăn bỏ ngủ và tinh thiền ngồi thiền. Đêm nọ, khi ngài nhập định, vì nghe tiếng chuông từ xa vọng đến mà hoá nhiên “khai ngộ”. Lúc ấy ngài không suy nghĩ gì nữa, la lớn:

“Nham đầu hòa thượng vẫn mạnh khoẻ!”

Nham đầu hòa thượng là vị cao tăng Đồi Đường mà chúng ta đã đề cập ở trước. Lúc ấy những nghi hoặc tích trữ trong lòng ngài từ mấy năm nay đột nhiên khói tiêu mây tán. Không! phải nói là trong tự chính ngài đã cho rằng như vậy. Vì thế ngài rất tự phụ bảo rằng: “300 năm nay chưa ai bằng tôi là người sung sướng vì được giác ngộ!”

Khẩu khí giống như thủ lãnh sơn trại. Điều này có thể bảo đó là một loại tâm kiêu mạn do đại ngã thúc dục.

“Mạn” (1), cao ngạo, ý mình hiếp người. Trong quyển 43 “Đại Tỳ Bà Sa Luận” và quyển 19 của “Cu Xá Luận”, đã lược cử 7 loại ngoại mạn như sau:

1. Mạn: Đối với người dở hơn mình thì cho rằng mình là người thù thắng hơn họ; còn đối với người ngang hàng với mình thì lại bảo là ngang với mình mà kiêu lòng cao Mạn.
2. Quá Mạn: Đối với người cùng hàng với mình, cứ khăng khăng bảo rằng mình thù thắng hơn đối phương; đối với người thắng hơn mình, cũng lập luận bảo rằng ngang hàng với mình

3. Mạn quá Mạn: Đối với người vượt thắng hơn mình thì có lối nhận xét trái ngược, cho rằng mình vượt thắng hơn đối phương
4. Ngã Mạn: Căn bản của 7 mạn ở thân ngữ uẩn giả hợp, chấp trước về ngã, ngã sở, ý y vào mình mà kiêu mạn. Trong chấp có ngã, và cho rằng mọi người không bằng tôi; Bên ngoài thì chấp có ngã sở, thì phạm cái gì thuộc về sở hữu của mình cũng đều cao đẹp hơn của người khác.
5. Tăng thượng mạn: Chưa chứng được quả vị hoặc đức của thù thắng mà tự cho là đã chứng đắc.
6. Ty Mạn: Đối với người rất ưu việt, lại cho rằng mình chỉ hơi sút hơn người ấy chút ít; hoặc tuy đã hoàn toàn thừa nhận sự cao thắng của người khác, và dù bản thân mình thật dở kém, nhưng tuyệt đối không chịu hư tâm để học tập với người ấy.
7. Tà mạn: Vô Đức lại tự nhận là có đức.

Xem qua 7 thứ tâm ngã mạn trên đây, không thể không khiến mọi người cảm thấy lo âu sợ sệt vì lẽ không ngờ trong tâm chúng ta lại cất giấu những món vật xấu xa nhiều đến như thế.

Dù Bạch Ẩn thiền sư sanh lòng kiêu mạn như thế nhưng lại có được cơ duyên ngẫu nhiên quen biết một vị du tăng có tên là Tôn Cách. Tôn Cách đã mách cho ngài biết là Chánh Thọ lão nhân đang ở Tín Châu Phạn Sơn, thế là ngài đã dấn thân thẳng đến Tín Châu

Lần đầu tiên khi gặp Chánh Thọ lão nhân, Bạch Ẩn một mặt thuật rõ kiến giải của mình, mặt khác tỏ vẻ làm như không ai bằng mình.

Đối với kiến giải của Bạch Ẩn, Chánh Thọ lão nhân đã không khách sáo đưa tay trái làm động tác như bắt cái gì trên không rồi ném bỏ và bảo:

“Đúng là một động vật chó địt không thông. Hãy đem những món vật mà ông trông thấy đưa ra đây!”

Nói xong ngài đưa tay phải ra và tiếp:

“Nếu có thì mưa vào chỗ này!”

Bạch Ẩn thiền sư làm động tác oẹ mưa.

Lão nhân tức khắc hỏi tiếp:

“Làm sao trông thấy chữ “Vô” trong công án của Triệu Châu?”

“Không là k hông, không thể thấy được vật tồn tại”

Bạch Ẩn thiền sư vừa đáp xong liền bị lão nhân dùng tay bóp mũi và bóp thật mạnh, sau đó kéo vòng một vòng rồi bảo:

“Không phải của ông, ta vẫn có thể bắt được!”

Lời nói của lão nhân đã đánh trúng vào sự cống cao ngã mạn của Bạch Ẩn.

Chính vì khế cơ lần này, Bạch Ẩn lư lại bên cạnh lão nhân để tham học Phật pháp. Lão nhân hình dung Bạch Ẩn thiền sư là “Tử thiền của chó địt không thông (2)”, và đã cho đó là việc không đúng tí nào. Chính vì thế mà Bạch Ẩn thường xuyên bị quở trách. Dù vậy, ngài vẫn nỗ lực khai triển, tinh tâm tu hành một cách vô cùng khổ hạnh.

Một hôm, khi Bạch Ẩn nâng bát khát thực, ngài đến trước cửa của một gia đình, chủ nhà từ chối cúng dường nhưng vì ngài đang suy nghĩ công án nên chẳng để ý, vì cứ đứng mãi trước cửa nên khiến chủ nhà tức giận, ông ta đã xách chổi đánh Bạch Ẩn xối xả và ngài đã ngã xuống bất tỉnh.

Khi Bạch Ẩn khôi phục lại thần trí, ngài đã đạt đến cảnh địa đại triệt đại ngộ. Chờ Bạch Ẩn tỉnh lại, Chánh Thọ lão nhân liền bảo: “Ông triệt ngộ rồi!”

Bạch Ẩn thiền sư theo học chánh pháp với Chánh Thọ lão nhân chỉ trong thời gian 8 tháng, nhưng lại có thể tri nhận tường tận những điểm ảo diệu của thiền, có thể nói, nếu không có Chánh Thọ lão nhân thì không có Bạch Ẩn thiền sư sau này. Như vậy đủ thấy chỉ là lần gặp gỡ ngẫu nhiên nhưng kỳ thực cả một sự ẩn tàng huyền cơ không thể biết được?

- *Chú (1): Tên của Tâm Sở (Tác dụng của Tâm). Cu Xá Tôn lấy một của Bát Bất Định địa pháp trong 46 tâm sở, Duy Thức Tôn thì lấy một của 6 căn bản phiền não trong 51 tâm sở. Tức so sánh, cao thấp, hơn thua, ưa ghét v.v. giữa chính mình và người khác, mà sanh ra lòng tự thị khinh rẻ người khác, gọi là mạn. Cũng tức là ý tự phụ và khinh bỉ.*
- *Chú (2): Còn có tên là Thiên Hòa tử, tức là người Tham Thiền*

---o0o---

DIỆU PHÁP THOÁT LY TAI NẠN

ĐẠI NGU LƯƠNG KHOAN

Lương Khoan thiền Sư, khi đề cập đến danh tánh ngài đã khiến cho người cảm thấy có gì hết sức thân mật. Trong truyền thuyết, vì thích hồn nhiên và tâm thơ trẻ vẫn còn, nên ngài thường hay đùa giỡn với những trẻ nít, có một lần cũng vì chơi trò cút bắt mà bị ngủ lùm cả đêm. Tóm lại, ngài là con người vui tính và rất hòa hài.

Nhưng, thân thể của Lương Khoan thiền sư lại tương đối hiền hách, ngài là trưởng nam của quốc quân Sơn Bản Gia Việt hậu quốc thời kỳ Giang Hộ. Khi 18 tuổi (có sách nói 22 tuổi) xuất gia làm tăng, chuyên tu theo Thiền Tào Động, có thể bảo ngài là vị thiền tăng xuất gia chánh thống. Đồng thời ngài cũng là một thi nhân kiêm thư pháp gia, viết chữ đẹp nổi tiếng. Thơ của ngài đơn giản dễ hiểu nhưng giàu tính triết lý, đặc biệt là có một thi pháp cao nhã không vẽ vờ. Ở đây xin giới thiệu cùng quý vị mấy bài thi Hán của Lương Khoan thiền sư:

Hoa vô tâm chiêu Diệp
Diệp vô tâm tâm hoa
Hoa khai thời Diệp lai
Diệp lai thời hoa khai
Ngô diệp bất tri nhân
Nhân diệp bất tri ngô
Bất tri tùng đế tắc

Dư Hương hữu nhất nữ
Sĩ niên mỹ dung tư
Đông lý nhân triều ước
Tây lâm khách tịch kỳ
Hữu thời truyền dĩ ngôn
Hữu thời di dĩ tư
Nhu thị kinh tuế sương
Chí tế bất dữ di
Tùng bi thử hựu phi
Hứa thử bi bất khả
Quyết ý phó thâm uyên
Ai tai đồ nhữ vi

Đọc xong bài Hán thi này, Khiến người ta liên tưởng đến hai mỹ nữ Chân Gian Thủ Nhi Nại và Thổ Nguyên Xứ Nữ trong thi tập cổ điển “Vạn Diệp tập” của Nhật Bản. chân Gian chính là thị xã Thi Xuyên, huyện Thiên Diệp ở Nhật Bản hiện nay. Mỹ nữ Thủ Nhi Nại vì sợ làm phương hại đến lòng cầu ái của quá nhiều thanh niên nên nàng đã nhảy xuống sông tự tử. Còn Thổ Nguyên Xứ Nữ thì theo truyền thuyết là mỹ nữ ở ngoại ô thị xã Lô Ốc, huyện Bình Khố hiện nay. Vây quanh bên người đẹp có hai chàng trai tên là Huyết Chiêu tráng sĩ và Thổ Nguyên tráng sĩ, hai người này vì ghen tương nhau nên đã dùng kiếm để hướng vào nhau. Thổ Nguyên Xứ Nữ vì do cảm thấy xuất thân từ một giai cấp thấp hèn, không bằng lòng việc hai người đàn ông chỉ vì mình mà làm thương tổn đối phương, thế nên nàng đã quyết định dùng phương thức tự vận để giải quyết vấn đề ba góc, luyện ái tay ba.

Câu chuyện đến đây vẫn chưa chấm dứt Vào đêm nàng tự tử, Huyết Chiêu tráng sĩ nằm mộng thấy nàng tự vận nên tự kết thúc tánh mạng để được đi theo kẻ cận mỹ nhân. Thổ Nguyên tráng sĩ hay tin cũng không chịu thua ông, đã sử dụng đoản kiếm thường mang bên mình để kết liễu mạng sống của mình.

Bài Thu Lục trong “Vạn Diệp Tập” là bài truy điệu hai mỹ nữ. Có thể Lương Khoa hòa thượng đã lấy tài liệu từ hai truyền kỳ này mà viết thành bài Hán thi trên

“Ái” xuất phát từ tâm. Nhân loại thường vì “Ái” mà làm tổn hại đối phương. Ái thường khi không thể làm cho đối tượng mình “Ái” được bảo hộ, thăng hoa, trái lại còn làm cho người mình thương bị tổn hại, ràng buộc. Vì thế khi một người nói rằng: “Anh thương em”, kỳ thực lời nói đó ít nhiều có tương thông với ý “Em phải thành nô lệ của ta”

Người Cơ Đốc giáo bảo phải thương thế nhân, nhưng Phật giáo lại bảo rằng “Ái” là không tốt.

Kỳ thực Cơ Đốc giáo và Phật giáo đối với định nghĩa của ái đã chẳng giống nhau. Chữ “Ái” Phật giáo đề cập đó là sự thương yêu được xuất phát từ trong bản vị của tự ngã. Ái này chẳng phải cho và vì đối phương, mà ái chính là cho và vì dục vọng của bản thân mình. Vì có ái, mới có chấp trước và nảy sinh vọng niệm muốn người mình

ái hoặc sự vật mình ái vĩnh viễn thuộc về sở hữu của mình, có thể nói ái kỳ thực là một loại dục vọng ích kỷ.

Ở trong Phật giáo, thay thế ái là “Từ Bi”

Tương đối với “Ái” xuất phát nơi bản vị tự ngã là tâm “từ bi” lấy đối tượng làm bản vị. Từ Bi có ý nghĩa: “Bạt khổ dữ lạc”, nghĩa là “cứu người khổ từ trong bể khổ, và ban phát hạnh phúc an lạc đích thực cho mọi chúng sanh”, đó là Từ Bi.

Vì thế, Phật giáo là tôn giáo phủ định “Ái” nhưng khẳng định “Từ Bi”

Trong Hán thi của Lương Khoan thiền sư, chúng ta có thể thấy được sự khẳng định tư tưởng này của ngài. Đương nhiên ngài đã không vì muốn biểu đạt tư tưởng của Phật giáo mà cố ý làm bài thi này, mà có thể nói bài thi này đã bộc lộ một cách tự nhiên tâm lượng từ bi của ngài. Dầu sao, mong độc giả đừng quên định nghĩa về “chân ái: của Phật giáo. Chân ái cũng có thể là một loại “Bi Tâm” và chính qua bài thi này mà ta có thể cảm và thấy được “Bi tâm” đó.

Tiếp theo chúng tôi xin giới thiệu thêm bài Hán thi khác:

Gia hữu miêu dữ thử
Tổng thị nhứt mông bì
Miêu bảo bạch trú miên
Thử cơ huyền dạ chi
Miêu nhi hữu hà năng
Thử sanh lữ trung cơ
Thử tử hữu hà nhất
Xuyên khí dã thái phi
Khí xuyên nhi khả bổ
Thệ giả bất phục quy
Nhược vấn tội khinh trọng
Xung khả khuynh Miêu nhi

Vào ngày 12 tháng 11, 1828, lúc Lương Khoan thiền sư vừa đúng 71 tuổi, tại xứ Tam Điền, kiến phó của Việt Hậu quốc đã xảy ra một trận động đất lớn, kết quả 9,800 nhà cửa bị sụp đổ, thiêu huỷ 1,200 nóc gia và con số tử thương hơn 1,440 người. Căn cứ theo sách “Lý Khoa niên biểu” thì trận địa chấn lúc ấy ở cấp 6.9. Sau cơn động đất,

Lương Khoan thiền sư gửi thư cho bạn là Sơn Điền Đỗ để thông báo là ngài vẫn bình an:

“Động đất thật đáng sợ, may là thảo am của bản tăng vô sự, người nhà cũng an nhiên vô sự, may thật! may thật!

Nhưng, khi tai nạn đến tùy theo cảnh ngộ mà an lạc, và lúc đối đầu với tử vong thì vui vẻ thản nhiên mà chấp nhận, đây là diệu pháp thoát ly tai nạn, Viết vào ngày 8-8.

Cẩn chí,
Sơn Điền Đỗ Cao Lão
Lương Khoan.”

Phàm con người khi gặp tai nạn, chẳng khác nào những con trùng nhỏ đang rơi vào lưới nhện, rất đau khổ sợ sệt nhưng không biết phải làm sao. Tuy biết rõ dù sợ sệt nhưng không biết phải làm sao. Tuy biết rõ dù sợ sệt cũng chẳng ích lợi gì, nhưng không thể tự chủ được. Đây là điểm ngu muội của phàm nhân. Bởi vì càng cảm thấy sợ hãi thì càng quýnh quáng, kết quả càng bị cái lưới tơ đau khổ ràng chặt không thoát nổi...

Nhưng Lương Khoan thiền sư đã nói “Khi tai nạn đến tùy theo cảnh ngộ mà an lạc, chết chóc xảy ra thì vui vẻ thản nhiên mà chấp nhận, đó là diệu pháp thoát ly tại nạn”. Khi tai nạn đến tuyệt đối không nên để tư tưởng bi rối loạn, chỉ cần nội tâm không tương ứng với tai nạn thì tự nhiên sẽ không khổ vì nó, đó tức là thiền. Lời nói này của thiền tăng Lương Khoan quả xứng đáng là một thiền sư đích thật...

Theo truyền thuyết thì vào ngày 06 tháng 01 năm 1831 Đại Ngu Lương Khoan thiền sư đã an nhiên thị tịch trước sự chứng kiến của rất nhiều người, ngài hưởng thọ 74 tuổi. Trước giờ lâm chung ngài còn làm một bài kệ từ già trần thế, ngài đã thực thi câu nió của chính ngài đó là “Khi sự chết đến thì chấp nhận một cách vui vẻ tự nhiên”.

Đông triết lý biên
Đã chiếu kiến ngoại biên
Hồng Diệp phiêu lạc mãn thiên
Tạm Dịch
Thấu suốt tận nguồn tâm

Nhận chân muôn hiện tượng
Lá vàng rơi rụng khắp muôn phương

---o0o---

CHƯƠNG III - LÀM SAO THỂ NGỘ ĐẠO LÝ “ĐƯƠNG HẠ TỨC THỊ”

(ĐANG KHI ĐÓ CHÍNH LÀ)

VÌ SAO THIỀN SƯ CỤ TUYỆT 3 LẦN

Trước đã giới thiệu về “Bát Sanh Thiền” của Bàng Khuê thiền sư, sau đây giới thiệu thêm mẫu chuyện vật nhỏ có liên quan đến đời ngài. Mẫu chuyện lục từ sách “Chánh Nhân quốc Sư Dật Sự Trạng”, Chánh Nhân quốc sư tức Bàng Khuê, sách này do đệ tử của ngài tên là Trạng Nhiên biên soạn để ghi lại những gì có liên quan đến sự hành hoạt và ngôn hạnh của Bàng Khuê thiền sư.

Mẫu chuyện xảy ra ở chùa Địa Tạng, Sơn Khoa.

Một hôm, thiền sư dạo dò thị giả của ngài lên kinh thành mua một số giấy thượng hạng. Vị thị giả này xưa nay được khen là có “Tư tài của Tử Cống”, như thế đủ thấy vị thị giả này là người tương đối thông minh lanh lợi. Ai cũng biết, Tử Cống là một trong 72 hiền nhân môn hạ của Khổng Tử, không những tài trí thông minh mà còn rất sớ trường về tài biện luận. Ông thường qua lại hai nước Lỗ, Vệ và ông đã giành được rất nhiều thắng lợi to lớn trên phương diện ngoại giao. Ngoài ra, Tử Cống còn giỏi về mặt thương mại, quản trị. Thiền sư đã sai người đệ tử “tái trí so bằng Tử Cống” đi mua giấy cũng vì lý do như đã được dẫn.

Đương nhiên, thị giả không dám khinh thường, trăm chọn ngàn lựa cuối cùng vất vả mang về một số giấy tốt

Không ngờ, sau khi thiền sư xem qua giấy rồi phê rằng:

“Loại này không được!” Thiền sư cự tuyệt không chút vị nể

Vì thế, thị giả chỉ còn cách lên kinh tìm mua loại giấy khác.

“Thứ này cũng không được!”

Thiền sư xem qua loại giấy vừa được mua về lần này nhưng vẫn lạnh lùng chê trách.

Kết quả, thị giả phải đành cố gắng lặn lội lên kinh lần nữa. Từ Sơn Khoa đến kinh đô cách nhau khá xa, đương thời phương tiện giao thông khó khăn nên mấy lần trở tới trở lui rất là cực nhọc. Chỉ vì vấn đề mua giấy mà hạnh hạ đệ tử phải vất vả ngược xuôi, vả lại người đệ tử đã không biết là ý sư phụ muốn loại giấy gì...Xem đến đây có lẽ có nhiều người không dẫn lòng được và đồng tình với hoàn cảnh của vị đệ tử này mà liên tưởng đến trường hợp một viên chức nhỏ trong một công ty vì thường mua tính chỉ tư nhân cho thượng cấp khó tính mà phải hải bồn ba cực khổ nhiều lần.

Nhưng, tình tiết phát triển của câu chuyện thiền lại thường khi có một kết quả khiến người ta không thể ngờ được, cho nên hãy khoan luận đoán bừa bãi mà cứ tiếp tục đọc tiếp!

Lần thứ ba, sau khi vị thị giả đi mua giấy về, thiền sư vẫn lạnh lùng bảo:

“Không được!”

Người đệ tử suy nghĩ: “Quả thật sự lao khổ của mình không thể lường được.”

Nhưng, sau khi suy nghĩ, người đệ tử đã giật mình vì đã phát giác lỗi lầm của mình nên liền sám hối sư phụ.

“Chà! Bây giờ mới rõ!...thực ra, giấy mua lần đầu đã được rồi”.

Thiền sư dạy thế.

---o0o---

KHÔNG NÊN CƯỖNG CẦU HOÀN MỸ

Câu chuyện đến đây kết thúc.

Nhưng chúng ta giải thích thế nào về mẫu chuyện trên? Trong cốt chuyện tường thuật, sau khi thị giả tam bận trở về mới phát hiện lỗi lầm của mình, cuối cùng thì sự việc đã như thế nào và vị thị giả đã phải làm sao? Nếu ở vào địa vị chúng ta, e rằng chúng ta sẽ bị lên kinh lần nữa! Nếu suy nghĩ, quả thật vấn đề vô cùng nhức óc.

Có thể chúng ta cứ thử mạnh dạn chú giải thêm về câu chuyện này. Như bài thứ nhất trong sách đã từng đề cập, công án thiền tôn đã không có bất cứ đáp án tiêu chuẩn nào mà ngược lại, độc giả có thể tùy theo tâm ý của mình để giải thích. Khi bắt đầu suy giải, không nên nghĩ rằng đáp án không thể đạt đến 100% thì không được, mà chỉ cần có 50% thôi là đã được rồi. Nếu có thể đạt đến 60% thì lại càng tốt.

Có một số người vì cầu “Hoàn Mỹ” quá đáng nên bất cứ trên chức vị công tác, thậm chí ngay cả ở trên phương diện thỏa mãn chuyên nghiệp cũng yêu cầu đạt đến “Thập toàn thập mỹ”. Loại yêu cầu theo “Chủ nghĩa hoàn mỹ” này, tự ngã hãy còn rất nặng, nhưng nếu đối với người khác, nơi nào cũng yêu cầu hoàn mỹ thì không khỏi quá đáng. Thường thường sự việc sẽ không những không như ý nguyện của mình mà ngược lại còn khiến trời hờn người giận.

Thí dụ, có một số người đối với một số phương diện nào đó đã đòi hỏi một cách quá đáng đối với vợ con, rằng muốn có một người vợ toàn bích, con cái ưu tú đó là sự mong mỏi của tất cả mọi người, nhưng trên thế gian đã có được bao nhiêu người vợ có thể vừa đẹp vừa hiền thực, vừa thông minh ôn nhu, trung thành đối với chồng và lại siêng năng quét nhà giặt áo, thậm chí khi chồng về khuya còn ra tận cửa cúc cung cúi mình hầu đón? Điều kiện trên nếu đạt được một nửa thì đã kể là một người vợ tương đối khá rồi. Nếu như là tôi thì chỉ cần 30 điểm cũng đã vừa ý.

Qua đó, đối với sự yêu cầu về con cái cũng vậy: Không những yêu cầu quốc ngữ, số học, lịch sử, địa lý v.v... phải là điểm A, mà các môn như thể dục, âm nhạc, mỹ thuật cũng không thể đứng sau người. Tôi nghĩ, nếu có những người trẻ tuổi như thế thì họ chính là những bậc “Siêu nhân”. Nhưng trên thế gian này vẫn có những hạng cha mẹ như vậy, họ luôn mong muốn con cái của mình là những “siêu nhân”.

Còn nữa, những cấp trên trong các công ty thường hay đòi hỏi đối đãi với bộ thuộc, có cùng tâm thái giống thế...

Nhưng, nếu chính bản thân mình cũng không thể nào đạt đến những tiêu chuẩn như vậy thì làm sao lại yêu cầu người khác? Tuy quyết tâm cố gắng tiến lên là việc rất tốt, nhưng hà tất phải đạt đến 100 điểm mới được? Một khi đạt đến 60 điểm thì có thể ngưng lại thờ

phào nhẹ nhõm, để bước qua một cuộc sống dư dả như thế có phải tốt hơn?

Những lời ngoài đề, mục đích nhờ đó để chỉ chân nghĩa của thiền. Vì thiền vốn không thoát ly cuộc sống thường nhật. Con người vốn không phải vì có thiền mà tồn tại, nhưng thiền chính là pháp môn vì ứng với phương thức sống của con người phát sanh, vì thế, bất cứ lúc nào và nơi đâu, chỉ cần nói đến thiền thì biết rằng đó là những gì tương ứng với cuộc sống hằng ngày của nhân sinh.

Bài thứ 3 trong sách này, tôi chuẩn bị đối với loại “thiền” tương ứng với cuộc sống, nhằm thăm dò thêm bước nữa, đây cũng là dụng ý lấy câu chuyện Bàn Khuê thiền sư mở đầu cho bài này.

---o0o---

KHÔNG PHẢI LÀ “LÀM LỖI” MÀ LÀ VÌ “MÊ MUỘI” NÊN BỊ QUỠ TRÁCH

Chúng ta hãy trở lại đề mục nói về Bàn Khuê thiền sư và thị giả, để tìm hiểu thử xem câu chuyện này muốn dạy chúng ta điều gì?

Trong sách “Chánh Nhân quốc sư dật sự trạng”, do Tràm Nhiên pháp sư soạn, cuối câu chuyện có thêm đoạn chú giải như sau:

“...Những học giả vì lấy sự tư lự để phân biệt, cho nên đã có sự cách biệt, trở ngại ngàn vạn dặm. Dụng ý của thiền sư là như thế. Do vì không phân biệt tư lự nên thoát thể hiện tiền. Xưa có Đại Tổ quốc sư khen ngợi một tiểu tăng lấy rỏ hứng mưa, ngàn thánh cùng một dấu tích. Diệu môn của con người điều ở đây, nên phải thường xuyên tham khảo điều này”.

Xem qua đoạn chú giải này, vẫn khiến cho người cảm thấy mơ hồ. Nhưng, nếu xem kỹ, suy gẫm cách dụng ngữ, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra rằng ý của ngài là nhắm vào sự lo âu, phân biệt của học giả để cảnh tỉnh. Từ đấy suy đoán, cái gọi là “Học giả”, phải chăng nói hạng người chỉ biết mỗ xê trên những sự kiện nhỏ nhặt

Ngoài ra, trong bài văn có đề cập đến “Đại tổ quốc sư khen ngợi tiểu tăng lấy rỏ hứng mưa” cũng là một trọng điểm khác. Đại tổ quốc sư tức là Quan Sơn Huệ Huyền thiền sư đã đề cập trong bài thứ nhất của quyển sách này. Tràm Nhiên pháp sư cho là câu chuyện Quan Sơn thiền sư khen ngợi vị tiểu tăng dùng rỏ hứng mưa, dường như

đối với câu chuyện Bàn Khuê thiền sư và thị giả mặc dù có những bài học hay đẹp khác nhau nhưng đã có cùng công dụng như nhau. Như thế, câu chuyện này có thể giải thích:

Người thị giả có tài quản lý, nếu căn cứ trên phương diện lợi lạc mà đo lường cân nhắc, nhất là sau khi ở tiệm đã lựa chọn kỹ rồi mới mua giấy mang về. Nhưng trong lòng người đệ tử vẫn không tránh khỏi ái náy rằng: mình đã mua loại A, nhưng không chừng loại C còn tốt hơn...

Bàn Khuê thiền sư vì để phá trừ ý tưởng mê muội trong tâm đệ tử, cho nên cố ý làm mặt lạnh lùng: “Không được!” Nhưng thực ra, đối với một vị thiền sư khai ngộ thì không bo giờ phân biệt tốt xấu về những loại giấy. Có cho ngoài loại giấy rơm cỏ hạng xấu đi nữa ngài cũng không chê. Giống như một đứa con nít nhân ngày sinh nhật của ba nó, dùng tiền lẻ bỏ ông mua một bình rượu hạng thường để làm lễ vật tặng cho người cha nghiện rượu, ắt hẳn người cha cũng xem đó là vật quý báu mà uống ngon lành!

Nhưng, nếu người con bủn xỉn, cố ý mua bình rượu hạng bét để tặng cho xong việc, thì không những tâm tình vui vẻ của người cha suy giảm mà còn có thể là phiền giận là khác.

Đối với Bàn Khuê thiền sư thì giấy loại nào cũng xong. Điểm này chúng ta có thể thấy rõ là khi thị giả sám hối thiền sư sau khi đã đi mua giấy về lần thứ ba và thiền sư đã nói “Kỳ thực mua giấy về lần đầu là được rồi”. Then chốt của vấn đề chính là tâm thái của người thị giả.

Có lẽ lúc đầu, khi lựa giấy tâm người thị giả đã nghĩ: “Mua loại giấy này về, không chừng sẽ bị sư phụ khen thưởng...” Có lẽ thiền sư đã tri nhận được mê muội của người đệ tử và vì muốn khai đạo cho học trò nên mấy phen liền ngài đã bắt người đệ tử phải lên kinh thành để tìm mua giấy tốt.

---o0o---

CHỖ NÊN RONG RUỐI TÌM CẦU

Nói đến đây, tất nhiên có độc giả sẽ đưa ra vấn đề: Tại sao thiền sư có thể thấy được tư tưởng mê lầm trong tâm đệ tử?

Thực ra thì đạo lý đã rất đơn giản. Tư tưởng mê lầm trong tâm người, kẻ bàng quan chỉ nhìn cử chỉ thái độ người ấy cũng có thể thấy được, huống hồ xưa nay thiền sư là những cao thủ tri nhân chí minh (biết người rất rõ), như thế nếu ngay cả tâm sự của đồ đệ mình mà không thấy được thì làm sao thành bậc thiền sư chỉ đạo tu hành?

Nói cách khác, giá như khi thiền sư bảo “Cái này không được!” lúc ấy có lẽ thị giả đã không khách sáo thưa rằng: “Nếu vậy xin thầy sai người khác đi mua, chứ theo con thì con cho rằng đã mua giấy tốt mang về”. Hoặc giả nếu, thị giả này cũng là thiền sư, không chừng còn cuốn giấy lại, sau đó quăng tới sư phụ! Dường như tất cả thiền sư trong ấn tượng của chúng ta đều là như thế...

Có lẽ có độc giả sẽ cảm thấy thái độ như thế là quá ngang tàng. Nhưng so với người thị giả trước, vì bị sư hù cự tuyệt mà sợ sệt lên kinh mua giấy nhiều lần thì có vẻ nhu nhược, có tinh thần không hướng thượng.

Nhưng hãy khoan vội vàng chỉ trích người khác, bởi vì trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta phải chăng đã đầy dẫy những tình trạng tương tự?

“Quyển sách này viết hơi kém, viết lại quyển khác đi!”

Được rồi! được rồi, tôi theo lời ông”. Cuối cùng, giống như con chó vô chủ không hơi không sức. Bộ tịch lúc bấy giờ so với thị giả, phải chăng chỉ xê xích nhau 50 và 100 bước? Đương nhiên, nếu chúng ta hạn cuộc trong vòng 100 bước thì sẽ thấy sự vô dụng một cách rõ hơn.

Nhưng, tôi không có ý khích lệ mọi người chống lại cấp trên và hàng trưởng bối. Vì để tránh sự hiểu lầm của độc giả, tôi phải đặc biệt thuyết minh ở đây, ý tôi là mong mọi người không nên cưỡng cầu sự hoàn mỹ quá đáng, khi cần thiết có thể dứt khoát nói: “Tôi chỉ có thể làm được những cái này thôi!”

Nhưng, câu nói này không là đại biểu cho câu trả lời có tiêu chuẩn 100 điểm, nguyên nhân ấy trước đã trình bày. Lời nói của tôi là: đạo lý “Biết là biết, không biết là không biết”. Xem rất đơn giản, nhưng chưa chắc mọi người đều có thể làm được.

DO DỰ, BẤT QUYẾT THẢY ĐỀU VÔ DỤNG

Mãi, cảm thấy phương thức viết lách của tôi cũng biến thành mười phần thiên vị

Tuy nhiên dùng loại bút pháp này để giảng thuật thiền tôn công án thì không thể bảo là không được, nhưng trên lý luận thì lại thấy nát vụn vì đó chỉ là một số lời nói khiến người không hiểu và e rằng sẽ làm độc giả bị phản cảm.

Tóm lại, theo tôi – không nên dành quá nhiều vọng niệm chấp trước

Xin cứ thêm một thí dụ nữa để dẫn chứng!

Trên xe buýt công cộng, bạn thấy một lão bà tay chân run rẩy bước lên xe và đến đứng cạnh chỗ bạn ngồi, tức khắc bạn sẽ đứng lên và nói: “Xin mời ngồi!” Nhiều nhất cũng chỉ là việc nhường chỗ ngồi. Nhưng đã lỡ lịch sự bị mất chỗ ngồi, dù sao bạn cũng cảm thấy trong lòng có điều chi bất ổn vu vơ:

“Nhường đúng hay đừng nhường đúng?”

Vào thời khắc đó trong lòng cảm thấy phân vân bực bội vì thấy người trẻ ngồi cạnh, nên bạn thầm nghĩ: “Anh chàng này nhỏ tuổi hơn tôi, hẳn nên nhường ghế mới phải”. Và, nhìn sang hàng ghế đối diện là một đám nữ sinh đang ngồi trò chuyện lãng xãng thì trong lòng hậm hực: “Bà lão này đứng ra nên đến chỗ mấy nữ sinh cùng phải kia, đương nhiên những nữ sinh đó nhường chỗ mới phải..”

“Thiệt tình, đúng cái giờ cao điểm chật chội trên xe công cộng, bà lão này lại chen vào náo nhiệt. Nếu muốn có chỗ ngồi, phải chọn lúc khác để đi xe buýt mới phải...” lúc này vọng niệm tung bay đầy não.

Muốn nhường chỗ thì nhường, không muốn nhường chỗ thì bất tất phải cảm thấy khó chịu, nhưng thông thường con người lại suy nghĩ quá nhiều, những nội dung suy nghĩ không phải vì chính mình, cũng không phải vì người khác, mà chỉ là một số ý tưởng vu vơ tạp nhạp, thiên ky nhất là loại vọng tưởng này.

Chớ vọng tưởng –

Đó là câu nói của Vô Nghiệp hòa thượng, đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất thiền sư

Thật ra, phàm phu chúng ta có quá nhiều vọng tưởng. Nghĩ đông nghĩ tây, kết quả mê mất bản tâm, không tưởng, mộng tưởng, cuối cùng cũng không ra gì. Chi bằng thả sớm dứt khoát: “Tôi chỉ làm được có thể thôi”.

Như vậy thì không đến nỗi sa vào tư tưởng mê muội. Nếu không thì cho dù khứ hồi kinh thành mấy mươi lần đi nữa, Bàng Khuê thiền sư vẫn cứ lập tới lập lui: “Cái này không được!”. Cũng vậy, nếu không muốn nhượng, thì cứ ngồi yên!

---o0o---

TRÂN TIỆC “HIỆN TẠI, NGAY BÂY GIỜ”

Bài thứ nhứt của quyển sách này đã từng bàn rằng thiền là “Không nên bó buộc”, nhưng nay lại nói “Không nên vọng tưởng”. Kỳ thực hai điểm này dường đi tuy khác nhưng chỗ về chỉ một. Vậy thì tốt nhất chúng ta nên mang hai điểm này hợp lại thành một, tức là đạt đến cực trí (hết mức) của thiền.

Ngoài điều này ra, còn một điểm nữa cần nói đến là, phải chăng chúng ta đã thể ngộ điểm khả quý của “Đương hạ, hiện tại”.

Kiên Trì A Khách Mạc Phúc tiên sinh là một nhà vật lý học kiêm bình luận gia khoa học của Hoa Kỳ, trong tác phẩm “1,2,4...lớn đến vô hạn lớn” của ông đã ghi lại một mẫu chuyện cười thế này.

Có một nhóm quý tộc Hung Gia Lợi cùng nhau trèo núi. Khi trèo đến nửa chừng, họ bị lạc đường. Đang khi tiến thoái lưỡng nan, đoàn người liền mang địa đồ ra và bắt đầu thảo luận. Đương nhiên, trước tiên họ cần phải xác định vị trí hiện tại họ đang ở đâu

Không bao lâu, một người trong đoàn đột nhiên la lớn:

“Tôi biết hiện chúng ta ở đâu!”

“Ở đâu?”

“Các vị có thể xem ngọn núi cao kia! Hiện tại chúng ta lại ở đỉnh núi cao này”.

Đây chỉ là một câu chuyện khôi hài, nó không phải là một bài học triết lý cao siêu gì cả, nó chỉ gợi sáng trong một chớp nhoáng nhưng thường vẫn có người đặt ra rất nhiều vấn đề gỡ để phải đau đầu nhức óc.

“Điều đó có ý nghĩa gì? Hiện tại họ đang ở trên đỉnh của một ngọn núi khác!”

Mỗi lần kể xong chuyện tiểu lâm này hoặc tới những vấn đề thuộc loại như thế, khiến tôi không biết phải trả lời thế nào mới phải. Bởi vì bất cứ ai ở ngọn núi này hay ngọn núi kia, hoặc là ngọn núi khác cũng vậy, chỉ cần bảo ngọn núi mình đang ở: Thế không phải “ngọn núi này” sao? Vì thế sau khi các vị nghe hết câu chuyện này, ngoại trừ cái cười, không biết có phát hiện được chính mình cũng giống như vị quý tộc Hung Gia Lợi vừa kể vì đã không thể khẳng định đương hạ (lập tức) là như thế nào.

Trong cuộc sống của chúng ta, những trường hợp xảy ra tương tự như thí dụ trên nhiều đến nỗi không sao kể hết.

Ví như một viên chức của đài khí tượng, trong một cơn mưa lớn đã cầm bản đồ khí tượng và la: “Trần mưa này đã không chính xác, căn cứ trên bản đồ của tôi thì không có mưa!”

Ví như vào khoảng thượng tuần tháng 10, khí lạnh bắt đầu ập đến nhưng vì lẽ vẫn còn mùa thu nên đã có bao nhiêu người cho rằng tà cứ ngồi co chứ không chịu mang lò sưởi ra để dùng. Ví như đứa trẻ nọ đã dứt hẳn bệnh cảm, tinh thần đã phục hồi, nhưng vì mẹ em đã mua một lượng thuốc dùng trong năm ngày, do vậy, em bé bị bắt buộc phải nằm trong chăn để uống cho hết số thuốc đã mua.

Những trường hợp như thế nếu suy gẫm kỹ phải chăng chúng ta cũng đã từng có những lần về vị trí của mình “Trên đỉnh của ngọn núi ấy” một cách tương tự?

Đây là việc tầm thường trước mắt, hiện tại, đang ngay khi nó xảy ra mà chúng ta còn không thể nhận được nó, như thế thì đủ biết không phải chỉ riêng có đoàn quý tộc Hung Gia Lợi mới là những kẻ đáng cười!

---o0o---

HIỆN TẠI KHÔNG THỂ NHÃN NẠI VỊ LAI CHẮC CHẮN THỌ BÁO

Sau cùng xin kể thêm một mẫu chuyện nữa để chia sẻ cùng quý vị.

Trước kia, trong thành Xá Vệ, thủ đô nước Kiều Tát La (Kosa Là) Ấn Độ, có một người trẻ tuổi tên là Ương Quật Ma La là con ruột của một đại thần, không những thông minh lanh lợi mà còn là người đẹp trai tuấn tú. Đối với người Ấn, “Đẹp trai” còn có hàm ý là “tạo nghiệp”, “phạm tội”. Quả nhiên chàng thanh niên này “tội nghiệp” đây mình. Lúc bấy giờ anh theo một vị Bà La Môn đệ tử, nhưng vợ của vị này cứ mãi tìm cách để khêu gợi anh.

Vì Ương Quật Ma La là một người tuổi trẻ có tinh thần cầu tiến nên đối với sự khêu gợi của sư mẫu anh đã đáp lại bằng một thái độ lãnh đạm. Dù cố đủ cách nhưng vẫn không thành, do vậy, từ sự hổ thẹn bà đã trở thành giận dữ nên bà cáo buộc với chồng bà rằng Ương Quật Ma La đã tìm cách xâm phạm đến bà.

Để trừng phạt Ương Quật Ma La, Bà La Môn thượng sư đã ra lệnh cho hấn đến Xá Vệ thành giết 100 nam nữ và chặt hết ngón tay út mang về để làm dây chuyền đeo cổ. Ương Quật Ma La không dám trái lệnh. Cuối cùng từ một người trẻ tuổi có tâm địa lương thiện anh đã biến thành một ma vương giết người không gớm tay.

Lúc Ương Quật Ma La giết xong người thứ 99 và chuẩn bị giết người cuối cùng thì gặp đức Thích Tôn. Anh ta cũng định giết đức Thích Tôn, nhưng sau cùng vì nghe sự giáo huấn của đức Thích Tôn mà buông đao và cạo đầu làm đệ tử ngài.

Vấn đề là ở chỗ.

Sau khi Ương Quật Ma La đã thành đệ tử của Phật, một hôm đang ôm bình bát đến Xá Vệ để khát thực, vì mối cừ hận của những người trong thành đối với ông vẫn còn do vậy mọi người khi trông thấy ông đã ra tay ném đá công kích, dĩ nhiên đã không một ai đem vật thực để cúng dường. Ngay qua ngày, Ương Quật Ma La đành ôm bát không trở về và toàn thân lại mang đầy thương tích

Đức Thích Tôn chỉ im lặng thương hại nhìn ông. Mãi đến một hôm, đức Thích Tôn đã bảo với ông rằng:

“Này Ương Quật Ma La! Hãy nhẫn nại thêm nữa! Đây là nghiệp báo mà lẽ ra kiếp sau con phải gánh chịu nhưng nó đã ứng nghiệm trong kiếp này!”

Đây là một lời dạy của một bậc đại giác! Khiến tôi phải thương hại cho Ương Quật. Ương Quật Ma La không nhẫn nại thì không còn cách nào khác. Nếu không nhẫn nại được cái khổ hiện tại mà chỉ muốn tránh thì cho dù có trốn được một lúc nhưng tương lai không bao lâu chắc chắn vẫn chịu sự báo ứng. Nếu muốn tương lai khỏi bị quả báo thì hiện tại nhất định phải hoàn tâm nhẫn nại.

Nhưng, thông thường người ta cứ muốn trốn tránh những hiện thực vì không chịu đựng được những khổ nạn trước mắt. Đa phần chỉ một mực ảo tưởng về một vị lai không thực tế, hoặc cứ đắm chìm trong quá khứ một cách vô vọng. Đây là hành vi vô minh nhưng chúng ta lại thường không tự biết.

Chỉ có sống với “Đang là, hiện tại”, đó mới là cuộc sống chân chính của chúng ta. Tuy ôm ấp lý tưởng tương lai là một điều không thể không có, nhưng chúng ta phải nhận thức rõ một điểm: Con người không thể sống trong cuộc sống của người khác. Căn cứ vào nhận thức này, chúng ta càng phải tích cực thể nhập và sống trọn vẹn ngay trong “Lập tức, hiện tại bây giờ và ở đây”.

Đó chính là sự sinh hoạt trí tuệ của thiên.

---o0o---

HẬU KÝ VỊ LAI CHẮC CHẴN THỌ BÁO

Thiên là gì? Nếu có người hỏi tôi như thế, tôi sẽ trả lời rằng thiên là:

-- *Cách mạng tư tưởng* --

Hoặc giả cũng có thể nói là “Cách mạng ý thức”. Có thể sửa đổi cách quán sát chủ quan của sự vật hoặc tâm thức, ý thức hình thái của chúng ta thì đó chính là thiền.

Ví dụ, thiền sư dẫn thị giả tản bộ ở sân đình. Vào trời mùa thu, lá khô rơi rụng khắp nơi. Thiền sư nhặt từng lá một bỏ vào ống tay áo. Thị giả thấy vậy liền bảo:

“Bạch thầy, xin thầy chớ nên nhặt nữa, đợi một lát nữa sẽ có người đến để quét dọn...”

“Đồ ngốc! cứ mãi nói “đợi một lát, đợi một lát” như thế sân đình còn sạch sẽ được sao? Chỉ có hiện tại nhặt lá tức khắc, sân đình mới xác thực được sạch sẽ”. Thiền sư quả trách thị giả của ông.

Câu chuyện này là một ví von tốt nhất về “Cách mạng ý thức”. Đối với người thông thường thì khi gió thổi lá rụng đầy sân, tất nhiên ôm một tâm thái “Cho dù hiện tại nhặt lên năm, bảy lá rơi cũng chẳng ích gì, đợi một lát quét dọn luôn thể”. Nhưng nghĩ chỉ là nghĩ, thực tế vẫn trì trệ chậm chạp và không chịu hành động. Những sự lệ như thế đích thật xảy ra thường xuyên trong sinh hoạt thường nhật của chúng ta.

Thiền muốn chỉ dạy chúng ta rằng là:

■ *Lập tức, hiện tại* –

Đạo lý này đã được thuyết minh và nhấn mạnh một cách liên tục trong sách này. Thi hành ngay lập tức, ngay hiện tại, khi lá rụng nhặt lên ngay, cho dù 2,3 lá, sân đình đích thật sẽ lần lần biến thành sạch sẽ. Thiền chính là muốn kêu gọi loại hành động lực thực tế này.

Nhưng, thông thường loại sách thiền xuất bản trên thị trường dù có nói mấy đi nữa thì chẳng qua đến đây là cùng. Kể cả một số sách thiền do những thiền sư viết ra cũng chỉ nhằm “thuyết giáo” mà thôi. Cá nhân tôi thì cho rằng nội dung sách thiền như thế vẫn không đầy đủ.

Không sai, thiền đích xác là “cách mạng tư tưởng”, là giống như hành động lập tức nhặt lên lá rụng để triệt để sửa đổi tâm thái “đợi một lát mới làm” thường ngày đã bị tiêm nhiễm của chúng ta.

Nhưng nếu sự chỉ dạy của thiên chỉ là một môn “Đạo đức giáo dục” như quý độc giả đã thấy qua những sách thiên do phùng gian xuất bản giống hệt như giáo khoa thư “Công dân và đạo đức” của bộ giáo dục ban hành, tôi nghĩ, không riêng chỉ một mình tôi? Nói thực, những loại sách như thế đã khiến cho mọi người không dám phụng thờ.

Tôi cảm thấy tinh thần chân chính của thiên là ở chỗ:

-- *Không chấp trước phân biệt đối với tất cả sự vật* --
Cho dù là rác rến, xác lá rụng.

Thấy lá rụng tức khắc nhặt lên cũng vậy, để mặc nó rơi cũng vậy, tất cả đều không có gì trở ngại.

Đã từng có lần, tôi đứng xem mặt trời lặn ở bờ sông Hồ Cổ Lý của Gia Nhĩ Cát Đáp Ấn Độ. Dù đang lúc mắt nhìn cảnh đẹp, nhưng không cách nào không để ý đến vỏ trái cây, giấy vụn đang trôi bập bênh theo hai bên bờ sông. Tôi đã nghĩ thầm: “Tại sao chỗ đẹp đẽ thế này mà thải rác rến?” Thật tình đối với sự thiếu vệ sinh của người Ấn Độ đã khiến lòng tôi cảm thấy bức tức. Kết quả là không còn lòng dạ nào có thể đứng ngắm mặt trời lặn một cách an lạc. Lúc bấy giờ có một ông lão đồng hành đứng cạnh bờ sông khen rằng:

“Ồ! Cảnh đẹp vô cùng!”

Lúc ấy tôi nghĩ: “Chẳng lẽ ông ta có ý mai mỉa mình?” sau này khi xe qua những bức ảnh, tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét của ông lão.

Vì lẽ lòng tôi cứ chấp trước vào số rác rến trên sông. Thiên cũng dạy chúng ta loại “chấp trước” nhặt lá này. Thanh trừ rác rưởi là việc nên làm, nhưng không chấp trước rác rến là điều trọng yếu hơn. Ý chính mà quyển sách này muốn biểu đạt đó là “Thiên” là như thế đó.

---o0o---

NHẪN CÙNG NGƯỜI VÔ DỤNG XIN HÃY ĐỌC NHIỀU LẦN VÀ ĐỌC THẬT NHIỀU LẦN

---o0o---
Hết